

II CÔ-RINH-TÔ

Warren W. Wiersbe

1. SUY SỤP NHƯNG KHÔNG GỤC NGÃ (II Co 1:1-11)

1. Mở đầu (II Co 1:1-2)

“Có lẽ bạn tưởng tôi chẳng hề trải những thăng trầm của cuộc sống, nhưng chỉ có một lối bằng phẳng thênh thang của kiến thức thuộc linh với niềm vui và sự thanh thản miên man. Chẳng hề như vậy! Tôi thường cảm thấy hết sức khốn khổ và mọi sự dường như u ám nhất”.

Đó là lời nói của Tiến sĩ John Henry Jowett, người từng được gọi là “Nhà truyền giáo lừng danh nhất trong giới nói tiếng Anh” vào thời ông. Làm mục sư ở những Hội Thánh lớn, ông đã giảng dạy cho những hội chúng đông đảo và viết ra những cuốn sách bán chạy nhất.

“Tôi là đối tượng của tình thần chán nản thật đáng sợ đến nỗi tôi mong rằng không ai trong số các bạn rơi vào những thái cực khốn khổ như tôi.”

Những lời ấy được Charles Haddon Spurgeon chia sẻ trong một bài giảng. Chức vụ xuất sắc của ông tại Luân Đôn hẳn đã khiến ông trở nên nhà truyền giáo lừng lẫy nhất mà Anh quốc chưa từng có.

Nản lòng là tình trạng có thể xảy đến với mọi người, không phân biệt ai. Thật ra, sự nản lòng dường như tấn công những người thành đạt nhiều hơn những người không thành đạt. Vì càng leo cao, chúng ta có thể bị ngã xuống sâu hơn. Chẳng ngạc nhiên gì khi chúng ta biết sự đồ cao trọng như Phao-lô từng “bị đè nén quá chừng” và “đến nỗi mắt lòng trông cậy giữ sự sống” (II Co 1:8). Cao trọng qua tính cách và chức vụ, nhưng Phao-lô cũng chỉ là con người như chúng ta.

Phao-lô có thể đã thoát được khỏi những gánh nặng nếu ông không được Chúa kêu gọi (1:1) và không quan tâm giúp đỡ người khác. Ông đã thành lập Hội Thánh tại Cô-rinh-tô và thi hành chức vụ ở đó được 1 năm 6 tháng (Cong 18:1-18). Khi những vấn đề nghiêm trọng của Hội Thánh xảy ra sau khi ông ra đi, ông cử Ti-mô-thê đến giải quyết những nan đề đó (ICo 4:17) và viết bức thư mà chúng ta gọi là ICô-rinh-tô.

Chẳng may, nan đề trở nên tệ hại hơn nên Phao-lô phải thực hiện chuyến viếng thăm “buồn rầu” đến Cô-rinh-tô đối phó với những kẻ gây rối (II Co 2:1). Dầu vậy, vẫn không có giải pháp nào cho nan đề này. Sau đó, Phao-lô viết một “bức thơ nghiêm khắc” được cộng sự của ông là Tít đem đi (2:4-9 7:8-12). Sau nhiều đau buồn, cuối cùng Phao-lô gặp lại Tít và được nghe tường thuật khích lệ rằng nan đề đã được giải quyết. Đó là lúc ông viết bức thư chúng ta gọi là IICô-rinh-tô.

Phao-lô viết thư này với nhiều lý do. Trước tiên, ông muốn khích lệ Hội Thánh tha thứ và phục hồi địa vị cho thuộc viên đã gây mọi rắc rối này (2:6-11). Ông cũng muốn giải thích lý do ông thay đổi kế hoạch (1:15-22) và bênh vực quyền sứ đồ của mình (4:1-2 10:1-12:21). Sau hết, ông muốn khích lệ Hội Thánh dự phần vào “việc quyên góp viện trợ” được ông phát động để giúp đỡ các thánh đồ nghèo khó xứ Giu-đê (8:1-9:15).

Một trong những từ quan trọng ở thư tín này là “yên ủi hay khích lệ” tiếng Hy Lạp có nghĩa “gọi về phía mình để giúp đỡ”. Động từ này được sử dụng 18 lần trong thư tín và danh từ 11 lần. Mặc cho mọi thử thách đã trải qua, Phao-lô (bởi ơn Đức Chúa Trời) vẫn có thể viết ra một bức thư chan chứa sự yên ủi.

Phao-lô có bí quyết thành công gì khi trải qua những áp lực và thử thách? Bí quyết của ông là Đức Chúa Trời. Lúc cảm thấy nản lòng và sắp bỏ cuộc, bạn đừng chú ý vào bản thân, và hãy hướng về Đức Chúa Trời. Bởi từng trải khốn khó của bản thân, Phao-lô cho chúng ta

biết phương cách có thể tìm thấy sự yên ủi nơi Đức Chúa Trời. Ông cho chúng ta 3 điều nhắc nhở đơn giản.

2. Hãy nhớ Đức Chúa Trời là gì đối với bạn (II Co 1:3)

Phao-lô mở đầu thư tín bằng một bài ca chúc tụng. Chắc hẳn, ông không thể ca ngợi về những hoàn cảnh của mình, nhưng có thể ca ngợi Đức Chúa Trời Đấng tể trị mọi hoàn cảnh. Phao-lô biết rằng sự ngợi khen là một yếu tố quan trọng để đắc thắng sự nản lòng và cơn buồn phiền. “Ngợi khen thay đổi mọi sự” cũng giống như “cầu nguyện thay đổi mọi sự”.

Hãy ngợi khen Ngài vì Ngài là Đức Chúa Trời! Bạn thấy nhóm từ “ngợi khen Đức Chúa Trời” ở 2 chỗ trong Kinh Thánh Tân Ước: Eph 1:3 và IPhi 1:3. Ở Eph 1:3 Phao-lô ngợi khen Đức Chúa Trời về điều Ngài thực hiện trong quá khứ, khi “chọn chúng ta trong (Đấng Christ)” (Eph 1:4) và ban cho chúng ta “đủ mọi thứ phước thiêng liêng”. Ở IPhi 1:3 Phi-e-ro ngợi khen Đức Chúa Trời về những phước hạnh trong tương lai và “sự trông cậy sống”. Nhưng ở thư IICô-rinh-tô, Phao-lô ngợi khen Đức Chúa Trời về những ơn phước hiện tại, những điều Đức Chúa Trời đang hoàn thành ngay lúc ấy.

Trải suốt những kinh hoàng của cuộc chiến 30 năm, mục sư Martin Rinkart đã trung tín giúp đỡ người dân ở Eilenburg, Saxony. Một ngày ông chủ trì đến 40 tang lễ, với tổng số trên 4.000 tang lễ suốt giai đoạn thi hành chức vụ. Nhưng, từ từng trải khiếp kinh này, ông đã viết ra “một bài cầu nguyện trong bữa ăn” cho trẻ con mà hôm nay được chúng ta sử dụng như một bài ca cảm tạ:

“Nào, chúng ta hãy cảm tạ Đức Chúa Trời của mình,
Bằng tấm lòng, đôi tay và tiếng nói
Đấng đã thực hiện những điều kỳ diệu,
Trong Ngài thế giới của Ngài hoan hỉ!”

Hãy ngợi khen Ngài vì Ngài là Cha Đức Chúa Giê-xu! Chính nhờ Chúa Giê-xu, chúng ta có thể gọi Đức Chúa Trời là “Cha” và thậm chí có thể đến gần Ngài như con cái Ngài. Đức Chúa Trời nhìn thấy chúng ta qua Con Ngài và yêu thương chúng ta như Ngài yêu Con Ngài vậy (Gi 17:26). Chúng ta là “những người yêu dấu của Đức Chúa Trời” (Ro 1:7) vì chúng ta “được tiếp nhận trong Con yêu dấu của Ngài” (Eph 1:6).

Bất cứ điều gì Đức Chúa Cha đã làm cho Chúa Giê-xu khi Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất, Ngài cũng có thể làm cho chúng ta hôm nay. Chúng ta được Đức Chúa Trời yêu quý vì Con Ngài được Ngài yêu quý và vì chúng ta là công dân “Nước của Con rất yêu dấu Ngài” (con của tình yêu Ngài) (Co 1:13). Chúng ta được Đức Chúa Cha quý trọng và Ngài đảm bảo chắc chắn rằng những áp lực của cuộc sống sẽ không huỷ diệt chúng ta.

Hãy ngợi khen Ngài vì Ngài là Cha hay thương xót! Đối với dân Do Thái, chữ “cha của...” mang ý nghĩa “người sáng tạo ra...” Sa-tan là “cha sự nói dối” (Gi 8:44) vì những dối trá khởi nguồn từ nó. Theo Sa 4:21 Giu-banh là tổ phụ của những nhạc cụ vì ông sáng tạo ra ống sáo và đàn hạc. Đức Chúa Trời là Cha hay thương xót vì mọi sự thương xót đều khởi nguồn từ Ngài và chỉ được bảo đảm nơi Ngài.

Bởi ân điển, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta những điều chúng ta không xứng đáng nhận lãnh, và bởi lòng thương xót, Ngài không ban cho chúng ta những điều chúng ta đáng phải nhận lãnh. “Ấy là nhờ sự nhân từ Đức Giê-hô-va mà chúng ta chưa tuyệt. Vì sự thương xót của Ngài chẳng dứt” (Ca 3:22). Sự thương xót của Đức Chúa Trời thật phong phú (Ne 9:19),

địu dàng (Thi 25:6) và rất lớn (Dan 14:19). Kinh Thánh luôn nói đến sự nhân từ dư dật của Chúa” mà sự cung ứng thật vô tận (Thi 5:7 51:1 69:13,16 106:7,45 Ca 3:32).

Hãy ngợi khen Ngài vì Ngài là Đức Chúa Trời ban mọi sự yên ủi! Từ “yên ủi hay an ủi (từ cùng gốc theo tiếng Hy Lạp) được lặp lại 11 lần trong (IICo 1:1-11). Chúng ta đừng nghĩ đến “yên ủi” theo những thuật ngữ về “sự cảm thông”, vì sự cảm thông có thể khiến chúng ta yếu đuối thay vì làm chúng ta mạnh mẽ. Đức Chúa Trời không vô đầu chúng ta để khen ngợi rồi cho chúng ta cây kẹo hay một món đồ chơi nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của chúng ta khỏi những khốn khổ. Không hề vậy, Ngài đặt năng lực nơi lòng chúng ta hầu cho chúng ta có thể đối diện với những thử thách và đắc thắng chúng. Theo tiếng Anh từ “yên ủi” (comfort) xuất phát từ 2 từ La-tinh nghĩa là “với sức mạnh”. Từ Hy Lạp nghĩa là “đi bên cạnh và giúp đỡ”. Chính từ này được sử dụng cho Đức Thánh Linh (“Đấng Yên ủi”) trong Gi 14:1-16:33.

Đức Chúa Trời có thể yên ủi chúng ta bởi Lời Ngài và qua Thánh Linh Ngài. Nhưng đôi lúc Ngài cũng dùng những tín hữu khác để ban sự yên ủi cho chúng ta khi cần (IICo 2:7,8 7:6-7). Thật tuyệt biết bao nếu chúng ta đều mang biệt danh “Ba-ra-ba – con trai của sự yên ủi”! (Cong 4:36).

Khi bạn cảm thấy chán nản bởi những hoàn cảnh khó khăn bạn rất dễ nhìn bản thân và cảm xúc của mình hoặc chú ý vào những nan đề quanh mình. Nhưng bước đầu tiên ta phải thực hiện là: hãy nhìn lên Chúa bằng đức tin và nhận biết mọi quyền năng của Đức Chúa Trời đối với mình. “Tôi ngước mắt lên trên núi: Sự tiếp trợ tôi đến từ đâu? Sự tiếp trợ tôi đến từ Đức Giê-hô-va, là Đấng đã dựng nên trời và đất” (Thi 121:1,2).

3. Hãy nhớ những điều Đức Chúa Trời làm cho bạn (IICo 1:4,8-11)

Trước tiên, Ngài cho phép thử thách xảy đến: Ngôn ngữ Hy Lạp có 10 từ cơ bản nói về sự chịu khổ, trong đó có 5 từ được Phao-lô dùng để viết thư tín này. Từ được sử dụng thường xuyên nhất là từ “thlipsis”, mang ý nghĩa “eo hẹp, bị hạn chế, bị đè nén” và trong thư tín này dịch là “hoạn nạn (IICo 2:4 4:17), “đau khổ” (1:4) và “khó khăn” (1:4,8). Cảm thấy mình bị giam hãm bởi những nghịch cảnh, nên cách duy nhất Phao-lô có thể hành động là đương đầu với hoàn cảnh.

Ở (IICo 1:5-6), Phao-lô dùng từ “pathêma” – “sự đau đớn” – từ này cũng được sử dụng để nói về sự đau đớn của Đấng Christ chúng ta (IPhi 2:11 5:1). Có những sự đau đớn chúng ta chịu chỉ vì chúng ta là người phạm nên phải bị đau, nhưng cũng có những đau đớn khác xảy đến cho chúng ta là dân của Đức Chúa Trời muốn hầu việc Ngài.

Chúng ta đừng nghĩ rằng khó khăn là một tai nạn. Đối với Cơ Đốc nhân, mọi sự đều được Đức Chúa Trời định sẵn. Khi những thử thách của cuộc sống xảy đến, chỉ có 3 quan con người có vận dụng: Nếu thử thách xảy đến cho chúng ta là kết quả của “số phận” hay “may rủi” vậy phản ứng duy nhất của chúng ta là đầu hàng. Không ai có thể điều khiển được số phận hay may rủi. Nếu chúng ta phải tự điều khiển mọi sự, vậy hiện trạng của chúng ta xem như đồng nghĩa với vô vọng. Nhưng nếu Đức Chúa Trời điều khiển mọi sự và chúng ta tin cậy nơi Ngài, khi ấy chúng ta có thể thắng hơn hoàn cảnh nhờ sự tiếp trợ của Ngài.

Đức Chúa Trời yên ủi chúng ta trong mọi đau khổ của mình bằng cách dùng Lời Ngài để dạy chúng ta biết rằng chính Ngài là Đấng cho phép mọi thử thách xảy ra. Ngài cũng yên ủi chúng ta nhiều hơn bằng cách nhắc ta nhớ Ngài đang tể trị mọi thử thách (1:8) “Chúng tôi đã bị đè nén quá chừng, quá sức mình, đến nỗi mắt lòng trông cậy giữ sự sống”. Phao-lô mệt mỏi như một con vật thồ hàng với những gánh nặng quá tải. Nhưng Đức Chúa Trời biết khả năng chịu đựng của Phao-lô và Ngài tể trị hoàn cảnh.

Chúng ta không biết Phao-lô gặp “hoạn nạn” cụ thể nào, nhưng nó đáng sợ đủ để ông tưởng mình sắp chết. Chúng ta không biết có phải đó là sự nguy hiểm từ phía những kẻ thù của ông (ICo 15:30-32 Cong 19:21), bệnh tật ngặt nghèo hoặc sự tấn công đặc biệt của ma quỷ hay chẳng, nhưng chúng ta hẳn biết rằng Đức Chúa Trời đã điều khiển mọi hoàn cảnh và bảo vệ tôi tớ Ngài. Khi Đức Chúa Trời đặt con cái Ngài trong lò lửa thử thách, Ngài giữ tay Ngài trên bộ chỉnh nhiệt và mắt Ngài trên nhiệt kế (ICo 10:13 IPhi 1:6-7). Phao-lô có thể mất hy vọng giữ sự sống, nhưng Đức Chúa Trời không hề mất hy vọng nơi Phao-lô.

- *Ngài giúp chúng ta có thể chịu được thử thách* (IICo 1:9). Việc đầu tiên Đức Chúa Trời phải làm là cho chúng ta biết tình trạng yếu đuối trong bản thân mình. Phao-lô là một tôi tớ dày dạn và đầy ơn của Đức Chúa Trời, từng trải mọi thử thách hoạn nạn (4:8-12 11:23). Chắc hẳn mọi từng trải này đã giúp ông đương đầu với những khó khăn mới và khắc phục chúng.

Nhưng Đức Chúa Trời muốn chúng ta tin cậy Ngài – chớ không phải ân tứ, tài năng, kinh nghiệm, hay “những thành tích thuộc linh”. Ngay khi chúng ta cảm thấy tự tin và có thể giáp mặt với kẻ thù, là lúc chúng ta thất bại thảm hại. “*Vì khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ*” (12:10).

Khi bạn và tôi chết về bản ngã, bấy giờ quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời có thể hành động. Chính khi Áp-ra-ham và Sa-ra gần như chết về thân thể, là lúc quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời khiến họ sinh đứa con như lời hứa (Ro 4:16-25). Tuy nhiên, “chết về cái tôi” không có nghĩa là sự tự mãn nhàn rỗi, chẳng làm gì và chờ đợi Đức Chúa Trời làm mọi sự. Bạn có thể chắc rằng Phao-lô đã cầu nguyện, truy cứu Kinh Thánh, hội ý với các cộng sự, và nhờ cậy Đức Chúa Trời hành động. Đức Chúa Trời Đáng khiến kẻ chết sống lại thoả đáp được bất cứ nan đề nào của cuộc sống. Ngài có thể làm được mọi sự, nhưng chúng ta phải sẵn sàng cho Ngài.

Phao-lô không phủ nhận cảm xúc của ông, Đức Chúa Trời cũng không muốn chúng ta phủ nhận cảm xúc của mình. “Chúng tôi khốn đốn đủ mọi cách, ngoài thì có sự chiến trận, trong thì có sự lo sợ” (IICo 7:5). Nhóm từ “án xử tử” trong 1:9 có thể nói về một bản án công khai, một lệnh bắt giữ và xử án Phao-lô. Hãy nhớ rằng người Do Thái không tin đã sẵn lòng Phao-lô và muốn trừ khử ông (Cong 20:19). Trong danh mục về những nguy hiểm Phao-lô trải qua, ta không nên bỏ sót phần “nguy với giữa dân mình” (IICo 11:26).

- *Ngài giải cứu chúng ta khỏi thử thách* (IICo 1:10). Phao-lô nhìn thấy bàn tay giải cứu của Đức Chúa Trời dù khi ông chùn bước, cân nhắc hay suy tính. Từ Phao-lô sử dụng mang ý nghĩa “giúp thoát khỏi cơn khốn khổ, cứu và bảo vệ”. Không phải lúc nào Đức Chúa Trời cũng giải cứu chúng ta tức thời, Ngài cũng không giải cứu mỗi con cái Ngài cùng một phương cách. Gia-cơ bị xử chém đầu, nhưng Phi-e-rơ được tha khỏi ngục (Cong 12:1-25). Cả 2 điều được giải cứu, nhưng theo những phương cách khác nhau. Đôi lúc, Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta khỏi thử thách, và lúc khác Ngài lại giải cứu chúng ta qua chính thử thách chúng ta chịu.

Sự giải cứu của Đức Chúa Trời nhằm để đáp ứng đức tin Phao-lô, cũng như đức tin của nhiều tín hữu đang khẩn nguyện tại Cô-rinh-tô (IICo 1:11) “Kẻ khốn cùng này có kêu cầu, Đức Giê-hô-va bèn nhậm lời người, giải cứu người khỏi các điều gian truân” (Thi 34:6).

- *Sau cùng, Ngài được vinh hiển qua những thử thách chúng ta ném trải* (IICo 1:11). Khi Phao-lô thuật lại những việc Đức Chúa Trời làm cho ông, một bài ca tôn vinh và cảm tạ từ các thánh đồ đã đến nơi ngôi Đức Chúa Trời. Sự hầu việc cao trọng nhất mà bạn và tôi có thể thực hiện, đó là quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời, và lắng lú� sự hầu việc ấy cũng bao gồm

sự chịu khổ nữa. “Ăn tứ đờc ban” đề cập đến việc Phao-lô đờc giải cứu khỏi sự chết. Thật là một ân tứ kỳ diệu!

Phao-lô chẳng bao giờ xấu hổ khi nhờ các tín hữu cầu thay cho ông. Trong ít nhất 7 thư tín, ông nhắc đến nhu cầu to lớn của mình về việc cầu thay (Ro 15:30-32 Eph 6:18-19 Phi 1:19 Co 4:3 ITe 5:25 ITe 3:1 Phi 1:22). Phao-lô và các tín hữu Cô-rinh-tô đang giúp đỡ nhau (IICo 1:11,24).

Mới đây, một người bạn truyền giáo của tôi kể rằng đờc con gái của anh đờc giải cứu cách mầu nhiệm khỏi một căn bệnh bị xem là một căn bệnh chết người. Ngay giờ phút đờc con gái ấy quá yếu sức, nhiều bằng hữu ở Hoa-kỳ đã tiếp tục cầu nguyện cho gia đình này Đức Chúa Trời đã nhậm lời và chữa lành đờc con gái. Sự giúp đỡ cao quý nhất chúng ta có thể dành cho tôi tớ Đức Chúa Trời, ấy là “giúp nhau bằng sự cầu nguyện”.

Từ “sunupourgèo” có nghĩa “giúp nhau” đờc sử dụng duy nhất ở đây trong Kinh Thánh Tân Ước tiếng Hy Lạp, và đờc tạo thành từ 3 từ: “vớ, dưới, làm việc”. Đây là bức tranh của những người làm việc dưới gánh nặng, chung sức nhau để công việc đờc hoàn tất. Thật đáng khích lệ khi biết rằng Đức Thánh Linh cũng hỗ trợ chúng ta trong sự cầu nguyện và giúp chúng ta mang nổi gánh nặng (Ro 8:26).

Nếu chúng ta đầu phục Đức Chúa Trời, tin cậy và vâng theo mọi điều Ngài truyền bảo. Ngài sẽ thực hiện mục đích của Ngài qua những thử thách của cuộc sống chúng ta. Những khó khăn có thể “khiến đức tin chúng ta tăng trưởng và làm mạnh mẽ đời sống cầu nguyện của chúng ta. Khó khăn có thể kéo chúng ta đến gần hơn với các tín hữu khác khi họ chia sẻ gánh nặng với chúng ta. Những khó khăn nó thể đờc sử dụng để quy vinh hiển danh Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi bạn thấy mình rơi vào những thử thách của cuộc sống, hãy nhớ đến Đức Chúa Trời là gì đối với bạn và những điều Ngài làm cho bạn.

4. Hãy nhớ những điều Đức Chúa Trời hành động qua bạn (IICo 1:4-7)

Trong lúc hoạn nạn, đa số chúng ta chỉ nghĩ đến bản thân và quên kẻ khác. Chúng ta trở nên những cái “bể chứa” thay vì là những “mạch nước”. Nhưng một lý do thử thách xảy đến, ấy là để bạn và tôi có thể học biết cách trở nên những mạch nước phước hạnh, yên ủi khích lệ những người khác. Chúng ta có thể yên ủi họ, bởi Đức Chúa Trời đã yên ủi chúng ta.

Một trong những nhà truyền giáo tôi tâm đắc là Tiến sĩ George W. Truett, người đã làm mục sư Hội Thánh First Baptist ở Dallas, Texas gần 50 năm. Trong một bài giảng, ông kể về cặp vợ chồng vô tín có đờc con nhỏ chết bất ngờ. Tiến sĩ Truett chủ trì tang lễ và sau đó ông vui mừng thấy cả 2 vợ chồng tin nhận Chúa Giê-xu.

Nhiều tháng sau, có một người mẹ trẻ mất con. Lần nữa, Tấn sĩ Truett đờc mời đến yên ủi bà. Nhưng, trong lời chia sẻ của ông, dường như không câu nào có vẻ yên ủi bà mẹ. Thế nhưng tại lễ tang, bà mẹ đã đờc thay đổi đi bên cạnh người mẹ trẻ và nói: “Tôi đã trải qua hoàn cảnh này và tôi biết những điều bà đang trải qua. Đức Chúa Trời đã gọi tôi, vượt qua bóng tối và tôi đã đến với Ngài. Ngài đã yên ủi tôi và Ngài sẽ yên ủi bà!”

Tấn sĩ Truett nói: “Có thể trong nhiều ngày, nhiều tháng người mẹ thứ nhất có thể giúp cho người mẹ thứ hai nhiều hơn những gì tôi có thể làm, vì người mẹ thứ nhất đã chính mình đi trên con đờng đau khổ”.

Tuy nhiên, Phao-lô nói rõ rằng chúng ta không nhất thiết phải trải qua những thử thách như nhau mới có thể chia sẻ đờc sự yên ủi của Đức Chúa Trời. Nếu đã ném biết sự yên ủi của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể “yên ủi kẻ khác trong sự khôn nạn nào họ gặp” (IICo 1:4b). Dĩ nhiên, nếu chúng ta trải qua những hoạn nạn tương tự, chúng ta có thể giúp ta gần gũi

hơn với kẻ khác và hiểu rõ tâm trạng họ nhưng những từng trải của chúng ta không thể thay đổi sự yên ủi của Đức Chúa Trời. Sự yên ủi ấy vẫn luôn sẵn có và hữu hiệu cho dù những từng trải của chúng ta thế nào đi nữa.

Ở IICo 12:1-21 Phao-lô sẽ cho chúng ta một điển hình về nguyên tắc này. Ông được ban cho “một cái giằm xóc vào thịt”, một thứ hoạn nạn về thể xác luôn giáng trên ông. Chúng ta không rõ “cái giằm xóc vào thịt” này là gì, cũng không cần thiết phải biết. Chúng ta thật biết rằng Phao-lô đã kinh nghiệm ân điển Đức Chúa Trời và chia sẻ sự yên ủi đó cho chúng ta. Dù bạn gặp thử thách ra sao, lời phán “Ân điển ta đủ cho người rồi” (12:9) là một lời hứa bạn có thể nắm giữ. Nếu Phao-lô không chịu khổ, có lẽ chúng ta đã không có lời hứa ấy.

Không dễ gì hiểu được vấn đề đau khổ của con người, vì có những mâu nhiệm trong hành động của Đức Chúa Trời chúng ta không bao giờ biết rõ cho đến khi vào thiên đàng. Đôi lúc chúng ta chịu khổ vì tội lỗi và sự chống nghịch của mình, giống như Giô-na. Cũng có khi chúng ta chịu khổ để không phạm tội như trường hợp của Phao-lô (12:7). Hoạn nạn có thể hoàn thiện tính cách chúng ta (Ro 5:1-5) và giúp ta dự phần vào bản tính Đức Chúa Trời (Eph 12:1-11).

Nhưng hoạn nạn còn có thể giúp chúng ta chăm sóc kẻ khác. Ở mỗi Hội Thánh, có những tôi tớ trưởng thành của Đức Chúa Trời đã trải qua hoạn nạn và kinh nghiệm ơn thương xót của Đức Chúa Trời, và họ là những “người yên ủi” tuyệt vời trong hội chúng. Phao-lô kinh nghiệm hoạn nạn, không như hình phạt về sự vi phạm nào đó của ông, nhưng như sự chuẩn bị cho công việc ông sắp thực hiện – chăm sóc những kẻ khác trong sự khốn khổ. Hãy nghĩ đến những thử thách vua Đa-vít đã chịu để có thể nhận được niềm yên ủi lớn lao qua những gì chúng ta tìm thấy trong sách Thi Thiên.

Câu Kinh Thánh IICo 1:17 cho thấy rõ luôn có khả năng hoàn cảnh có thể đảo ngược: tín hữu Cô-rinh-tô có thể vượt qua những thử thách và nhận ân điển Đức Chúa Trời hầu có thể yên ủi kẻ khác. Đôi lúc Đức Chúa Trời kêu gọi một gia đình Hội Thánh trải qua những thử thách đặc biệt để Ngài có thể ban cho họ ơn dư dật đặc biệt. Sự khích lệ đầy ân điển của Đức Chúa Trời giúp đỡ chúng ta nếu chúng ta học hỏi chịu đựng. “Sự chịu đựng kiên trì là bằng chứng của đức tin. Nếu chúng ta trở nên cay đắng và phê phán Chúa, nếu chúng ta chống nghịch thay vì đầu phục, khi ấy những thử thách chúng ta chịu sẽ gây hại cho chúng ta thay vì làm ích lợi cho chúng ta, khả năng chịu hoạn nạn cách kiên trì mà không bỏ cuộc là dấu hiệu của sự trưởng thành thuộc linh (He 12:1-7).

Đức Chúa Trời phải hành động trong chúng ta trước khi Ngài có thể hành động qua chúng ta. Đối với chúng ta, thật dễ tăng trưởng trong sự hiểu biết hơn là tăng trưởng trong ân điển (IPhi 4:18). Học hỏi chân lý của Đức Chúa Trời và đưa nó vào đầu chúng ta là một chuyện, nhưng sống theo chân lý của Đức Chúa Trời và áp dụng nó vào bản tính của chúng ta lại là một chuyện hoàn toàn khác. Đức Chúa Trời đã đặt thanh niên Giô-sép trong 13 năm hoạn nạn trước khi Ngài khiến ông trở nên quan tể tướng của Ai Cập. Giô-sép đã trở thành con người vĩ đại biết bao! Đức Chúa Trời luôn chuẩn bị chúng ta cho điều Ngài dành sẵn cho chúng ta, và một phần của sự chuẩn bị đó là sự đau khổ.

Trong ánh sáng này, IICo 1:5 rất ý nghĩa: ngay cả Chúa Giê-xu của chúng ta cũng đã phải chịu khổ! Khi chịu khổ theo ý muốn Đức Chúa Trời là lúc chúng ta đang dự phần vào sự chịu khổ của Đấng Christ. Điều này không liên hệ đến “sự chịu khổ thay kẻ khác” của Chúa trên thập tự, vì chỉ có Ngài mới có thể chịu chết như sự thay thế vô tội cho chúng ta (IPhi 2:21-25). Ở đây Phao-lô muốn đề cập đến “sự thông công thương khó của Ngài” (Phi 3:10), giống như Đấng Christ, những thử thách chúng ta chịu vì chúng ta muốn trung tín làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời. Đây là sự chịu khổ “vì sự công bình” (Mat 5:10-12).

Nhưng khi hoạn nạn gia tăng thì sự ban ơn của Đức Chúa Trời cũng gia tăng. Chữ “chứa chan” gợi lên hình ảnh một con sông tuôn chảy. “Nhưng Ngài lại ban cho ta ơn lớn hơn nữa” (Gi 4:6). Đây là một nguyên tắc quan trọng cần biết: Đức Chúa Trời có ân điển dư dật cho mọi nhu cầu chúng ta, nhưng Ngài sẽ không ban ơn ấy trước. Chúng ta đến ngôi ơn phước bởi đức tin “hầu cho được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thì giờ có cần dùng” (He 4:16). Từ Hy Lạp nghĩa là “giúp đỡ khi bạn cần, sự giúp đỡ đúng lúc”.

Tôi có đọc câu chuyện về một tín đồ sốt sáng bị bắt bớ vì niềm tin và bị xử thiêu sống tại cột. Vào đêm trước ngày thi hành án, ông ta không biết mình có đủ ơn để trở thành “ngọn đuốc người” hay không. Vì vậy, ông thử nghiệm lòng can đảm của mình bằng cách đặt ngón tay vào ngọn lửa đèn cây. Dĩ nhiên, anh bị lửa đốt nóng và phải rút tay lại vì đau đớn. Ông chắc rằng mình sẽ chẳng bao giờ có thể đối đầu với sự tử đạo mà không nản lòng. Nhưng hôm sau, Đức Chúa Trời đã ban cho ông ơn cần thiết, nên ông đã bày tỏ một chứng cứ vui mừng và đắc thắng trước kẻ thù.

Giờ đây chúng ta có thể hiểu rõ hơn ICo 1:9 vì nếu chúng ta có thể dự phòng ơn của Đức Chúa Trời để dùng khi khẩn cấp, chúng ta sẽ có xu hướng cậy nơi bản thân chứ không cậy nơi “Đức Chúa Trời của mọi ơn” (IPhi 5:10). Mọi nguồn tài nguyên Đức Chúa Trời ban cho chúng ta có thể được cất giữ để sử dụng cho tương lai, như tiền bạc, lương thực, tri thức v.v.. nhưng ân điển của Đức Chúa Trời không thể được tích trữ như vậy.

Khi chúng ta kinh nghiệm ơn phước của Đức Chúa Trời trong đời sống thường nhật ơn ấy được đầu tư trong đời sống chúng ta như phẩm chất tin kính (Ro 5:1-5). Sự đầu tư này đem lại ích lợi khi những hoạn nạn mới xảy đến trên đường đi của chúng ta, vì phẩm chất tin kính Chúa giúp chúng ta có thể chịu được hoạn nạn hầu làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời.

Có một “tình đồng đội” đối với sự chịu khổ, nó có thể kéo chúng ta đến gần Đấng Christ và những người thuộc về Ngài. Nhưng nếu chúng ta khởi sự đắm mình trong sự than thân trách phận – thì hoạn nạn sẽ tạo ra sự cô lập thay vì quan hệ gắn bó. Chúng ta sẽ xây lên những bức tường chứ không phải những nhịp cầu.

Điều quan trọng là bạn hãy hướng sự chú ý nơi Đức Chúa Trời chứ không nơi bản thân. Hãy nhớ Đức Chúa Trời là gì đối với bạn – Ngài là “Đức Chúa Trời, Cha Đức Chúa Giê-xu chúng ta, là Cha hay thương xót, là Đức Chúa Trời ban mọi sự yên ủi” (II Co 1:3). Hãy nhớ những điều Đức Chúa Trời làm cho bạn – rằng Ngài có quyền tể trị trên những thử thách của bạn để khiến chúng xảy ra vì ích lợi của bạn và vì vinh hiển của Ngài. Sau hết, hãy nhớ những điều Đức Chúa Trời hành động qua bạn và hãy để Ngài sử dụng bạn làm sự yên ủi kẻ khác.

2. BẠN KHÔNG CẦN PHẢI THẤT VỌNG! (II Co 1:12-2:17)

Trong cuốn sách nhan đề “những nét nổi bật trong sự can đảm” (Profiles in Courase), John F. Kennedy viết: “những khủng hoảng lớn sản sinh những con người vĩ đại và những công việc vĩ đại của lòng can đảm”.

Thật đúng khi cho rằng cơn khủng hoảng tạo nên một con người, nhưng cũng đúng khi nói rằng khủng hoảng phơi bày bản chất thật của một con người. Quan toà Phi-lát đã đối diện với một cơn khủng hoảng lớn, nhưng cách giải quyết của ông không giúp ông trở nên can đảm hay tuyệt vời. Cách chúng ta giải quyết những khó khăn của cuộc sống tùy thuộc nhiều nơi tính cách chúng ta vì những gì cuộc sống đem đến cho chúng ta tùy vào những gì cuộc sống tìm thấy trong chúng ta.

Trong chính bức thư riêng này, Phao-lô đã mở lòng mình ra với tín hữu Cô-rinh-tô (cùng với chúng ta) và bày tỏ những thử thách hoạn nạn ông đã trải qua. Trước tiên, ông bị người

Cô-rinh-tô chỉ trích gay gắt vì đã thay đổi kế hoạch và rõ ràng đã thất hứa. Lúc bấy giờ, xảy ra vấn đề chống đối về quyền sứ đồ trong Hội Thánh. Một trong những thành viên Hội Thánh – có lẽ là người lãnh đạo – đã phải bị kỷ luật, và điều này khiến Phao-lô hết sức đau buồn. Sau cùng, xảy ra những hoàn cảnh khốn khó Phao-lô gặp phải ở xứ A-si (II Co 1:8-11), một thử thách quá khắc nghiệt đến nỗi Phao-lô mất lòng trông cậy giữ được sự sống.

Điều gì giúp Phao-lô không nản lòng? Nếu đương đầu với hoàn cảnh tương tự, người khác có lẽ đã gục ngã! Tuy vậy, Phao-lô không chỉ đắc thắng mọi hoàn cảnh mà từ từng trải ấy ông đã viết ra một bức thư tuyệt vời thậm chí hôm nay vẫn đang giúp con cái Đức Chúa Trời kinh nghiệm được sự đắc thắng. Những nguồn năng lực thuộc linh nào đã giúp Phao-lô vững vàng như vậy?

1. Lương tâm thánh sạch (II Co 1:12-24)

Theo tiếng Anh, từ “lương tâm” (conscience) có nguồn gốc từ 2 chữ La-tinh “com” (nghĩa là “với”) và “scire” (nghĩa là “biết”). Lương tâm là phần nội tâm “nhận biết với” tư tưởng chúng ta để bênh vực khi chúng ta hành động đúng, nhưng tố cáo khi chúng ta làm sai. Lương tâm không phải luật pháp Đức Chúa Trời nhưng nó làm chứng cho luật pháp. Lương tâm là cửa sổ đón nhận sự sáng nếu cửa sổ ấy trở nên bụi bặm vì chúng ta không vâng phục, vậy sự sáng sẽ ngày càng trở nên lu mờ (Mat 6:22-23 Ro 2:14-16).

Phao-lô sử dụng từ “lương tâm” 23 lần trong các thư tín và trong chức vụ rao giảng của ông ở sách Công vụ. “Cũng vì cơ ấy, nên tôi gắng sức cho có lương tâm không trách móc trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt loài người (Cong 24:16). Khi một người có tính chính trực, không giả dối, người ấy có thể đáng tin cậy.

Vì vậy các tín hữu Cô-rinh-tô cáo Phao-lô về sự lừa dối và vô trách nhiệm? Vì ông đã buộc phải thay đổi kế hoạch. Ông vốn đã hứa sẽ trú đông tại Cô-rinh-tô “nếu Chúa cho phép” (ICo 16:2-8). Phao-lô muốn gom góp tiền dâng mà tín hữu Cô-rinh-tô góp giúp các tín đồ Do Thái nghèo khó và để Hội Thánh có quyền sai ông cùng các cộng sự của ông đến Giê-ru-sa-lem.

Đối diện nhiều với sự hối tiếc và bẽ bàng, Phao-lô đã phải thay đổi những kế hoạch này. Tôi rất thông cảm với ông, vì trong chức vụ hạn hẹp của tôi, lắm lúc tôi đã phải thay đổi kế hoạch và huỷ bỏ những buổi nhóm họp mà không được lợi ích gì của quyền sứ đồ! Will Roger nói: “Kế hoạch kéo bạn vào những sự việc, nhưng bạn phải hành động theo cách của mình”. Giờ đây, Phao-lô định thực hiện 2 cuộc thăm viếng đến thành Cô-rinh-tô, một lần trên đường đến xứ Ma-xê-đoan và một lần trên đường rời xứ Ma-xê-đoan. Khi ấy Phao-lô sẽ kết hợp tiền dâng của tín hữu Cô-rinh-tô với tiền dâng của tín hữu các Hội Thánh xứ Ma-xê-đoan và tiếp tục đến Giê-ru-sa-lem.

Tiếc thay, cả kế hoạch B cũng bị huỷ bỏ. Vì sao? Vì lòng yêu thương của Phao-lô không thể chịu nổi một “cuộc viếng thăm buồn rầu” nữa (II Co 1:23 2:1-3). Phao-lô thông báo cho Hội Thánh Cô-rinh-tô sự thay đổi kế hoạch của ông, nhưng điều này cũng không làm lắng dịu sự chống đối. Họ cáo ông làm theo “sự khôn ngoan xác thật” (1:12), xao lãng ý chỉ của Đức Chúa Trời (1:17) và lập những kế hoạch chỉ để thoả mãn chính mình. Họ muốn nói rằng: “Nếu Phao-lô nói hay viết điều gì, ông ta thật sự muốn nói một điều khác! Ông ấy nói “vâng”, nghĩa là “không” và “không” nghĩa là “vâng”.

Những hiểu lầm giữa con cái Đức Chúa Trời thường rất khó gỡ rối. Vì hiểu lầm này sẽ dẫn đến hiểu lầm khác. Một khi chúng ta bắt đầu nghi ngờ sự trung thực của người khác hay không tin lời nói của họ, cửa sổ sẽ được mở cho mọi thứ nan đề. Nhưng cho dù những kẻ tố cáo Phao-lô nói gì đi nữa, ông vẫn vững vàng bởi có một lương tâm thánh sạch. Điều ông

viết, lời ông nói và cách ông sống đều nhất quán với nhau. Xét cho cùng, ông đã bỏ sung cho kế hoạch ban đầu rằng “nếu Chúa cho phép” (ICo 16:7 chú ý Gia 4:13-17).

Khi có một lương tâm thánh sạch, bạn sẽ sống trong sự nhận biết về ngày Chúa Giê-xu Christ tái lâm (II Co 1:14) “Ngày Đức Chúa Giê-xu” chỉ về thời điểm Đấng Christ hiện ra và cất Hội Thánh Ngài lên trời. Phao-lô biết chắc rằng ông sẽ làm vẻ vang cho các tín hữu Cô-rinh-tô cũng như họ sẽ làm vẻ vang cho ông trước Ngôi Phán Xét của Đấng Christ. Dù hôm nay xảy ra những hiểu lầm nào chẳng nữa, nhưng tất cả sẽ được tha thứ, được quên đi và được biến đổi thành sự vinh hiển khi chúng ta đứng trước mặt Chúa Giê-xu Christ để dâng lời chúc tụng Ngài.

Khi có một lương tâm thánh sạch, bạn sẽ rất chú trọng ý muốn Đức Chúa Trời (c.15-18). Phao-lô không lập kế hoạch một cách cầu thả hay bừa bãi, nhưng ông tìm kiếm sự dẫn dắt của Chúa. Đôi lúc, ông không biết rõ Đức Chúa Trời muốn ông làm gì (Cong 16:6-10), nhưng ông biết cách chờ đợi Chúa. Động cơ của Phao-lô rất chân thật: ông muốn tìm cách làm đẹp lòng Chúa chứ không phải đẹp lòng con người. Khi chúng ta yên lặng suy xét hoàn cảnh khó khăn của phương tiện vận chuyển và thông tin thời bấy giờ, hẳn có thể thán phục rằng Phao-lô đã không gặp nhiều trở ngại khi thực hiện nhiều kế hoạch với giờ giấc bận rộn của mình.

Chúa Giê-xu dạy chúng ta truyền đạt điều mình muốn nói: “Con chỉ cần nói đơn giản “vâng” hoặc “không” là đủ. Cũng cố lời hứa bằng một lời thề chứng tỏ đã có gì giả dối” (Mat 5:37). Chỉ có kẻ xấu tính mới lảm lời để củng cố cho câu trả lời có hay không của mình. Người Cô-rinh-tô biết Phao-lô là người có phẩm cách chính trực vì ông là người có một lương tâm thánh sạch. Suốt 18 tháng thi hành chức vụ giữa vòng họ, Phao-lô đã tỏ mình trung tín và không thay đổi.

Khi có một lương tâm thánh sạch, bạn sẽ ngợi khen Chúa Giê-xu Christ (II Co 1:19-20). Bạn không thể ngợi khen Đấng Christ lại đồng thời làm điều giả dối. Nếu làm vậy, bạn sẽ xúc phạm đến lương tâm và huỷ hoại phẩm cách của chính mình để cuối cùng sự thật rồi cũng lộ ra. Tín hữu Cô-rinh-tô được cứu do Phao-lô và các bạn ông đã rao giảng về Chúa Giê-xu Christ cho họ. Làm sao Đức Chúa Trời có thể bày tỏ cách sống thật của mình.

Đối với Chúa Giê-xu, không có trường hợp “phải” hoặc “không”. Ngài là sự trả lời “vâng vĩnh cửu” của Đức Chúa Trời đối với những ai tin cậy Ngài. “Vì chúng cũng như các lời hứa của Đức Chúa Trời đều là phải trong Ngài cả, ấy cũng bởi Ngài mà chúng tôi nói “A-men” làm sáng danh Đức Chúa Trời” (II Co 1:20). Chúa Giê-xu Christ bày tỏ những lời hứa, làm trọn lời hứa và giúp chúng ta nắm giữ lời hứa! Một trong những phước hạnh dành cho một lương tâm tốt, đó là phước hạnh mà chúng ta không sợ đối diện với Đức Chúa Trời hoặc con người hay khi nắm giữ lời hứa Đức Chúa Trời ban qua Lời Ngài. Phao-lô không hề phạm tội “giả mạo” Lời Đức Chúa Trời để biện hộ cho những hành vi tội lỗi của mình (4:2).

Sau cùng, nếu có một lương tâm thánh sạch, bạn sẽ ở trong mối tương giao tốt đẹp với Thánh Linh Đức Chúa Trời (1:21-24). Từ “được thiết lập” là một thuật ngữ thương mại có liên quan đến việc cam kết làm trọn một hợp đồng. Đó là sự bảo đảm của người bán đối với người mua, rằng sản phẩm sẽ y như quảng cáo hoặc dịch vụ sẽ được thực hiện như đã hứa.

Thánh Linh là sự bảo đảm của Đức Chúa Trời rằng Ngài đáng tin cậy và Ngài sẽ thực hiện mọi điều đã hứa. Phao-lô cẩn thận để không làm buồn lòng Đức Thánh Linh, và vì Đức Thánh Linh không lên án ông nên ông biết những động cơ của mình rất trong sáng cũng như lương tâm rất thánh sạch.

(II Co 1:21). Trong Cựu Ước, các tiên tri, thầy tế lễ và vua mới là những người được Đức Chúa Trời xúc dầu. Họ được xúc dầu để chuẩn bị cho chức vụ. Thánh Linh có thể giúp chúng

ta hầu việc Đức Chúa Trời và sống đời sống tin kính khi chúng ta đầu phục Ngài. Thánh Linh ban cho chúng ta khả năng suy xét đặc biệt về thuộc linh mà chúng ta cần để hầu việc Đức Chúa Trời cách đẹp lòng Ngài (IGi 2:20-27).

Đức Thánh Linh cũng ấn chứng cho chúng ta (II Co 1:22 Eph 1:13) để chúng ta thuộc về Đấng Christ và được Ngài nhìn nhận. Lời chứng của Đức Thánh Linh ở trong lòng bảo đảm rằng chúng ta là con cái thật của Đức Chúa Trời chứ không phải con cái giả hiệu (Ro 5:5 8:9). Đức Thánh Linh còn bảo đảm rằng Ngài sẽ bảo vệ chúng ta, vì chúng ta là tài sản của Ngài.

Sau hết, Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể phục vụ kẻ khác (II Co 1:23-24), không như kẻ “chuyên quyền thuộc linh” bảo người khác những điều phải làm, nhưng như tôi tớ tìm cách giúp người khác tăng trưởng. Những giáo sư giả xâm phạm Hội Thánh Cô-rinh-tô vướng phải tội những kẻ chuyên quyền (II Co 11:1-34). Hôm nay, Thánh Linh có thể khiến chúng ta vui mừng hưởng những phước hạnh của thiên đàng ở trong lòng! Nhờ có Đức Thánh Linh là Đấng ngự vào lòng, Phao-lô đã có thể giữ lương tâm thánh sạch và đối diện với mọi hiểu lầm bằng tình yêu thương với lòng nhịn nhục. Nếu bạn sống để làm vui lòng con người, vậy những hiểu lầm sẽ khiến bạn buồn chán nhưng nếu sống để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, bạn có thể đối diện với mọi sự hiểu lầm bằng đức tin và sự can đảm.

2. Tấm lòng yêu thương (II Co 2:1-11)

Tôi thường trích dẫn một vần thơ vô danh mô tả cách trọn vẹn một trong những vấn đề mà con cái Đức Chúa Trời như chúng ta thường hay gặp phải:

“Sống trên trời với những thánh đồ ta yêu quý,
Hắn sẽ là niềm hãnh diện!
Sống dưới trần với thánh đồ ta quen biết.
Ồ đó lại là chuyện khác!”

Một thuộc viên Hội Thánh Cô-rinh-tô đã khiến Phao-lô hết sức đau buồn. Chúng ta không biết chắc đây có phải là cùng một người Phao-lô đã đề cập ở I Co 5:1-13 hay không, là kẻ đang sống trong sự thông dâm lộ liễu hay đây là một người khác là người phản đối quyền sứ đồ của Phao-lô. Phao-lô đã thực hiện cuộc viếng thăm nhanh chóng đến thành Cô-rinh-tô để giải quyết vấn đề này (I Co 12:14 13:1) và cũng viết cho họ một “bức thư buồn rầu” nói về thực trạng ấy. Trong mọi điều này ông bày tỏ lòng thương xót. Bạn hãy chú ý những chứng cứ về tình yêu thương của Phao-lô.

- *Trước tiên, Phao-lô đặt kẻ khác lên hàng đầu* (II Co 2:1-4). Ông không nghĩ đến những cảm xúc của bản thân, nhưng nghĩ đến những cảm xúc của người khác trước hết. Trong chức vụ Cơ Đốc, những ai đem đến cho chúng ta niềm vui lớn, cũng có thể gây cho chúng ta buồn bã nhiều, và đây chính là điều Phao-lô kinh nghiệm. Ông gửi cho tín hữu Cô-rinh-tô một bức thư nghiêm túc, được viết ra từ tấm lòng quặn thắt và chứa chan tình yêu Cơ Đốc. Ước mong lớn của Phao-lô là Hội Thánh vâng lời Chúa, kỷ luật người phạm tội và đem lại sự thanh sạch cùng sự bình an trong hội chúng.

“Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín, còn sự hôn hít của kẻ ghen ghét lấy làm giả nguy” (Ch 27:6). Phao-lô biết rằng lời lẽ của ông sẽ làm tổn thương những người ông yêu mến, và điều này khiến ông đau lòng. Nhưng (như mọi cha mẹ có lòng yêu thương) ông cũng biết rằng: làm đau lòng người khác và làm hại cho người khác là hai điều khác nhau hoàn toàn. Lắm lúc, những người yêu mến chúng ta phải làm đau lòng chúng ta để giúp ta không làm hại bản thân mình.

Lẽ ra Phao-lô đã có thể thực hiện quyền sứ đồ và yêu cầu các tín hữu tôn trọng và vâng lời ông, nhưng ông muốn thi hành chức vụ bằng tình yêu thương và lòng nhin nhục. Đức Chúa Trời biết rằng sự thay đổi kế hoạch của Phao-lô xuất phát từ động cơ làm giảm bớt sự buồn rầu cho Hội Thánh Cô-rinh-tô (II Co 1:23,24). Tình yêu thương luôn suy xét xúc cảm của kẻ khác và tìm cách đặt lợi ích họ lên hàng đầu mọi sự.

- *Nhưng tình yêu cũng tìm cách giúp người khác tăng trưởng* (II Co 2:5,6). Đáng chú ý lời Phao-lô không nêu tên của người chống đối ông và chia rẽ tập thể Hội Thánh. Tuy nhiên, Phao-lô bảo Hội Thánh phải kỷ luật người này vì ích lợi của người đó. Nếu người bị ám chỉ là người phạm tội thông dâm đã đề cập ở I Co 5:1-11, vậy những câu Kinh Thánh này cho thấy Hội Thánh đã tổ chức một buổi họp và kỷ luật người ấy người ấy đã ăn năn tội và được phục hồi địa vị.

Sự sửa phạt thật là bằng cơ của tình yêu (He 12:1-29). Một số bậc phụ huynh trẻ, có “quan niệm mới” về cách nuôi dạy con cái đã không sửa phạt sự bất tuân của con mình vì tuyên bố rằng họ rất yêu con cái. Nhưng nếu họ thật sự yêu con cái mình, họ đã sửa phạt chúng rồi.

Kỷ luật Hội Thánh không phải là một vấn đề phổ biến hay một thông lệ. Có quá nhiều Hội Thánh “giấu biệt” những việc như thế thay vì vâng theo Lời Chúa và dạn dĩ đối diện với thực trạng bằng cách “lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15). “bình an bằng bất cứ giá nào” không phải là một nguyên tắc Kinh Thánh, vì không thể có sự bình an thuộc linh thật nếu không có sự thánh sạch (Gia 2:13-18). Những nan đề “bị giấu biệt” bằng cách nào đó sẽ gia tăng và còn tạo thêm cả những vấn đề tệ hại hơn sau đó.

Người mà Phao-lô đương đầu và là người mà Hội Thánh kỷ luật, đã được nâng đỡ bằng sự quan tâm đầy lòng yêu thương này. Lúc còn bé, tôi luôn không tán thành hình thức kỷ luật cha mẹ dành cho mình, dù phải công nhận rằng tôi đáng phải nhận lãnh hơn thế. Nhưng giờ đây khi nhớ lại, tôi có thể cảm tạ Đức Chúa Trời rằng cha mẹ yêu thương tôi đủ để đánh tôi đau và ngăn cản tôi gây hại cho chính mình. Bây giờ tôi đã hiểu những điều cha mẹ thật sự muốn bày tỏ khi nói: “Điều này làm cha mẹ đau nhiều hơn con”.

Sau hết, tình yêu tha thứ và yên ủi (II Co 2:7-11). Phao-lô kêu gọi tập thể Hội Thánh tha thứ người phạm lỗi, và ông trình bày những lý do chính đáng củng cố cho lời khuyên này. Trước tiên, họ phải tha thứ cho người phạm lỗi vì lợi ích của người ấy, “hầu cho người khỏi bị sa ngã vì sự buồn rầu quá lớn” (II Co 2:7-8). Sự tha thứ là phương thuốc giúp chữa lành những tấm lòng tan vỡ. Điều quan trọng là Hội Thánh phải làm cho người ăn năn tin chắc về sự yêu thương của Hội Thánh.

Trong chức vụ mục sư của tôi, tôi từng dự những buổi nhóm tại đó những thuộc viên bị kỷ luật đã được tha thứ và phục hồi mỗi thông công. Đó là những giờ phút cao quý, thánh khiết trong đời tôi. Khi một tập thể Hội Thánh giúp một anh em được tha thứ tin chắc tội lỗi mình được quên lãng và mỗi thông công đã được phục hồi, có một cảm biết về sự hiện diện của Chúa thật là một kinh nghiệm tuyệt diệu. Mỗi phụ huynh khi sửa phạt con cái phải áp dụng kỷ luật này với sự bảo đảm về tình yêu cùng sự tha thứ, nếu không, kỷ luật sẽ gây tai hại hơn ích lợi.

Họ phải xác định tình yêu thương của mình đối với người anh em đã được tha thứ vì có Chúa (II Co 2:9-10). Xét cho cùng, kỷ luật là một vấn đề về sự vâng phục chúa cũng là một sự bắt buộc dành cho một anh em. Vấn đề không đơn giản là giữa một anh em phạm tội và một sứ đồ buồn rầu nó cũng là vấn đề giữa một anh em phạm tội với một Đấng Christ đau buồn. Người phạm tội nghịch với Phao-lô và Hội Thánh, người ấy hầu như đã nghịch với Chúa. Khi

những lãnh đạo Hội Thánh nhút nhát, cố “che đậy” những thực trạng thay vì thành thật đối diện với chúng, vậy họ đang làm buồn lòng Đấng Christ.

Phao-lô nêu lý do thứ ba: Hội Thánh phải tha thứ cho người phạm lỗi vì ích lợi của Hội Thánh (II Co 2:11). Nếu trong hội chúng có tinh thần không tha thứ vì tội lỗi đã không được giải quyết bằng thái độ Kinh Thánh, tinh thần này cho Sa-tan một “chỗ đỗ bộ” để từ đó nó có thể hành động trong hội chúng. Chúng ta làm buồn lòng Thánh Linh Đức Chúa Trời và “nhường chỗ cho ma quỷ” khi giữ tinh thần cố chấp (Eph 4:27-32).

Một trong những “mưu chước” của Sa-tan là kiện cáo những Cơ Đốc nhân đã phạm tội để khiến họ có cảm giác thực trạng mình vô phương cứu chữa. Có một số người viết thư hoặc gọi điện cho tôi để yêu cầu được giúp đỡ vì họ bị sự thúc ép và kiện cáo của ma quỷ. Đức Thánh Linh cáo trách tội lỗi chúng ta để chúng ta xưng ra và trở lại với Đấng Christ hầu được sạch tội, nhưng Sa-tan kiện cáo chúng ta về tội lỗi để chúng ta nản lòng và bỏ cuộc.

Khi một anh em phạm lỗi bị kỷ luật theo Kinh Thánh và ăn năn, vậy tập thể Hội Thánh phải tha thứ và phục hồi tư cách thuộc viên ấy, vấn đề phải được quên đi và không bao giờ bị khơi lại. Nếu tập thể Hội Thánh hay một cá nhân nào trong đó mang tinh thần không tha thứ, Sa-tan sẽ lợi dụng thái độ ấy làm bàn đạp cho những cuộc đột kích mới chống lại Hội Thánh.

Phao-lô đã có thể vượt qua những vấn đề gặp phải, vì ông có một lương tâm thánh sạch và một tấm lòng thương xót. Nhưng, còn một nguồn linh lực thứ 3 khiến ông đắc thắng.

3. Một đức tin đắc thắng (II Co 2:12-17)

Dường như kế hoạch của Phao-lô ở A-si đã hoàn toàn thất bại. Tít ở đâu? Chuyện gì đang xảy ra ở thành Cô-rinh-tô. Phao-lô đang có những cửa mở ra cho “chức vụ tại Trô-ách, nhưng ông không có sự bình an trong lòng để bước qua những cửa đó. Nói theo cách loài người, đây giống như kết thúc của cuộc chiến trong đó Sa-tan là kẻ chiến thắng.

Một điều ngoại lệ! Phao-lô có một đức tin đắc thắng! Ông đã có thể bật lên lời chúc tụng và viết: “Tạ ơn Đức Chúa Trời!” (II Co 2:14). Bài ca chúc tụng này ra đời từ những điều Phao-lô biết chắc, bởi ông tin cậy Chúa.

Phao-lô biết chắc Đức Chúa Trời đang dẫn dắt ông (II Co 2:14a). Mọi hoàn cảnh đã không dễ chịu, và Phao-lô đã không thể lý giải những thay đổi cùng những điều gây nản lòng. Nhưng ông biết chắc Đức Chúa Trời đã tề trị mọi sự. Cơ Đốc nhân luôn có thể biết chắc rằng bao lâu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và tìm cách vâng phục ý chỉ Ngài, Ngài sẽ hiệp mọi sự làm ích lợi cho chúng ta (Ro 8:28). Lời hứa này không phải là cơ để biện hộ cho sự bất cẩn nhưng đó là lời yên ủi cho niềm tin quyết.

Một người bạn của tôi muốn gặp một lãnh đạo là Cơ Đốc ở phía sau “màn sắt” và chuẩn bị xuất bản một cuốn sách, nhưng mọi sự sắp đặt đều thất bại. Bạn tôi đơn điệu trong một nơi xa lạ, nghĩ ngợi không biết phải làm gì kế tiếp đây, khi anh “tình cờ” tiếp xúc với một người lạ, chính là người đã đưa anh đến đúng những lãnh đạo anh muốn tìm! Đó là sự định liệu của Đức Chúa Trời hành động, sự ứng nghiệm của (Ro 8:28).

Phao-lô cũng biết chắc Đức Chúa Trời đang dẫn dắt ông trong sự đắc thắng (II Co 2:14b). Bức tranh ở đây là bức tranh về “lễ mừng chiến thắng của dân Rô-ma” (Roman Triumph), một sự ngưỡng mộ đặc biệt mà Rô-ma dành cho những tướng thắng trận của họ. Lễ này tương tự như cuộc diễu hành có trong các băng giấy của dân Hoa-kỳ (Ticker tape parade).

Nếu một tướng tổng chỉ huy thắng trận hoàn toàn trên đất lạ, và nếu giết được tối thiểu 5.000 địch quân cũng như dành được lãnh thổ mới về cho hoàng đế, vị tướng ấy sẽ được

quyền làm bất cứ điều gì tại lễ mừng chiến thắng. Đoàn diễu hành bao gồm viên chỉ huy ngồi trên cỗ xe bằng vàng, vây quanh bởi các tướng lĩnh. Đám rước bao gồm sự phô trương những chiến lợi phẩm cũng như tù binh địch bị bắt giữ. Các thầy tế lễ Rô-ma cũng có mặt trong đám rước, mang theo hương liệu đang cháy để bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với đội quân chiến thắng.

Đoàn diễu hành sẽ đi theo một con đường đặc biệt xuyên qua thành phố và dừng tại đấu trường Maximus nơi những tù binh vô vọng sẽ làm trò tiêu khiển cho mọi người bằng cách đấu với dã thú. Đó là một ngày rất đặc biệt tại Rô-ma khi mọi công dân được thết đãi bằng một “lễ mừng chiến thắng” thật đầy đủ.

Chi tiết lịch sử này ứng dụng ra sao đối với Cơ Đốc nhân nặng lòng hôm nay? Tướng tống chỉ huy của chúng ta là Chúa Giê-xu Christ đã đến đất lạ (thế gian) và đánh bại hoàn toàn kẻ thù (Sa-tan). Thay vì diệt 5.000 người, Ngài đã ban sự sống cho hơn 5.000 người – thêm 3.000 người tại lễ Ngũ tuần và 2.000 người nữa không lâu sau lễ Ngũ tuần (Cong 2:41-4:4). Chúa Giê-xu Christ đã giành được chiến lợi phẩm là những linh hồn hư mất từng ở trong vòng xiềng xích của tội lỗi và Sa-tan (Lu 11:14-22 Co 2:15 Eph 4:8). Thật là một chiến thắng lừng lẫy!

Những người con của viên tướng thắng trận này sẽ bước đi sau cỗ xe của cha mình, dự phần trong chiến thắng của cha và đó là vị trí của những Cơ Đốc nhân hôm nay – bước đi trong chiến thắng của Đấng Christ. Chúng ta không chiến đấu để được chiến thắng chúng ta chiến đấu từ chiến thắng. Thực trạng không có vẻ gì là chiến thắng đối với Phao-lô tại A-si hay tại thành Cô-rinh-tô, nhưng ông tin Đức Chúa Trời – và Đức Chúa Trời đã đổi bại thành thắng.

Sau hết, Phao-lô biết chắc Đức Chúa Trời đang sử dụng ông khi Ngài dẫn dắt ông (II Co 2:14-17). Khi các thầy tế lễ Rô-ma xông hương trong đoàn diễu hành, mùi hương ấy tác động đến mọi người theo những cách khác nhau. Đối với binh lính thắng trận, mùi hương mang ý nghĩa sự sống và chiến thắng nhưng đối với địch quân bị đánh bại, mùi hương mang ý nghĩa chiến bại và chết chóc. Họ đi để bị dã thú giết chết.

Khi sử dụng hình ảnh về hương liệu Phao-lô đã phác họa nhiệm vụ của Cơ Đốc nhân. Phao-lô nhìn Cơ Đốc nhân như một hương liệu, toả hương thơm về Chúa Giê-xu Christ trong đời sống và việc làm của mình. Đối với Đức Chúa Trời, Cơ Đốc nhân là hương thơm của cuộc sống, nhưng đối với kẻ vô tín, chúng ta như mùi hương của sự chết. Nói cách khác, đời sống và chức vụ của Cơ Đốc nhân là vấn đề về sự sống và sự chết. Cách chúng ta sống và làm việc có thể mang ý nghĩa sự sống hoặc sự chết đối với một thế giới hư mất quanh ta.

Chẳng lạ gì khi Phao-lô kêu lên “Ai xứng đáng cho những sự này?” (II Co 2:16) và cho lời giải đáp ở chương kế tiếp “tài năng của chúng tôi đến từ Đức Chúa Trời (3:5). Ông nhắc tín hữu Cô-rinh-tô nhớ rằng lòng ông thánh sạch và những động cơ của ông rất chân thật. Xét cho cùng, khi Phao-lô bước đi trong sự huấn luyện tài tình của Đấng Christ đắc thắng, không cần phải tỏ ra khôn ngoan hay “thông thái rởm” về Lời Đức Chúa Trời! Các tín hữu Cô-rinh-tô có thể hiểu lầm ông, nhưng Đức Chúa Trời biết lòng ông.

Chúng ta không cần phải thất vọng! Mọi hoàn cảnh có thể làm ta chán nản và con người có thể nghịch với chúng ta cũng như hiểu lầm chúng ta nhưng chúng ta đã có những nguồn linh lực nơi Đấng Christ để thắng trận: một lương tâm thánh sạch, một tấm lòng thương xót và một đức tin đắc thắng.

“Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?... Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần” (Ro 8:31,37).

3. TỪ VINH HIỂN QUA VINH HIỂN (II Co 3:1-18)

Mỗi khi bạn thấy những điều chân thật, bạn sẽ thấy có người đề cao những thứ giả mạo. Cả những nhà phê bình nghệ thuật cũng bị đánh lừa bởi những “kiệt tác” giả mạo, và các nhà xuất bản lương thiện đã mua những “bản thảo giá trị” chỉ để khám phá chúng là đồ giả. Henry Ward Beecher thật có lý khi nói: “Một sự giả dối luôn cần có một sự thật để nó lợi dụng”.

Ngay khi Phúc Âm về ân điển Đức Chúa Trời bắt đầu lan rộng giữa vòng dân ngoại thì một “Phúc Âm” giả hiệu xuất hiện – một sự pha trộn luật pháp với ân điển. Sự pha trộn này được tạo ra do một nhóm người nhiệt huyết mà chúng ta phải gọi là “những người theo đạo Do Thái”. Phao-lô viết thư cho người Ga-la-ti để bác bỏ những học thuyết của họ, và bạn sẽ thấy ông đề cập đến các học thuyết đó nhiều lần trong thư tín IICô-rinh-tô.

Trọng tâm của những học thuyết đó nhằm vào sự cứu rỗi bởi đức tin trong Đấng Christ kèm theo việc tuân giữ luật pháp (xem Cong 15:1). Họ cũng dạy rằng người tin Chúa được trọn vẹn trong đức tin mình bằng cách sống theo luật Môi-se. “Phúc Âm về sự tuân theo luật pháp” của họ rất phổ biến, bởi bản chất con người vốn thích đạt đến những mục tiêu tôn giáo thay vì chỉ tin nhận Đấng Christ và hành động theo Thánh Linh. Đánh giá “tôn giáo” thật dễ hơn nhiều khi đánh giá sự công bình thật.

Phao-lô xem những giáo sư giả như những kẻ “giả mạo” lời Đức Chúa Trời (II Co 2:17), những “kẻ tống tiền đội lốt tôn giáo” lừa gạt người nhẹ dạ, Phao-lô bác bỏ những cách dạy Kinh Thánh quanh co của họ (4:2) và xem thường xu hướng họ khoe khoang về những người họ dốt về Chúa (10:12-18). Một lý do tín hữu Cô-rinh-tô chậm trễ trong việc đóng góp cho sự quyên tiền đặc biệt, là vì những người đạo Do Thái đã “cướp bóc” của Hội Thánh (11:7-12,20 12:14).

Phao-lô phản bác những học thuyết và việc làm của các giáo sư giả ra sao? Bằng cách bày tỏ vinh hiển trội hơn trong chức vụ của Phúc Âm về ân điển Đức Chúa Trời. Trong II Co 3:1-18 Phao-lô so sánh chức vụ của giao ước cũ (luật pháp) với chức vụ của giao ước mới (ân điển), và chứng minh tính cao trọng của chức vụ thuộc giao ước mới. Hãy chú ý những điểm tương phản ông trình bày.

1. Bảng đá - Lòng người (II Co 3:1-3)

Những người Do Thái giáo khoe khoang rằng họ đã mang những “thơ gửi gắm” (II Co 3:1) của “những người quan trọng” trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, và cho Phao-lô là người không có những uỷ nhiệm thư như vậy. Thật buồn khi một người đo giá trị của bản thân bằng những điều người khác nói về mình thay vì bằng những điều Đức Chúa Trời biết về mình Phao-lô không cần uỷ nhiệm thư nào của các lãnh đạo Hội Thánh: đời sống và chức vụ của ông là những sự gửi gắm duy nhất ông cần.

Khi Đức Chúa Trời ban luật pháp, Ngài viết trên những bảng đá và những bảng này được đặt trong hòm giao ước. Cho dù dân Y-sơ-ra-ên có thể đọc được 2 bảng đá này, thì từng trải đó cũng không thể thay đổi được đời sống họ. Luật pháp là hình thức bên ngoài và con người cần một năng lực bên trong nếu muốn đời sống mình được thay đổi. Người theo chủ nghĩa luật pháp có thể khuyên chúng ta “hãy làm điều này” hay “đừng làm điều đó!” nhưng người ấy không thể cho chúng ta năng lực vâng theo. Nếu chúng ta vâng theo, thường thì sự vâng theo đó không xuất phát từ tấm lòng, và chúng ta sẽ đi đến tình trạng tệ hại hơn trước!

Chức vụ của ân điển thay đổi lòng người. Thánh Linh Đức Chúa Trời dùng lời Ngài để viết nơi lòng người. Lúc Phao-lô đến với tín hữu Cô-rinh-tô, họ chỉ là những tội nhân gian ác, nhưng chức vụ của Phúc Âm về ân điển Đức Chúa Trời do Phao-lô thi hành đã thay đổi hoàn

toàn đời sống họ (ICo 6:9-11). Kinh nghiệm về ân điển Đức Chúa Trời có ý nghĩa đối với họ nhiều hơn những thư gửi gắm do các giáo sư giả đem đến. Tín hữu Cô-rinh-tô đã được viết cách yêu thương trên lòng Phao-lô, và Thánh Linh Đức Chúa Trời đã viết chân lý nơi lòng họ, khiến họ trở nên những “thư tín sống động của Đấng Christ”.

Sự trác nghiệm về chức vụ là những đời sống được thay đổi, chứ không phải là những thông cáo báo chí hay các con số thống kê. Người theo chủ nghĩa luật pháp rất dễ khoe mình, vì người ấy có thể “đánh giá chức vụ mình bằng những tiêu chuẩn bên ngoài. Người tin Chúa nhận nài thi hành chức vụ bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời phải dành kết quả cho Chúa. Thật thê thảm khi tín hữu Cô-rinh-tô nghe theo những người Do Thái giáo khoe khoang và làm tan vỡ lòng người đã từng cứu họ khỏi sự đoán phạt.

2. Sự chết - Sự sống (II Co 3:4-6)

Phao-lô nhanh chóng quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời chứ không cho bản thân, sự tin chắc của ông (“tin cậy” ở nơi Đức Chúa Trời và tài năng của ông đến từ Đức Chúa Trời. Phao-lô là người thông minh và học thức, nhưng ông không cậy vào khả năng của riêng mình. Ông nhờ cậy nơi Chúa.

Dĩ nhiên những người theo chủ nghĩa luật pháp nói với mọi người rằng bất cứ ai cũng có thể vâng theo luật pháp và trở nên thuộc linh. Một chức vụ thuộc luật pháp có cách thổi phồng cái tôi của con người. Khi bạn chú trọng đến ân điển Đức Chúa Trời, bạn phải cho mọi người biết họ là tội nhân hư mất không có khả năng tự cứu mình. Phao-lô làm chứng rằng: “...bèn là ơn Đức Chúa Trời đã ở cùng tôi” (ICo 15:10). Không ai tự cho mình có đủ khả năng để làm việc với lòng người, khả năng này chỉ có thể đến từ Đức Chúa Trời.

Khi đọc đoạn Kinh Thánh này, bạn hãy chú ý những tên gọi khác nhau được Phao-lô sử dụng cho giao ước cũ và giao ước mới khi ông so sánh chúng. Ở (II Co 3:6) “chữ” đề cập đến luật pháp Cựu Ước, còn “Thánh Linh” đề cập đến sứ điệp về ân điển của giao ước mới. Phao-lô không muốn so sánh 2 cách tiếp cận Kinh Thánh, một “cách giải nghĩa đen” và một “cách giải nghĩa thuộc linh”. Ông muốn nhắc nhở người đọc rằng luật pháp Cựu Ước không thể ban sự sống đó là chức vụ về sự chết (Ga 3:21). Phúc Âm đem sự sống đến cho những ai tin nhận vì công tác của Chúa Giê-xu Christ trên thập tự giá.

Phao-lô không có ý cho rằng luật pháp là một sai lầm hay chức vụ của luật pháp không quan trọng. Chẳng hề vậy! Phao-lô biết tội nhân hư mất phải bị luật pháp xử chết và bị bỏ mặc để bị định tội cách vô vọng trước khi có thể được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời. Giảng Báp-tít đã xuất hiện mang theo một sứ điệp về sự đoán xét, mở đường cho Chúa Giê-xu và sứ điệp về ơn cứu rỗi của Ngài.

Một chức vụ về luật pháp đem đến sự chết. Những mục sư truyền đạo nào chỉ chú trọng vào những luật lệ và quy tắc sẽ tìm hãm Hội Thánh dưới đám mây u ám của tội lỗi. Và điều này sẽ giết chết niềm vui, năng lực và lời chứng hiệu quả của họ cho Đấng Christ. Cơ Đốc nhân nào luôn đánh giá nhau, so sánh “các kết quả” và tranh cạnh nhau, sẽ chóng khám phá ra mình đang cậy nơi xác thịt chứ không nơi quyền năng Thánh Linh. Chẳng bao giờ có một tiêu chuẩn nào có thể biến đổi đời sống con người, kể cả mười điều răn. Chỉ có ân điển Đức Chúa Trời được Thánh Linh Ngài hành động mới có thể biến đổi tội nhân hư mất trở nên những bức thư sống làm sáng danh Chúa Giê-xu Christ.

Giáo lý của Phao-lô về giao ước mới không phải là những gì ông phát minh ra nhân cơ hội này. Là người nghiên cứu Kinh Thánh đầy uyên bác, hẳn Phao-lô đã đọc qua sách Gi 31:27-34 (cũng như sách Exe 11:14-21). Ở Tân Ước, He 8:1-10:39 là đoạn quan trọng để nghiên

cứu. Luật pháp Cựu Ước cùng với sự chú trọng đến sự vâng lời bên ngoài đã là sự dọn đường cho sự điệp về ân điển của giao ước mới chú trọng về việc biến cải bên trong lòng người.

3. Vinh hiển tạm - Vinh hiển bội phần (II Co 3:7-11)

Phân đoạn này là phần trọng tâm của chương, và phải được nghiên cứu kết hợp với Xu 34:29-35. Phao-lô không phủ nhận vinh hiển của luật pháp Cựu Ước, vì trong sự ban phát luật pháp cùng việc duy trì đền tạm và những lễ nghi trong đền thờ hẳn đều bày tỏ vinh hiển. Tuy nhiên, điều Phao-lô khẳng định là vinh hiển của giao ước mới trong ân điển cao trọng hơn nhiều, và ông đưa ra nhiều lý do củng cố cho sự khẳng định của mình:

1. *Vinh hiển của giao ước mới mang ý nghĩa sự sống thuộc linh chứ không phải sự chết* (II Co 3:7-8). Khi Môi-se từ trên núi xuống sau cuộc hầu chuyện với Đức Chúa Trời, gương mặt ông rực sáng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đây là một phần vinh hiển của việc ban luật pháp và chắc hẳn gây ấn tượng cho dân sự. Rồi Phao-lô lập luận từ sự việc nhỏ đến sự việc quan trọng hơn: Nếu có vinh hiển trong việc ban một luật pháp, là luật pháp đem đến sự chết, vậy một chức vụ đem lại sự sống còn vinh hiển hơn dường nào!

Người theo chủ nghĩa luật pháp giống như người theo đạo Do Thái, họ thích phóng đại vinh hiển của luật pháp và thu nhỏ sự khiêm khuyết của nó. Trong bức thư gửi các Hội Thánh ở Ga-la-ti, Phao-lô nêu ra những nhược điểm của luật pháp: không thể xưng công bình cho tội nhân hư mất (Ga 2:16), không thể ban cho tội nhân sự công bình (Ga 2:21), không thể ban Đức Thánh Linh (3:2), không thể ban cơ nghiệp (3:18), không thể ban sự sống (3:21) hoặc sự tự do (4:8-10). Vinh hiển của luật pháp thật sự là vinh hiển của một chức vụ về sự chết.

2. *Vinh hiển của giao ước mới mang ý nghĩa sự công bình, không phải sự định tội* (II Co 3:9-10). Luật pháp được ban ra không vì mục đích cứu rỗi, bởi không có sự cứu rỗi nào nhờ sự vâng theo luật pháp. Luật pháp sinh ra sự định tội và là chiếc gương soi bày tỏ thực trạng gương mặt chúng ta dơ bẩn ra sao. Nhưng chúng ta không thể xoá gương mặt mình trong gương.

Chức vụ của giao ước mới sinh ra sự công bình và thay đổi nhiều đời sống quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Nhu cầu to lớn nhất của con người là sự công bình, và sự ban cho vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời là sự công bình bởi đức tin trong Chúa Giê-xu Christ “Nếu bởi luật pháp mà được sự công bình, thì Đấng Christ chịu chết là vô ích” (Ga 2:21). Người cố gắng sống theo luật pháp sẽ thấy mình tội càng thêm tội. Tình trạng này có thể dẫn đến một cảm giác thất vọng và cảm giác bị loại bỏ. Chính khi chúng ta tin nhận Đấng Christ, và sống bởi đức tin trong ân điển Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ kinh nghiệm niềm vui cùng sự thoả lòng.

II Co 3:10 khẳng định rằng luật pháp thật sự “đánh mất sự vinh hiển của nó” khi so với vinh hiển trời hơn của chức vụ về ân điển Đức Chúa Trời. Đơn giản là chẳng còn sự so sánh nào nữa. Thật đáng buồn, có một số người không thể “cảm thấy thuộc linh” nếu không mang gánh nặng của tội lỗi. Luật pháp sinh ra sự vi phạm và sự định tội, vì luật pháp giống như một giấy nợ (Co 2:14), một kẻ bảo hộ kỹ luật chúng ta (Ga 4:1-5) và như một cái ách quá nặng không mang nổi (Ga 5:1 Cong 15:10).

3. *Vinh hiển của giao ước mới là vinh hiển vĩnh cửu, không phải vinh hiển tạm* (II Co 3:11). Thì của động từ ở đây rất quan trọng “đang qua đi”. Phao-lô viết thư tín vào một giai đoạn trong lịch sử khi các thời đại cứ tiếp nối nhau. Giao ước mới của ân điển đã xuất hiện, nhưng các lễ nghi ở đền thờ vẫn được thực hiện và dân tộc Y-sơ-ra-ên vẫn sống dưới luật pháp. Vào năm 70 SC, thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị quân La Mã tàn phá, và sự kiện này đánh dấu sự kết thúc của hệ thống Do Thái giáo.

Những người theo Do Thái giáo muốn tín hữu Cô-rinh-tô trở lại với luật pháp, để “hoà hợp” hai giao ước. Phao-lô đặt câu hỏi: “Tại sao còn quay lại với những sự tạm bợ đang biến đi? Hãy sống trong sự vinh hiển của giao ước mới, là sự vinh hiển ngày càng trở hơn”. Vinh hiển của luật pháp chỉ là vinh hiển của lịch sử đã qua, nhưng vinh hiển của giao ước mới là vinh hiển hiện tại. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta có thể được thay đổi “từ vinh hiển qua vinh hiển” (3:18), điều mà luật pháp chẳng bao giờ thực hiện.

Vinh hiển của luật pháp đang biến đi trong thời Phao-lô và hôm nay. Vinh hiển ấy chỉ được tìm thấy qua những câu chuyện lịch sử trong Kinh Thánh. Đất nước Y-sơ-ra-ên không còn đền thờ hay chức tế lễ. Nếu họ xây đền thờ, chắc sẽ không có sự vinh hiển Shê-ki-na ngự nơi Chí thánh. Luật Môi-se là một tôn giáo có quá khứ lừng lẫy nhất, nhưng hôm nay chẳng để lại vinh hiển nào. Ánh sáng ấy đã tắt, tất cả còn lại chỉ là những hình bóng (Co 2:16-17).

Phao-lô chỉ ra rằng chức vụ về ân điển mang tính chất bên trong (II Co 3:13), đem đến sự sống (II Co 3:4-6) và liên quan đến sự vinh hiển trở hơn (II Co 3:7-11). Ông trình bày một điểm tương phản sau cùng để chứng minh tính cao trọng của chức vụ giao ước mới về ân điển.

4. Che đậy - Bày tỏ ra (II Co 3:12-18)

Kinh Thánh cơ bản là một “cuốn sách chứa nhiều hình ảnh” vì nó sử dụng những biểu tượng, lối so sánh, ẩn dụ và những yếu tố khác về văn chương để truyền tải thông điệp của nó. Trong phân đoạn này, Phao-lô sử dụng từng trải của Môi-se với chiếc lúp che mặt của ông để minh họa sự tự do đầy vinh hiển cùng sự bày tỏ về đời sống Cơ Đốc dưới ân điển. Phao-lô nhìn thấy trong từng trải của Môi-se một ý nghĩa thuộc linh sâu sắc hơn những gì bạn và tôi từng nhìn thấy khi đọc Xu 34:29-35.

1. *Sự kiện lịch sử* (II Co 3:12-13). Nếu bạn dự phần vào một chức vụ của vinh hiển trở hơn, bạn có thể dạn dĩ trong điều mình nói và Phao-lô đã không giấu diếm sự dạn dĩ của ông. Và không như Môi-se, Phao-lô không có gì để che đậy.

Lúc Môi-se xuống núi sau khi giao thông cùng Đức Chúa Trời, mặt ông rực sáng phản chiếu vinh hiển của Đức Chúa Trời. Khi Môi-se nói chuyện với dân sự, họ có thể nhìn thấy vinh hiển trên gương mặt ông và vinh hiển ấy gây ảnh hưởng đối với họ. Nhưng Môi-se biết rằng vinh hiển này sẽ biến đi, nên khi dạy dỗ dân sự xong, ông lấy mạng che mặt. Mạng che này khiến dân sự không nhìn thấy vinh hiển biến mất vì xét cho cùng, có ai lại muốn đi theo một lãnh đạo sắp mất sự vinh hiển?

Từ được dịch là “cuối cùng” ở II Co 3:13 có 2 ý nghĩa “mục đích” và “sự kết thúc”. Mạng che mặt ngăn không cho dân sự nhìn thấy “sự kết thúc” của vinh hiển khi nó đã biến đi. Nhưng mạng che mặt cũng ngăn không cho dân sự hiểu “mục đích” đằng sau sự vinh hiển biến đi này. Luật pháp vừa mới được ban ra và dân sự chưa sẵn sàng để biết rằng hình thức tôn giáo này chỉ là tạm thời. Chân lý mà giao ước của luật pháp là sự chuẩn bị cho điều cao trọng hơn, vẫn chưa được rao ra giữa vòng họ.

2. *Ứng dụng cho dân tộc* (II Co 3:14-17). Phao-lô có một tình yêu đặc biệt đối với dân Y-sơ-ra-ên và nặng lòng trông mong dân tộc ông được cứu (Ro 9:1-3). Vì sao dân Do Thái khước từ Đấng Christ? Là nhà truyền giáo cho dân ngoại, Phao-lô chứng kiến nhiều người ngoại tin nhận Chúa, ngoại trừ dân Do Thái, dân tộc ông đang chối bỏ chân lý và bắt bớ Phao-lô cùng Hội Thánh Chúa.

Vì sao vậy? Có một “màn che thuộc linh” phủ nơi lòng và trí họ, “đôi mắt thuộc linh” của họ đã bị mù, nên khi đọc Kinh Thánh Cựu Ước, họ không nhìn biết chân lý về Đấng Christ của mình. Thậm chí dù Kinh Thánh từng được đọc cách hệ thống trong các nhà hội, dân Do

Thái vẫn không hiểu rõ thông điệp thuộc linh Đức Chúa Trời ban cho họ. Họ đã bị tôn giáo làm cho mù lòa.

Không còn hy vọng nào dành cho con cái lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên sao? Vâng, có chứ! “Nhưng khi họ trở lại cùng Chúa (bằng cách tin nhận Chúa Giê-xu), thì màn ấy mới “cất khỏi” (II Co 3:16).

Trong mỗi Hội Thánh thuộc 3 Hội Thánh tôi đã làm mục sư, Hội Thánh nào cũng đem đến cho tôi niềm vui mừng được làm báp-tem cho những người Do Thái tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Thật kỳ diệu biết bao khi tâm trí họ mở ra trước Lời Thánh Kinh sau khi được tái sinh. Một người cho tôi biết “Nó giống như thể có những cái vảy rớt ra khỏi mắt ông vậy. Ông không hiểu vì sao mọi người không thấy những gì ông nhìn thấy!” Màn che đã được Thánh Linh Đức Chúa Trời cất đi, họ nhận được khả tượng thuộc linh.

Nhưng, không có tội nhân nào – người Do Thái hay người ngoại – có thể trở lại với Đấng Christ nếu không có chức vụ của Thánh Linh Đức Chúa Trời. “Chúa tức là Thánh Linh” (II Co 3:17). Câu Kinh Thánh này là lời tuyên bố mạnh mẽ về Thần tính của Đức Thánh Linh: Ngài là Đức Chúa Trời. Những người theo Do Thái giáo đã xâm phạm vào Hội Thánh tại Cô-rinh-tô, muốn cậy luật pháp để thay đổi đời sống con người nhưng chỉ có Thánh Linh Đức Chúa Trời mới có thể đem đến sự biến cải tâm linh. Luật pháp chỉ có thể đem đến sự bó buộc, nhưng Thánh Linh dẫn chúng ta vào một cuộc đời tự do. “Thật anh em đã chẳng nhận lấy phần trí của tôi mọi đặng còn ở trong sự sợ hãi nhưng đã nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu rằng: A-ba! Cha! (Ro 8:15).

Là một quốc gia, Y-sơ-ra-ên ngày nay đang mù lòa về thuộc linh, nhưng không có nghĩa là cá nhân người Do Thái không thể được cứu. Hội Thánh hôm nay cần phải phục hồi lại gánh nặng cho Y-sơ-ra-ên đã bị đánh mất. Chúng ta là những người mắc nợ họ, vì mọi ơn phước thuộc linh chúng ta hưởng đều đến từ Y-sơ-ra-ên “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22). Phương cách duy nhất chúng ta có thể “trả” món nợ này là rao Phúc Âm cho họ và cầu nguyện để họ được cứu (Ro 10:1).

3. *Ứng dụng cho cá nhân* (II Co 3:18) “Chúng ta ai nấy đều để mặt trần mà nhìn xem vinh hiển Chúa như trong gương, thì hoá nên cùng một ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Chúa, là Thánh Linh”.

Câu Kinh Thánh trên là đỉnh điểm của chương này, và nó trình bày một chân lý đầy hứng thú đến nỗi tôi ngạc nhiên, khi có rất nhiều tín hữu đã bỏ qua – hoặc lờ đi câu này. Bạn và tôi có thể mang hình ảnh của Chúa Giê-xu Christ và đi “từ vinh hiển qua vinh hiển” nhờ chức vụ của Thánh Linh Đức Chúa Trời!

Dưới thời Cựu Ước, chỉ một mình Môi-se lên núi và giao thông với Đức Chúa Trời. Nhưng dưới giao ước mới, mọi Cơ Đốc nhân đều có đặc quyền giao thông với Ngài. Nhờ Chúa Giê-xu, chúng ta có thể bước vào nơi chí thánh (He 10:19-20) và không cần phải leo lên ngọn núi nào!

“Gương” là biểu tượng của Lời Đức Chúa Trời (Gia 1:22-25). Khi chúng ta nhìn vào lời Đức Chúa Trời và thấy Con Ngài, Thánh Linh biến đổi chúng ta trở nên đúng ảnh tượng Đức Chúa Trời. Tuy nhiên quan trọng là chúng ta không nên giấu giếm Đức Chúa Trời điều gì. Chúng ta phải mở lòng mình và thành thật trước mặt Ngài, chứ không “lấy màn che mặt”.

Từ được dịch là “được thay đổi” cũng được dịch là “được biến hoá” trong câu chuyện về sự hoá hình của Chúa Giê-xu (Mat 17:1-27 Mac 9:1-51). Từ này mô tả một sự thay đổi ở bên ngoài xuất phát từ bên trong. Tiếng Anh có từ “metamorphosis” là một dạng chuyển tự của từ Hy Lạp. “Metamorphosis” mô tả một tiến trình biến đổi một con trùng từ dạng ấu trùng

thành con nhộng, rồi thành một loài sâu bọ phát triển hoàn chỉnh. Những thay đổi này xảy ra từ bên trong.

Môi-se phản chiếu vinh hiển Đức Chúa Trời, nhưng bạn và tôi có thể chiếu ra vinh hiển Ngài. Khi chúng ta suy ngẫm Lời Đức Chúa Trời và qua đó nhìn thấy Con Đức Chúa Trời, khi ấy Thánh Linh biến đổi chúng ta! Chúng ta trở nên giống Chúa Giê-xu hơn khi tăng trưởng “từ vinh hiển qua vinh hiển”. Sự vinh hiển của luật pháp đã biến đi, nhưng vinh hiển của ân điển Đức Chúa Trời tiếp tục gia tăng trong đời sống chúng ta.

Hãy nhớ rằng Phao-lô không chỉ muốn so sánh Cựu Ước với Tân Ước, nhưng cũng so sánh chức vụ của giao ước cũ với chức vụ của ân điển. Mục tiêu của chức vụ trong giao ước cũ là sự vâng theo một tiêu chuẩn bên ngoài, nhưng sự vâng giữ này không thể thay đổi phẩm cách con người. Mục tiêu của chức vụ trong giao ước mới là việc giống Chúa Giê-xu. Luật pháp có thể đem chúng ta đến với Đấng Christ (Ga 3:24) nhưng chỉ ân điển mới có thể khiến chúng ta trở nên giống Ngài. Các nhà truyền đạo và giáo sư theo chủ nghĩa luật pháp có thể khiến người nghe tuân theo một tiêu chuẩn nào đó, nhưng họ không bao giờ có thể biến đổi những người ấy trở nên giống Con Đức Chúa Trời.

Công cụ cho chức vụ trong giao ước cũ là luật pháp, nhưng công cụ cho chức vụ của giao ước mới là Thánh Linh Đức Chúa Trời sử dụng Lời Ngài. (Khi dùng chữ “luật pháp” tôi không muốn nói đến Kinh Thánh Cựu Ước nhưng nói về cả hệ thống luật pháp do Môi-se lập ra. Chắc chắn Đức Thánh Linh có thể sử dụng cả Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước để bày tỏ Chúa Giê-xu Christ cho chúng ta). Vì Đức Thánh Linh viết ra Kinh Thánh, nên Ngài có thể dùng nó để dạy dỗ chúng ta. Hơn thế, vì Đức Thánh Linh sống trong chúng ta nên Ngài có thể giúp ta vâng giữ lời Ngài bằng tấm lòng mình. Đây không phải là sự vâng lời của luật pháp sinh ra bởi sự sợ hãi, nhưng là sự vâng lời của người làm con sinh bởi lòng kính yêu.

Sau cùng, kết quả của chức vụ thuộc giao ước cũ đem đến sự trói buộc. Nhưng kết quả của chức vụ thuộc giao ước mới đem đến tự do trong Thánh Linh. Chủ nghĩa luật pháp khiến con người không trưởng thành và người không trưởng thành phải sống bằng những điều lệ và qui tắc (Ga 4:1-7). Đức Chúa Trời muốn con cái Ngài vâng lời không vì một qui tắc bên ngoài (luật pháp), nhưng vì tính cách bên trong. Cơ Đốc nhân không sống dưới luật pháp, nhưng không có nghĩa chúng ta như những kẻ vô luật pháp! Thánh Linh Đức Chúa Trời viết lời Ngài nơi lòng chúng ta, và chúng ta vâng lời Cha mình vì có sự sống mới Ngài đã ban trong lòng.

Hấp lực chủ nghĩa luật pháp vẫn ở cùng chúng ta. Các giáo phái giả hiệu đã lợi dụng những người xưng là Cơ Đốc nhân và các thuộc viên Hội Thánh, giống như những người Do Thái giáo thời Phao-lô đã làm. Chúng ta phải biết cách nhận diện những hình thức sùng bái giả hiệu và không nghe theo những lời dạy dỗ đó. Cũng có một số Hội Thánh rao giảng Phúc Âm theo xu hướng của luật pháp nên khiến các thuộc viên Hội Thánh ở tình trạng không trưởng thành, dễ phạm tội và sợ hãi. Họ trải qua thời gian dài đối phó với những hình thức bên ngoài và xao lãng sự trau dồi đời sống bên trong. Họ đề cao các chuẩn mực và lên án tội lỗi, nhưng không ngợi khen Chúa Giê-xu Christ. Thật đáng buồn khi có một chức vụ của giao ước cũ xuất hiện trong một số Hội Thánh thời Tân Ước.

Đến đây, Phao-lô đã giải thích hai khía cạnh trong chức vụ ông. Đó là chức vụ đắc thắng (II Co 1:1-2:17) và vinh hiển (II Co 3:1-17). Cả hai đi đôi với nhau. “Vậy nên, chúng tôi nhờ sự thương xót đã ban cho, mà được chức vụ này, thì chúng tôi chẳng ngã lòng” (II Co 4:1).

Khi chức vụ của bạn có liên quan đến vinh hiển của Đức Chúa Trời, bạn không thể rút lui!

4. CAN ĐẢM ĐỐI DIỆN VỚI NGHỊCH CẢNH (II Co 4:1-5:8)

Chủ đề chính trong phân đoạn này được lặp lại ở c. 1 và c. 16 “Chúng tôi chẳng ngã lòng!” Theo nghĩa đen, Phao-lô nói: “Chúng tôi không mất lòng”. Chắc hẳn có nhiều lý do gây nản lòng trong hoàn cảnh của Phao-lô, nhưng vị sứ đồ tuyệt vời này đã không bỏ cuộc. Điều gì đã giúp Phao-lô không nản lòng trước những nghịch cảnh của cuộc sống? Ông biết những điều mình có trong Chúa Giê-xu Christ! Thay vì phàn nàn về những điều mình không có, Phao-lô vui mừng trong những điều ông có, bạn và tôi cũng có thể làm được như vậy.

1. Chúng ta có một chức vụ vinh hiển (II Co 4:1-6)

Theo nghĩa đen Phao-lô muốn viết “Vì vậy, sự thật là chúng tôi có được loại chức vụ này”. Đó là loại chức vụ gì? Loại chức vụ này đã được mô tả ở chương trước, một chức vụ vinh hiển đem cho con người, sự sống, sự cứu rỗi và sự công bình, một chức vụ có khả năng biến đổi đời sống con người. Chức vụ này là một sự ban cho chúng ta nhận từ Đức Chúa Trời. Chức vụ ấy được ban cho chúng ta bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời, chứ không vì bất cứ điều gì chúng ta đã làm hay địa vị chúng ta thế nào (ITi 1:12-17).

Cách bạn nhìn xem chức vụ mình sẽ giúp quyết định cách bạn thực hiện chức vụ ấy. Nếu xem sự hầu việc Đấng Christ như một gánh nặng thay vì là một đặc quyền, bạn sẽ là một kẻ lao dịch, và chỉ làm những điều bắt buộc. Một số người còn xem sự hầu việc như sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Khi Phao-lô suy xét sự kiện ông làm người thi hành chức vụ của Chúa Giê-xu, ông đầy lòng cảm kích ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời. Thái độ tích cực của Phao-lô đối với chức vụ đã có những kết quả thực tiễn trong đời sống ông.

- *Trước tiên, thái độ tích cực giúp Phao-lô không là người bỏ cuộc* (II Co 4:1). Ông thú nhận với tín hữu Cô-rinh-tô rằng những thử thách ông trải qua tại xứ A-si hầu như khiến ông ngã lòng (1:8). Dù có tài năng xuất chúng và kinh nghiệm đầy đầy, Phao-lô vẫn là con người và là đối tượng cho những khiếm khuyết của người phạm. Nhưng làm sao Phao-lô có thể ngã trong khi tham dự vào một chức vụ tốt đẹp như vậy. Có phải Đức Chúa Trời đã giao phó chức vụ này cho ông để ông thất bại? Dĩ nhiên là không! Với sự kêu gọi thiên thượng cùng sự giúp đỡ thiên thượng, Phao-lô biết rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp ông vượt qua mọi sự.

Một mục sư Hội Thánh Giám lý bị ngã lòng đã viết thư cho Alexander Whyte, nhà truyền giáo lừng danh người Tô-cách-lan để xin lời khuyên. Liệu ông có nên từ bỏ chức vụ không? Whyte viết cho ông rằng: “Các thiên sứ ở quanh ngôi vinh hiển đang ghen tị anh về công tác tuyệt vời của anh đấy!” Đó là cách trả lời mà có lẽ Phao-lô muốn viết như vậy, một cách trả lời mà tất cả chúng ta cần suy nghĩ mỗi khi cảm thấy công việc mình làm không có kết quả.

- *Điều thứ 2, thái độ tích cực giúp Phao-lô không trở nên kẻ giả dối* (II Co 4:2-4). “Nhưng chúng tôi từ bỏ mọi điều hồ thẹn giấu kín. Chúng tôi chẳng theo sự gồi dặt, và chẳng giả mạo lời Đức Chúa Trời, nhưng trước mặt Đức Chúa Trời chúng tôi bày tỏ lẽ thật, khiến lương tâm mọi người cho chúng tôi là đáng chuộng” (II Co 4:2). Chắc chắn Phao-lô muốn ám chỉ những người theo Do Thái giáo khi viết ra những lời này. Mọi giáo sư giả ngày nay đều tuyên bố họ căn cứ giáo lý của mình trên lời Đức Chúa Trời, nhưng sử dụng lời Ngài theo những cách giả dối. Bạn có thể dùng Kinh Thánh để chứng minh bất cứ điều gì nếu bóp méo lời Chúa khỏi văn cảnh và chối bỏ lời chứng của lương tâm mình. Kinh Thánh là một sách văn chương và phải được giải nghĩa theo những luật lệ căn bản của sự giải nghĩa. Nếu người ta giải thích những sách khác theo cách họ đã luận giải Kinh Thánh, có lẽ họ sẽ chẳng bao giờ học được điều gì.

Phao-lô không có gì để giấu giếm hoặc trong đời sống riêng tư hay trong sự rao giảng lời Chúa của ông. Mọi sự đều công khai và thành thật, không có sự giả dối hay bóp méo lời Chúa.

Những người theo Do Thái giáo đã phạm tội bóp méo lời Chúa cho phù hợp với cách giải nghĩa theo định kiến của họ, và những người đại dốt đã sẵn sàng theo họ.

Nếu Phao-lô là một giáo sư trung tín rao giảng lời Chúa như thế, tại sao nhiều người không tin sứ điệp của ông? Tại sao các giáo sư giả lại quá thành công trong việc thu phục những người cải đạo? Bởi lòng tội nhân hư mắt bị Sa-tan làm cho mù loà, và con người sa ngã cảm thấy tin những lời giả dối dễ hơn tin chân lý. Phúc Âm “che khuất cho những kẻ hư mắt, cho những kẻ chẳng tin mà Chúa đời này đã làm mù lòng họ, hầu cho họ không trông thấy sự vinh hiển chói lói của Phúc Âm Đấng Christ, là ảnh tượng của Đức Chúa Trời” (II Co 4:3-4).

Phao-lô đã giải thích rằng tâm trí người Do Thái đã bị “che”, bởi lòng họ bị mù loà (3:14-16 Ro 11:25). Lòng dân ngoại cũng bị mù loà! Những kẻ hư mắt (“bị huỷ diệt”) không thể hiểu được sứ điệp của Phúc Âm. Sa-tan không muốn ánh sáng chói lọi của sự cứu rỗi chiếu vào lòng họ. Là chúa đời này và vua chúa của thế gian này (Gi 12:31), Sa-tan luôn giữ tội nhân hư mắt trong bóng tối tăm. Đáng buồn là Sa-tan còn lợi dụng các giáo sư đội lốt tôn giáo (như những người theo Do Thái giáo) để lừa dối con người. Có nhiều người vốn trước đây là thuộc viên của những Hội Thánh Cơ Đốc, nay đã thuộc về các giáo phái khác.

Sự kiện kỳ diệu mà Phao-lô đã nhận chức vụ nơi Đấng Christ đã giữ ông không trở nên người bỏ cuộc hay kẻ lừa dối, và cũng giữ ông không trở nên kiêu ngạo (II Co 4:5-6). “Chúng tôi chẳng rao giảng chính mình chúng tôi!” (II Co 4:5). Những người theo Do Thái giáo thích phô mình và khoe khoang về thành tích riêng (10:12-18). Họ không phải là những tôi tớ muốn giúp đỡ người khác nhưng là những kẻ chuyên quyền lợi dụng người ta.

Phao-lô rõ ràng là một người thể hiện sự khiêm nhường thật. Ông không nhờ cậy bản thân (1:9) hay phô mình (3:1-5), hoặc rao giảng về mình (4:5). Ông chỉ muốn dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Giê-xu Christ và gây dựng họ trong đức tin. Phao-lô, có thể dễ dàng tạo ra một “hội những người hâm mộ” cho mình và lợi dụng những người yếu đuối là những người muốn có liên hệ với những vĩ nhân. Những người theo Do Thái giáo đã hành động theo cách ấy, nhưng Phao-lô khước từ loại chức vụ như vậy.

Điều gì xảy ra khi bạn rao giảng về Chúa Giê-xu Christ cho tội nhân hư mắt? Sự sáng bắt đầu chiếu rọi! Phao-lô ví sánh việc trở lại tin nhận Chúa như sự sáng tạo được mô tả ở sách Sa 1:3. Giống như tình trạng trái đất được chép ở Sa 1:2 tội nhân hư mắt ở tình trạng vô hình và trống không, nhưng khi tin nhận Đấng Christ, người ấy trở nên một tạo vật mới (II Co 5:17). Khi ấy, Đức Chúa Trời bắt đầu định hình và gây dựng đời sống của người tin nhận Đấng Christ, để rồi người ấy bắt đầu kết quả cho Chúa. Lời Đức Chúa Trời phán “phải có sự sáng!” khiến mọi sự đều trở nên mới.

2. Chúng ta có một cửa quý (II Co 4:7-12)

Từ vinh hiển của sự sáng tạo mới, Phao-lô chuyển sang sự khiêm nhường của chiếc bình đất. Cơ Đốc nhân đơn giản là một “chiếc bình đất”, nhưng chính của cải chứa trong bình khiến chiếc bình có giá trị. Hình ảnh cái bình là hình ảnh tái hiện trong Kinh Thánh và từ đó chúng ta có thể học được nhiều bài học.

Trước hết, Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta như hình dáng chúng ta hôm nay để chúng ta có thể làm công việc Ngài muốn. Đức Chúa Trời phán về Phao-lô rằng “vì ta đã chọn người này làm một đồ dùng ta, để đem danh ta đồn ra trước mặt các dân ngoại...” (Cong 9:15). Không Cơ Đốc nhân nào có quyền phàn nàn Đức Chúa Trời vì sự khiêm khuyết về những ân tứ hay tài năng, hoặc vì những hạn chế, bệnh tật của thân thể mình. Thi 139:13-16 cho thấy chính cấu trúc di truyền của thân thể chúng ta là do bàn tay Đức Chúa Trời nắn nên. Mỗi chúng ta phải thoả lòng với bản thân mình và sống đúng với mình.

Điều quan trọng về một chiếc bình là nó sạch sẽ, trống không và sẵn sàng cho việc sử dụng. Mỗi chúng ta phải ao ước trở nên “cái bình quý trọng làm của thánh, có ích cho chủ mình và sẵn sàng cho mọi việc lành” (ITi 2:21). Chúng ta là những chiếc bình để Đức Chúa Trời có thể sử dụng. Chúng ta là những chiếc bình đất để có thể nhờ cậy quyền năng của Đức Chúa Trời chứ không phải sức riêng.

Chúng ta phải hướng sự chú ý vào của quý chứ không phải cái bình. Phao-lô không sợ hoạn nạn hay thử thách, vì biết rằng Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ chiếc bình bao lâu Phao-lô vẫn gìn giữ của quý (ITi 1:11 6:20). Đức Chúa Trời cho phép những thử thách xảy đến, Ngài tể trị chúng và dùng chúng vì vinh hiển Ngài. Đức Chúa Trời được sáng danh qua những chiếc bình yếu ớt. J. Hudson Taylor, nhà truyền đạo đã rao Phúc Âm giữa đất nước Trung quốc, từng nói: “Tất cả những người vĩ đại của Đức Chúa Trời là những con người yếu đuối đã làm những việc vĩ đại cho Đức Chúa Trời vì biết Ngài ở cùng mình”.

Lắm lúc Đức Chúa Trời cho phép những chiếc bình của chúng ta bị va đập đến nỗi một số của cải sẽ rơi ra ngoài và làm giàu cho kẻ khác. Hoạn nạn không chỉ bày tỏ sự yếu đuối của con người, mà còn bày tỏ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Trong phân đoạn này, Phao-lô trình bày một chuỗi những nghịch lý: châu đất – quyền năng Đức Chúa Trời sự chết của Chúa Giê-xu – sự sống của Chúa Giê-xu, việc làm của sự chết – việc làm của sự sống. Tâm trí phạm tục không thể hiểu chân lý thuộc linh này nên cũng không hiểu vì sao Cơ Đốc nhân có thể đắc thắng hoạn nạn.

Chúng ta không những phải hướng sự chú ý vào của quý chứ không phải cái bình, mà còn phải hướng lòng về Chủ mình chứ không phải đầy tớ. Nếu chúng ta chịu khổ, ấy là vì có Chúa Giê-xu. Nếu chúng ta chết về cái tôi, đó là để sự sống của Đấng Christ có thể được bày tỏ trong chúng ta. Nếu chúng ta vượt qua mọi thử thách, ấy là để Đấng Christ được vinh hiển. Và mọi điều này xảy ra vì có ích lợi của những người khác. Khi chúng ta hầu việc Chúa, sự chết hành động trong chúng ta, nhưng sự sống hành động trong những người được chúng ta gây dựng.

Tiến sĩ John Henry Jowett nói rằng “Chức vụ mà không trả giá thì không đạt được gì”. Ông nói rất đúng. Một mục sư đồng nghiệp và tôi có lần nghe một thanh niên kia thuyết giảng một bài hùng hồn nhưng vẫn thiếu một điều gì đó. Tôi nói với bạn tôi “hình như còn thiếu một cái gì”. Bạn tôi đáp “Vâng, nó sẽ thiếu cho đến khi nào tấm lòng anh ta tan vỡ ra. Sau khi chịu hoạn nạn một thời gian, anh ta sẽ có một sứ điệp đáng phải lắng nghe”.

Những người Do Thái giáo đã không chịu khổ. Thay vì thu phục linh hồn hư mất, họ lại đánh cắp những người quy đạo ở các Hội Thánh của Phao-lô. Thay vì hy sinh cho kẻ khác, họ bắt người khác hy sinh cho mình (ICo 4:11:20). Những giáo sư giả này không có một của báu nào để chia sẻ. Tất cả những gì họ có là vài mẫu vật trưng bày trong bảo tàng từ thời Cựu Ước, những món đồ cổ bạc màu không bao giờ có thể làm giàu cho đời sống một ai.

Qua kinh nghiệm, tôi thấy có nhiều Hội Thánh không hiểu biết về cái giá mà một mục sư phải trả để trung tín với Chúa trong sự chăm sóc dân sự Ngài. Phân đoạn này là một trong 3 phân đoạn thuộc thư ICô-rinh-tô tập trung vào một danh mục liệt kê những hoạn nạn của Phao-lô. Hai phân đoạn còn lại là 6:1-10 11:16-12:10. Sự trải nghiệm một chức vụ thật không phải là những chiếc phù hiệu, nhưng là những vết sẹo “Ước gì từ nay về sau, chẳng ai làm khó cho tôi, vì trong mình tôi có đốt dấu vết (những nhãn hiệu) của Đức Chúa Giê-xu vậy” (Ga 6:17).

Làm sao chúng ta có thể tránh được sự bỏ cuộc? Bằng cách nhớ rằng chúng ta được ban đặc quyền giữ của quý của Phúc Âm trong những chiếc bình đất của mình!

3. Chúng ta có một đức tin vững vàng (II Co 4:13-18)

Chữ “lòng tin” có nghĩa là “thái độ hoặc quan điểm về đức tin”. Phao-lô không muốn nói đến một sự ban cho đặc biệt về đức tin (ICo 12:9), nhưng đúng hơn ông muốn đề cập thái độ của đức tin cần có ở mỗi Cơ Đốc nhân. Ông thấy mình đồng cảm với tác giả Thi 116:10 “Tôi tin, nên tôi nói”. Lời chứng thật cho Đức Chúa Trời dựa trên đức tin nơi Đức Chúa Trời, và đức tin này đến từ lời Đức Chúa Trời (Ro 10:17). Không điều gì có thể bịt miệng người tin Chúa như sự vô tín (Lu 1:20).

Phao-lô vững tin về điều gì? Ông tin rằng qua sự sống hay sự chết ông không có gì để sợ hãi! Ông vừa liệt kê một số thử thách như một phần của đời sống và chức vụ mình và đến đây ông khẳng định rằng đức tin đã giúp ông đắc thắng mọi sự. Hãy để ý những điều Phao-lô biết chắc bởi đức tin.

1. *Phao-lô biết chắc về sự đắc thắng cuối cùng* (II Co 4:14). Nếu Chúa Giê-xu Christ đã thắng sự chết là kẻ thù cuối cùng, vậy tại sao phải sợ hãi điều gì nữa? Con người làm dù mọi cách để thấy suốt ý nghĩa của sự chết và để chuẩn bị cho sự chết, nhưng thế gian không có lời giải đáp cho sự chết cho đến khi nào một người chuẩn bị để chết, người ấy mới thực sự chuẩn bị để sống. Sứ điệp vui mừng của Hội Thánh đầu tiên là sự đắc thắng sự chết của Chúa Giê-xu Christ và chúng ta cần quay lại với sự nhân mạnh đắc thắng này.

Hãy để ý rằng Phao-lô cũng nhìn thấy một sự nhóm hiệp của con cái Đức Chúa Trời trong tương lai khi ông viết “chúng tôi ứng hầu với anh em trước mặt Ngài”. Sự chết là rào ngăn cách đáng sợ, nhưng trong Chúa Giê-xu Christ có sự đảm bảo rằng những người thuộc về Ngài sẽ được nhóm hiệp lại trong sự hiện diện của Ngài” (ITe 4:13-18).

2. *Phao-lô biết chắc Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển* (II Co 4:15). Câu Kinh Thánh này tương đương với Ro 8:28 bảo đảm với chúng ta rằng mọi hoạn nạn chúng ta chịu không trở nên vô ích: chúng được Đức Chúa Trời sử dụng để gây dựng kẻ khác và cũng để qui vinh hiển cho danh Ngài. Làm sao Đức Chúa Trời được vinh hiển trong những thử thách của chúng ta? Bằng cách Ngài ban cho chúng ta “ân điển dư dật” khi cần để chúng ta luôn có niềm vui và năng lực lúc gặp khó khăn. Bất cứ điều gì khởi đầu bằng ân điển đều dẫn đến vinh hiển (Thi 84:11 IPhi 5:10).

3. *Phao-lô biết chắc những thử thách xảy đến có lợi cho ông chứ không làm hại ông* (II Co 4:16-17). “Chúng tôi chẳng ngã lòng” (II Co 4:1) là lời chứng mạnh mẽ của Phao-lô. Có vấn đề gì nếu “người bề ngoài” hư nát mà “người bề trong” đang kinh nghiệm sự đổi mới thuộc linh từng ngày Phao-lô không có ý cho rằng thân thể không quan trọng hay chúng ta phải phớt lờ những nguy cơ và nhu cầu của thân thể. Vì thân thể chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời nên chúng ta phải chăm sóc chúng. Nhưng chúng ta không có khả năng điều khiển tình trạng sa đọa tự nhiên của bản chất con người. Khi chúng ta suy ngẫm mọi hoạn nạn về thân thể mà Phao-lô phải chịu, không có gì ngạc nhiên khi ông viết như vậy.

Là Cơ Đốc nhân chúng ta phải sống từng ngày từng giờ. Dù giàu có hay tài năng ra sao, không ai có thể sống 2 ngày cùng một thời điểm. Đức Chúa Trời chu cấp cho chúng ta “từng ngày” khi chúng ta cầu nguyện với Ngài (Lu 11:3). Ngài ban cho chúng ta năng lực cần thiết tùy theo nhu cầu hằng ngày của mình (Phu 33:25). Chúng ta đừng “tích trữ ơn” cho những lúc khẩn cấp trong tương lai, vì Đức Chúa Trời ban ơn cần thiết cho khi chúng ta cần” (He 4:16). Khi chúng ta học cách sống từng ngày từng giờ, vững tin nơi sự chăm sóc của Đức Chúa Trời, đời sống chúng ta sẽ giảm đi rất nhiều áp lực.

Từng thước một, đời thật khó!

Tùng tác một, đời sẽ đắc thắng

Khi sống bằng đức tin trong Đấng Christ, bạn sẽ có cái nhìn đúng đắn về hoạn nạn. Hãy để ý những điểm tương phản được Phao-lô trình bày ở IICo 4:17 hoạn nạn nhẹ – vinh hiển cao trọng, tạm thời – đời đời, gây bất lợi cho chúng ta – gây ích lợi cho chúng ta. Phao-lô muốn viết bằng những giá trị đời đời ông nhìn thấy. Ông xem nhẹ những hoạn nạn trong hiện tại khi so với vinh hiển trong tương lai, và khám phá rằng những hoạn nạn đó thật sự ích lợi cho ông (xem Ro 8:18).

Chúng ta đừng hiểu sai nguyên tắc này và nghĩ rằng Cơ Đốc nhân có thể sống bất cứ cách nào vừa ý mình rồi trông chờ mọi sự trở nên vinh hiển lúc sau cùng. Phao-lô muốn viết về những thử thách đã trải qua trong ý muốn Đức Chúa Trời khi ông thực hiện công việc Ngài giao. Đức Chúa Trời thật có thể biến hoạn nạn trở nên vinh hiển, nhưng Ngài không thể biến tội lỗi nên vinh hiển được. Tội lỗi phải bị đoán phạt, vì không có vinh hiển nào nơi tội lỗi. Câu Kinh Thánh IICo 4:16 hẳn có liên hệ với 3:18 vì cả hai câu Kinh Thánh đều đề cập đến sự đổi mới thuộc linh của con cái Đức Chúa Trời. Tự hoạn nạn không khiến chúng ta trở nên người thánh khiết hơn. Nếu chúng ta không đầu phục Chúa, vâng lời Ngài và tin cậy Ngài, thì hoạn nạn có thể khiến chúng ta trở nên những Cơ Đốc nhân tồi tệ hơn. Trong chức vụ mục sư tôi từng thấy một số con cái Chúa trở nên chỉ trích và cay đắng, họ đi từ xấu xa đến tình trạng tệ hại hơn thay vì đi “từ vinh hiển qua vinh hiển”. Chúng ta cần có “lòng tin” như Phao-lô đề cập ở IICo 13.

4. *Phao-lô biết chắc thế giới vô hình có thật* (IICo 4:18). Tiến sĩ A. W. Tozer thường nhắc chúng ta nhớ rằng thế giới vô hình được mô tả trong Kinh Thánh là “thế giới có thật” duy nhất. Nếu chỉ nhìn thế giới hữu hình theo cách Đức Chúa Trời muốn, chúng ta sẽ chẳng bao giờ bị mê hoặc bởi bất cứ điều gì nó phô trương (IGi 2:15-17). Những vĩ nhân của đức tin được đề cập ở He 11:1-40 đã đạt được những điều họ đã làm vì họ đã “thấy Đấng không thấy được” (He 11:10,13-14,27).

Mọi điều thuộc thế gian này có vẻ rất thật vì chúng ta có thể nhìn thấy và cảm nhận chúng, nhưng chúng thay đổi tạm bợ và trong tương lai sẽ tiêu mất. Chỉ có những điều vĩnh cửu của đời sống thuộc linh sẽ tồn tại. Một lần nữa, chúng ta không nên đẩy chân lý này vào những thái rồi cho rằng “vật chất” và “thuộc linh” mâu thuẫn nhau. Khi chúng ta sử dụng vật chất theo ý muốn Đức Chúa Trời, Ngài sẽ biến đổi nó thành những điều thuộc linh. Và nó trở thành một phần của cải chúng ta ở trên trời (vấn đề này được luận nhiều hơn ở đoạn IICo 8:1-9:28). Chúng ta quý trọng vật chất vì nó có thể được sử dụng để phát triển thuộc linh, chớ không vì giá trị của nó.

Làm sao bạn có thể nhìn xem những sự không thấy được? Bởi đức tin khi bạn đọc Lời Chúa. Chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy Đấng Christ hay thiên đàng, nhưng chúng ta biết những điều ấy có thật vì lời Đức Chúa Trời cho ta biết như thế. Đức tin là “bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy” (He 11:1). Vì tìm kiếm thành trên trời, Áp-ra-ham rời khỏi Sô-đôm nhưng Lót đã chọn Sô-đôm bởi bước đi bởi ngoại cảnh chớ không bởi đức tin (He 11:10 Sa 13:1-18).

Dĩ nhiên thế gian hư mất này nghĩ rằng chúng ta là những kẻ kỳ quặc, thậm chí có lẽ điên khùng – vì chúng ta tin chắc sự hiện hữu của cõi phước hạnh thiêng liêng vô hình. nhưng Cơ Đốc nhân bằng lòng điều khiển đời sống mình bằng những giá trị vĩnh cửu, chớ không phải có giá trị tạm bợ.

4. Chúng ta có một sự trông cậy ở tương lai (IICo 5:1-8)

“Chúng tôi... được chức vụ này... Chúng tôi có của quý này.... Chúng tôi có đồng một lòng tin... lại có nhà của Đức Chúa Trời” (4:1,7,13 5:1).

“Nhà của Đức Chúa Trời” này không phải là nhà của Cơ Đốc nhân ở trên trời như đã được hứa ban ở Gi 14:16 Đó là thân thể vinh hiển của Cơ Đốc nhân. Phao-lô là người may trại (Cong 18:1-3) và ở đây ông sử dụng một nhà tạm làm hình ảnh thân thể thuộc về đất trong hiện tại của chúng ta. Nhà tạm là cấu trúc yếu ớt, tạm bợ, không đẹp đẽ cho lắm, nhưng thân thể vinh hiển chúng ta được ban cho sẽ là thân thể vĩnh cửu xinh đẹp và không hề có dấu hiệu yếu ớt hay hư nát (xem Phi 3:20-21 Phao-lô nhìn thấy thân thể con người như một chiếc bình đất (ICo 4:7) và một nhà tạm, nhưng ông biết rằng một ngày nào đó những người tin nhận Chúa sẽ mang lấy thân thể vinh hiển, phù hợp với cõi thiên đàng vinh hiển.

Thật thú vị biết bao khi dõi theo lời chứng của Phao-lô trong phân đoạn này.

- *Chúng ta biết* (ICo 5:1). Làm sao chúng ta biết? Vì chúng ta tin nơi Lời Đức Chúa Trời. Không Cơ Đốc nhân nào cần phải tham vấn thầy tướng số, bảng cầu cơ, các nhà thần linh hay một cỗ bài để biết những điều xảy ra trong tương lai hoặc những gì ở bên kia sự chết. Đức Chúa Trời đã cho chúng ta biết mọi điều cần biết qua những trang của lời Ngài. Những chữ “chúng ta biết” của Phao-lô có liên quan đến chữ “biết” của ông ở 4:14 và điều này liên hệ đến sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta biết Ngài đang sống, Vì vậy chúng ta biết rằng sự chết không thể cầm giữ chúng ta “vì ta sống thì các người cũng sẽ sống” (Gi 14:19).

Nếu nhà tạm của chúng ta bị “tháo dỡ” (tan rã) chúng không phải sợ chi. Thân thể chỉ là nhà ở để chúng ta sống trong đó: Khi một Cơ Đốc nhân qua đời, thân thể người ấy đến nơi phần mộ, nhưng linh hồn người ấy đi đến cùng Đấng Christ (Phi 1:20-25). Khi Chúa Giê-xu tái lâm để tiếp rước người thuộc về Ngài, Ngài sẽ khiến thân thể kẻ chết sống lại trong vinh hiển. Và thân thể cùng linh hồn sẽ được hiệp lại để hưởng sự sống vĩnh cửu đầy vinh hiển nơi thiên đàng (ITe 4:13-18 ICo 15:35-58).

- *Chúng ta than thở* (ICo 5:2-5). Phao-lô không muốn bày tỏ tư tưởng buồn rầu mong được chết. Thật ra, ông khẳng định điều ngược lại ông nôn nóng chờ đợi Chúa Giê-xu Christ tái lâm để ông được “mặc” thân thể vinh hiển. Ông trình bày 3 khả năng xảy ra khi dùng hình ảnh thân thể như một nhà tạm: (1). Sống – ở trong nhà tạm, (2). Chết – ‘trần truồng’, “bị lột trần” ở ngoài nhà tạm (3). Được mặc lại – sự biến đổi của thân thể khi Chúa tái lâm. Phao-lô hy vọng ông sẽ còn sống trên đất khi Chúa trở lại để ông có thể không phải ném trái kính nghiệm về sự chết. Phao-lô dùng một hình ảnh tương tự trong ICo 15:51-58 và dùng ý nghĩa “than thở” trong Ro 8:22-26).

Thân thể vinh hiển được gọi là “nhà của Đức Chúa Trời, không phải bởi tay người làm ra” (ICo 5:1) và “nhà chúng ta từ trên trời” ở ICo 5:2. Thân thể này khác với thân thể hay hư nát của chúng ta được tạo từ bụi đất. “Như chúng ta đã mang ảnh tượng của người thuộc về đất, thì chúng ta cũng mang ảnh tượng của người thuộc về trời” (ICo 15:49). Cần để ý rằng Phao-lô không than thở do ông ở trong thân thể con người, nhưng vì ông khao khát được gặp mặt Chúa Giê-xu Christ để được một thân thể vinh hiển. Phao-lô than thở cho sự vinh hiển!

Điều này giải thích lý do vì sao sự chết không có gì đáng kinh khiếp đối với Cơ Đốc nhân. Phao-lô gọi sự chết của ông là một sự “ra đi” (ITi 4:6). Một ý nghĩa của từ này theo tiếng Hy Lạp nghĩa là “hạ trại và dời đi”. Nhưng làm sao chúng ta có thể biết chắc rằng một ngày kia chúng ta sẽ có thân thể mới giống như thân thể vinh hiển của Đấng Christ chúng ta? Chúng ta có thể biết chắc như thế vì Thánh Linh sống trong chúng ta. Phao-lô đề cập đến ấn chứng và của đặt cọc của Đức Thánh Linh trong ICo 1:22 (cũng xem Eph 1:13-14). Đức Thánh Linh ngự trong thân thể người tin nhận Chúa là “của cầm” bảo đảm cho cơ nghiệp trong tương lai,

trong đó có thân thể vinh hiển. Theo tiếng Hy Lạp ngày nay, từ dịch là “của đặt cọc” nghĩa là “nhấn đỉnh hôn” Hội Thánh được hứa gả cho Chúa Giê-xu Christ và hiện đang trông đợi Chàng rể đến rước nàng vào Tiệc Cưới.

- *Chúng ta hằng đầy lòng tin cậy* (II Co 5:6-8). Con cái Đức Chúa Trời có thể hiện diện ở hai nơi: hoặc trên trời, hoặc dưới đất. Không ai trong số họ ở nơi mờ mịt, trong hoả ngục hay ở “chỗ lơ lửng” giữa trời và đất. Cơ Đốc nhân trên đất là những người “ở nhà trong thân thể này” trong lúc Cơ Đốc nhân đã qua đời là những người “lìa bỏ thân thể này”. Cơ Đốc nhân trên đất “cách xa Chúa” trong lúc Cơ Đốc nhân trên thiên đàng được “ở cùng Chúa”.

Bởi có lòng tin này, Phao-lô không sợ hoạn nạn thử thách hay thậm chí những nguy hiểm. Điều này không có nghĩa là ông thử Chúa bằng cách liều mạng vô ích, nhưng có nghĩa là ông sẵn sàng từ bỏ sự sống vì có Chúa và vì chức vụ Phúc Âm. Ông bước đi bởi đức tin chứ không bởi ngoại cảnh. Ông chăm xem những sự vĩnh cửu không thấy được chứ không phải những tạm bợ thấy được (II Co 4:18). Đối với Phao-lô, thiên đàng không chỉ là đích đến: đó còn là một động lực thúc đẩy. Giống như những anh hùng đức tin ở thư tín He 11:1-40 Phao-lô đã tìm kiếm thành trên trời và hướng cuộc đời mình theo những giá trị vĩnh cửu.

Khi xem lại phân đoạn này trong thư tín IICô-rinh-tô, chúng ta có thể thấy mức độ can đảm của Phao-lô trước nghịch cảnh mà không nản lòng. Ông có một chức vụ vinh hiển, làm biến đổi những đời sống. Ông có một của báu trong chiếc bình đất của thân thể mình và ông muốn chia sẻ của báu ấy cho một thế giới khảnh kiệt. Phao-lô có một đức tin vững vàng thắng hơn sự sợ hãi và một sự trông cậy ở tương lai vừa là một đích đến và vừa là một động lực thúc đẩy.

Chẳng lạ gì khi Phao-lô là người “thắng hơn bội phần” (Ro 8:37). Mọi Cơ Đốc nhân trong Chúa Cứu Thế Giê-xu đều có những điều sở hữu kỳ diệu giống như vậy, và qua đó có thể tìm thấy sự can đảm khi đối diện với nghịch cảnh.

5. NHỮNG THÔI THỨC THI HÀNH CHỨC VỤ (II Co 5:9-21)

Điều chúng ta tin và cách chúng ta hành động phải luôn đi đôi với nhau. Phao-lô liên kết giáo lý với nhiệm vụ, vì điều Đức Chúa Trời làm cho chúng ta phải thôi thúc chúng ta làm một điều gì đó cho Ngài. Philip Brooks nói: “Cơ Đốc giáo không biết chân lý nào chẳng phải là đứa con của tình yêu và cha mẹ của trách nhiệm.”

Một phụ nữ nói với vị mục sư của bà rằng “Có lẽ bài giảng của ông sẽ tuyệt vời nếu không có những từ “cho nên” ở cuối câu!”

Phao-lô có lẽ đã đồng ý với vị mục sư này, vì ông cũng thường dùng từ “cho nên” và “bởi đó” cách thoải mái trong các thư tín của mình. Thật vậy, bạn sẽ thấy những từ ấy trong phân đoạn này (II Co 5:9,11,16,17). Phao-lô chuyển từ giải thích sang ứng dụng, và chủ đề của ông nói về động cơ thi hành chức vụ. Những kẻ ganh ghét Phao-lô cáo rằng ông đã lợi dụng chức vụ của Phúc Âm vì những mục đích ích kỷ, nhưng thật ra họ mới là những kẻ “buôn bán” Phúc Âm (4:2 2:17).

Chức vụ của Cơ Đốc nhân là gì? Đó là nhiệm vụ thuyết phục tội nhân làm hoà với Đức Chúa Trời (5:11,20). Chúng ta đừng bao giờ ép buộc người khác tin nhận Chúa hoặc thúc giục họ bằng phương cách thiếu ngay thẳng.

“Sứ điệp của chúng tôi gửi đến anh em là thật, những động cơ của chúng ta trong sạch, hạnh kiểm chúng tôi hoàn toàn chân thật” (ITe 2:3). Người hầu việc Chúa phải có động cơ đúng đắn để thi hành chức vụ, cũng như sứ điệp đúng đắn.

Trong phân đoạn này, Phao-lô kê ra 3 động cơ hữu lý để thi hành chức vụ:

1. Sự kính sợ Chúa (II Co 5:9-13)

“Vâng, chúng tôi biết Chúa đáng kính sợ” (c.11). Thái độ này thường thiếu vắng trong chức vụ. Học giả Kinh Thánh nổi tiếng ông B. F. Westcott có lần đã viết: “Mỗi năm đều khiến tôi run sợ về sự táo bạo được người ta dùng để nói những điều thuộc linh”. Philip Brooks thường cảnh báo về những “anh hề tôn giáo” là những kẻ đùa giỡn với Kinh Thánh, đã cướp đi khỏi cuốn sách được hà hơi này sự vinh hiển và quyền năng của nó. Rất thường xảy ra sự thiếu vắng kính kiền trong các buổi nhóm họp ở Hội Thánh, vì vậy chẳng ngạc nhiên gì khi thế hệ trẻ không nghiêm túc trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời.

Phao-lô giải thích động cơ này bằng cách chia sẻ lời chứng của ông qua 3 nhận định tuyệt vời.

- *Chúng ta “làm hết sức”* (II Co 5:9). Câu này nghĩa là “chúng ta có tham vọng”. Có một tham vọng mang tính vị kỷ và trần tục, nhưng cũng có một tham vọng thánh để tôn cao Chúa. Tham vọng lớn lao của Phao-lô là làm đẹp lòng Chúa Giê-xu Christ. Những người theo Do Thái giáo thi hành chức vụ để làm hài lòng con người và ủng hộ con người. Nhưng Phao-lô thi hành chức vụ để làm vui lòng một mình Chúa Giê-xu Christ (Ga 1:10). Chức vụ làm đẹp lòng người là chức vụ mang tính xác thịt và thoả hiệp, nên Đức Chúa Trời không thể chúc phước cho chức vụ này.

Từ dịch là “được chấp nhận” (“được đẹp lòng”) được sử dụng nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh tân ước và mỗi sự ám chỉ này giúp ta hiểu rõ hơn điều gì làm đẹp lòng Chúa. Chúa được đẹp lòng khi chúng ta dâng thân thể mình cho Ngài như của lễ sống (Ro 12:1), và khi chúng ta sống với mục đích giúp đỡ người khác và như tránh gây cho họ vấp ngã (Ro 14:18). Đức Chúa Trời đẹp lòng khi con cái Ngài cách ly mình khỏi những điều ác chung quanh (Eph 5:10) cũng như khi họ dâng của lễ của mình cho Ngài (Phi 4:18). Đức Chúa Trời đẹp lòng về những con cái biết vâng phục cha mẹ mình (Co 3:20) cũng như về những thánh đồ bằng lòng để Chúa Giê-xu Christ thực hiện ý muốn trọn lành của Ngài trong đời sống họ (He 13:20-21).

Không có gì sai trái khi có một tham vọng tin kính. “Nhưng tôi cố gắng hết sức (có tham vọng) mà rao Phúc Âm” là lời chứng của Phao-lô ở Ro 15:20 chính tham vọng tin kính này đã giục ông rao truyền sứ điệp ở nơi chưa được nghe về Phúc Âm. Phao-lô yêu cầu các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca phải “học cách (có tham vọng) ăn ở cho yên lặng” (ITe 4:11). Nếu được Thánh Linh dẫn dắt, người tin Chúa sẽ đặt nỗ lực vào nếp sống Cơ Đốc và sự hầu việc như họ thực hiện một môn điền kinh hay một công việc kinh doanh, thì Phúc Âm sẽ tạo được một ảnh hưởng lớn hơn đối với thế gian hư mất. Một tín hữu nói với tôi: “Tôi muốn làm người sốt sắng cho Đức Chúa Trời giống như đã từng sốt sắng về những điều ác”, và đời sống người ấy đã được Đức Chúa Trời đại dụng.

- *Chúng ta thấy đều ứng hầu* (II Co 5:10). Không phải mọi Cơ Đốc nhân đều sốt sắng cho Chúa, nhưng mọi Cơ Đốc nhân sẽ ứng hầu trước Chúa, và bây giờ là lúc để sửa soạn. Toà án của Đấng Christ là sự kiện xảy ra trong tương lai khi dân Đức Chúa Trời sẽ đứng trước Đấng Christ lúc công việc họ được xét đoán và thưởng phạt (Ro 14:8-10). Phao-lô có tham vọng cho Chúa bởi ông muốn gặp mặt Ngài bằng sự vững tin chớ không phải hổ thẹn (IGi 2:28).

Thuật ngữ “toà án” xuất xứ từ tiếng Hy Lạp “bema” đó là một thềm cao ở các tỉnh nhỏ của Hy Lạp, nơi người ta đọc các bài diễn văn hoặc các quyết định được nhà cầm quyền công bố (Mat 27:19 Cong 12:21 16:12). Toà án cũng là nơi những giải thưởng được trao cho những người thắng cuộc thể vận hội hằng năm: không nên nhầm lẫn “toà án” này với “toà lớn và trắng” nơi Đấng Christ sẽ xét đoán kẻ ác (Kh 20:11-15). Bởi công tác nhân từ của Đấng Christ

trên thập tự giá, người tin nhận Ngài sẽ không đối diện với tội lỗi mình (Ro 8:1 Gi 5:24) nhưng chúng ta sẽ phải khai trình những việc làm – và sự hầu việc Chúa của mình.

Toà án của Đấng Christ sẽ là nơi của sự bày tỏ vì từ “xuất hiện” nghĩa là “được bày tỏ ra”. Khi sống và làm việc trên đất chúng ta dễ giấu giếm và gian dối mọi sự, nhưng thực chất việc làm của chúng ta sẽ được phơi trần trước đôi mắt dò xét của Đấng Christ, Ngài sẽ bày tỏ việc làm của chúng ta là tốt hay xấu (vô ích). Tính chất sự hầu việc của chúng ta (ICo 3:13) cũng như những động cơ thúc đẩy chúng ta (ICo 4:5) sẽ được tỏ ra.

Toà án của Đấng Christ cũng là một nơi “tính sổ” khi chúng ta khai trình chức vụ mình (Ro14:10-12). Nếu chúng ta trung tín, toà án ấy sẽ là nơi “ban thưởng” và “công nhận” (ICo 3:10-15 4:1-6). Đối với những ai trong chúng ta đã trung tín, ấy sẽ là một thời điểm “hoan hỉ” khi chúng ta tôn vinh Chúa bằng cách dâng lại cho Ngài phần thưởng của mình trong sự thờ phượng và ngợi khen.

Có phải ước muốn được phần thưởng là một động cơ đúng đắn cho sự hầu việc? Sự kiện Đức Chúa Trời hứa ban phần thưởng chứng minh rằng động cơ này không phải là một động cơ tội lỗi, cho dù có thể nó không phải là động cơ cao quý nhất. Cũng như các bậc cha mẹ sung sướng khi con cái họ thành danh thì Chúa cũng hài lòng khi dân Ngài xứng đáng được sự công nhận và phần thưởng. Điều quan trọng không phải là chính phần thưởng, nhưng là “niềm vui” làm hài lòng Đấng Christ và tôn kính Ngài.

- *Chúng ta thuyết phục con người* (II Co 5:11). Nếu Đức Chúa Trời xét đoán dân thuộc về Ngài, vậy điều gì sẽ xảy đến cho những kẻ hư mất? “Lại nếu người công bình còn khó được rồi, thì những kẻ nghịch đạo và kẻ có tội sẽ trở nên thế nào?” (I Phi 4:18). Từ “kinh sợ” (terror) không có nghĩa giống “hoảng sợ, khiếp sợ hay ghê rợn. Nói cho cùng, chúng ta sẽ gặp Đấng Christ của mình, và Ngài yêu chúng ta. Tuy nhiên, Phao-lô không xem nhẹ sự đáng kinh sợ của sự kiện ấy. Chúng ta sẽ đứng trước Đấng Christ” và không có sự tây vị ai” (Co 3:23-25). Đấng Christ đã bảo chúng ta rao truyền Phúc Âm đến mọi quốc gia, và chúng ta phải vâng lời. Có người đã hỏi công tước vùng Wellington những điều ông suy nghĩ về việc truyền giáo nước ngoài và ông đáp rằng: “lệnh hành quân của anh đâu?”

Làm sao Cơ Đốc nhân có thể sửa soạn để đứng trước toà án của Đấng Christ? Trước hết, người ấy phải giữ một lương tâm thanh sạch (II Co 5:11). Dĩ nhiên một số kẻ thù địch tại Cô-rinh-tô nói “chỉ hãy chờ đến khi Phao-lô đứng trước mặt Chúa!” Nhưng Phao-lô không sợ, bởi ông biết lương tâm mình thanh sạch (1:12). Sự thật về mỗi người trong chúng ta sẽ được tỏ ra và Chúa Giê-xu sẽ khen chúng ta vì những điều làm hài lòng Ngài.

Kể đến, chúng ta cần thận đừng cậy nơi sự tán dương của con người (5:12). Câu này có liên hệ với 3:1 là chi tiết Phao-lô đề cập đến những “bức thư gói gắm” đã được những người theo Do Thái giáo đánh giá rất cao. Nếu chỉ sống cho sự tán dương của con người, chúng ta sẽ không giành được sự tán dương của Đức Chúa Trời tại toà án của Đấng Christ. Sống cho sự tán dương của con người là đề cao danh tiếng hơn bản tính, nhưng chính bản tính sẽ có giá trị khi chúng ta gặp Chúa. Các tín hữu Cô-rinh-tô thật sự nên khen ngợi Phao-lô! Ngược lại, họ “ủng hộ” những người theo Do Thái giáo – những kẻ khoe mình bề ngoài (11:18) nhưng không thuộc linh trong lòng.

Sau cùng, chúng ta phải phớt lờ sự chỉ trích của con người (5:13). Kẻ thù của Phao-lô nói rằng ông bị điên. Phao-lô nói ông bị “mất trí” khi muốn bắt bớ Hội Thánh (Cong 26:11), nhưng kẻ thù nói ông “mất trí” từ khi biến mình thành Cơ Đốc nhân (Cong 26:24). Nhưng dân chúng từng nói rằng Chúa chúng ta bị mất trí, nên Phao-lô cũng còn đỡ hơn (Mac 3:21). Phao-lô

muốn nói “Nếu tôi bị mất trí, ấy là vì ích lợi cho anh em và vì vinh hiển của Đức Chúa Trời – vì vậy điều đó thật đáng giá!

Khi Dwight L. Moody giảng dạy ở Trường Chúa nhật lớn của ông và Hội Thánh tại Chicago, người ta thường gọi ông là “Moody điên khùng”. Trong mắt của thế gian không được cứu này, Moody “điên khùng” khi từ bỏ một nghề kinh doanh thành công để trở thành một giáo viên Trường Chúa nhật và người truyền đạo, nhưng thời gian đã chứng minh quyết định của ông là một quyết định khôn ngoan. Ngày nay, chúng ta không biết tên những người đã cười nhạo ông, nhưng chúng ta biết và tôn trọng tên tuổi D. L. Moody.

Mọi Cơ Đốc nhân cần thường xuyên tra xét đời sống mình để thấy mình có sẵn sàng đối diện trước toà án Đấng Christ chưa. Mong muốn trình một báo cáo tốt đẹp trước Đấng Christ là một động cơ xứng đáng cho sự hầu việc Cơ Đốc.

2. Tình yêu thương của Đấng Christ (II Co 5:14-17)

Làm sao những cảm xúc đối lập như sự kính sợ và tình yêu thương có thể ở trong cùng một tấm lòng? Chắc hẳn những cảm xúc ấy có trong lòng những con cái yêu cha mẹ và vẫn kính trọng cha mẹ cùng quyền hạn của cha mẹ. “Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ, và mừng rỡ cách run rẩy” (Thi 2:11).

Nhóm từ “tình yêu thương của Đấng Christ” nghĩa là tình yêu Ngài dành cho chúng ta như đã được thấy trong sự chết hy sinh của Ngài. “Chúng ta yêu, vì Chúa đã yêu chúng ta trước” (IGi 4:19). Ngài đã yêu chúng ta khi chúng ta không đáng được yêu. Thật ra, Ngài đã yêu chúng ta khi chúng ta là những kẻ bất kính, tội lỗi và thù nghịch (Ro 5:6-10). Khi chịu chết trên thập tự giá, Đấng Christ đã chứng minh tình yêu của Ngài đối với thế gian (Gi 3:16), Hội Thánh (Eph 5:25) và từng tội nhân (Ga 2:20). Khi suy ngẫm những lý do Chúa chịu chết, bạn không thể không yêu mến Ngài.

Ngài đã chịu chết để chúng ta có thể chết (II Co 5:14 “thì mọi người đều đã chết”). Thì của động từ này cho ý nghĩa “thì mọi người đã chết”. Chân lý này được giải thích chi tiết trong Ro 6:1-23 sự đồng nhất hoá của người tin nhận với Đấng Christ. Khi Ngài chịu chết, chúng ta cũng đã chết trong Ngài và với Ngài. Vì vậy, đời sống cũ không thể có quyền lực gì trên chúng ta hôm nay “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ” (Ga 2:20).

Ngài đã chịu chết để chúng ta có thể sống (II Co 5:15). Đây là khía cạnh tích cực của việc chúng ta được đồng nhất hoá với Đấng Christ: Không chỉ đã chết với Ngài, chúng ta còn được sống lại với Ngài để có thể “bước đi trong đời mới” (Ro 6:4). Do đã chết với Đấng Christ, chúng ta có thể thắng hơn tội lỗi, và do sống với Đấng Christ, chúng ta có thể sinh quả cho vinh hiển của Đức Chúa Trời (Ro 7:4).

Ngài đã chịu chết để chúng ta có thể sống “nhờ” Ngài: “Đức Chúa Trời đã sai Con một Ngài đến thế gian, để chúng ta nhờ Con được sống” (IGi 4:9). Đây là kinh nghiệm của chúng ta về sự cứu rỗi, sự sống đời đời nhờ đức tin nơi Chúa Giê-xu. Nhưng Ngài chịu chết để chúng ta có thể sống cho Ngài, chứ không phải cho bản thân (II Co 5:15). Đây là kinh nghiệm của chúng ta về sự hầu việc. Có thể nói rằng: “Đấng Christ đã chết sự chết của chúng ta cho chúng ta để chúng ta có thể sống sự sống của Ngài cho Ngài”. Nếu một tội nhân hư mất đã đến thập tự giá và được cứu, làm sao người ấy có thể sử dụng phần đời còn lại của mình trong sự vị kỷ được?

Vào năm 1858, Frances Ridley Havergal đi thăm nước Đức cùng với cha của bà là người sẽ được điều trị đôi mắt đau. Trong lúc ở nhà của một mục sư, bà thấy trên tường có một bức tranh về sự đóng đinh với dòng chữ bên dưới: “Ta đã làm điều này cho con. Con đã làm gì

cho ta?”. Bà lập tức lấy một tờ giấy và viết một bài thơ dựa trên phương châm ấy. Nhưng bà không hài lòng với bài thơ ấy, nên quăng tờ giấy vào lò sưởi. Tờ giấy rơi ra còn nguyên! Sau đó, cha của bà động viên bà xuất bản bài thơ ấy, và ngày nay chúng ta hát lời bài thơ ấy theo một giai điệu do Philip P. Bliss sáng tác:

Ta đã phó sự sống ta cho con,
Huyết báu ta đã đổ ra
Để con có thể được chuộc
Và được đẩy ra khỏi những kẻ chết
Ta đã phó, ta đã phó, sự sống ta cho con
Con đã phó chi cho ta?

Đấng Christ đã chịu chết để chúng ta có thể sống nhờ Ngài và cho Ngài, và để chúng ta có thể sống với Ngài. “Đấng đã chết vì chúng ta, hầu cho chúng ta hoặc thức hoặc ngủ, đều được đồng sống với Ngài” (ITe 5:10). Bởi sự kiện tại đồi Gô-gô-tha, Cơ Đốc nhân sẽ đến thiên đàng để đồng sống với Đấng Christ đời đời!

Ngài đã chịu chết để chúng ta có thể chết, và Ngài đã chịu chết để chúng ta có thể sống. Nhưng Ngài cũng đã chịu chết để chúng ta có thể “dự phần trong sự sáng tạo mới” (ICo 5:16-17). Mối liên hệ mới của chúng ta với Đấng Christ dẫn đến một mối liên hệ mới với thế gian cùng những người quanh ta. Chúng ta không còn nhìn cuộc đời theo cách trước đây. “Biết” Đấng Christ “theo xác thịt” nghĩa là đánh giá Ngài theo quan điểm loài người. Nhưng “những ngày của xác thịt Ngài” đã chấm dứt (He 5:7) vì Ngài đã thắng thiên và đang được vinh hiển bên hữu Đức Chúa Cha.

A-đam là đầu của sự sáng tạo cũ, và Đấng Christ (A-đam sau cùng ICo 15:45) là đầu của sự sáng tạo mới. Sự sáng tạo cũ đã bị đẩy vào tội lỗi và sự kết án bởi sự bất tuân của A-đam. Sự sáng tạo mới nghĩa là sự công bình và sự cứu rỗi bởi sự vâng phục của Chúa Giê-xu (Ro 5:12-21) để biết sự giải thích về “2 A-đam”). Vì chúng ta là một phần thuộc sự sáng tạo mới, nên mọi sự đã trở nên mới.

Trước hết, chúng ta có một quan điểm mới về Đấng Christ. Đáng tiếc là có một sự nhấn mạnh quá nhiều được trình bày trong âm nhạc và nghệ thuật nói về Đấng Christ “theo xác thịt”. Những sự kiện về đời sống trên đất của Chúa Giê-xu rất quan trọng, vì sứ điệp Cơ Đốc này được ghi lại trong lịch sử. Nhưng chúng ta phải giải nghĩa máng cỏ bằng ngôi vua. Chúng ta không thờ phượng một Hải nhi trong một máng cỏ chúng ta thờ phượng một Đấng Christ vinh hiển ngự trên ngôi.

Bởi “mọi sự đều trở nên mới”, nên chúng ta cũng có một cái nhìn mới về mọi người quanh ta. Chúng ta nhìn họ như những tội nhân được Đấng Christ chết thay. Chúng ta không còn nhìn họ như bạn hữu hay kẻ thù, khách hàng hay đồng nghiệp chúng ta nhìn họ theo cách Đấng Christ nhìn họ, như những con chiên lạc mất cần một người chăn. Khi bị ràng buộc bởi tình yêu của Đấng Christ, bạn muốn chia sẻ tình yêu Ngài với người khác.

Trong một kỳ bầu cử tổng thống đặc biệt có khả năng gây tranh cãi, một nhân viên của Hội Thánh bước vào lớp học Trường Chúa nhật đeo một phù hiệu để ủng hộ cho một trong các ứng viên. Mục sư chặn ông ta lại và khuyên ông ta hãy tháo đinh ghim ấy cho đến khi ông ra khỏi nhà thờ. Ông ta cãi lẽ: “Tại sao phải tháo nó ra: Người ấy là một ứng viên hoàn toàn tốt!”

Mục sư đáp: “Nhưng nếu phù hiệu này bị một người không được cứu của đảng khác nhìn thấy thì sao? Có phải nó sẽ khiến người đó tức giận và có thể cản trở người đó nghe Lời Chúa để được cứu không?”

Chợt, người đàn ông tháo phù hiệu ra rồi cười nói: “Tôi đoán mình nên nhớ rằng con người không phải là những thành viên của Đảng Cộng Hoà hay Đảng Dân Chủ. Họ là những tội nhân cần một Cứu Chúa và điều đó quan trọng hơn việc đắc cử”.

Tuy nhiên chúng ta cũng phải nhìn xem các Cơ Đốc nhân khác như một phần thuộc sự sáng tạo mới và đừng đánh giá họ dựa trên học vấn, chủng tộc, tài chính hay địa vị xã hội. “Tại đây không còn chia ra người Do Thái hay người Gờ-réc không còn người tội mọi hoặc người tự chủ không còn đàn ông hoặc đàn bà vì trong Đức Chúa Giê-xu, anh em thấy đều làm một” (Ga 3:28).

3. Mệnh lệnh của Đấng Christ (II Co 5:18-21)

Ý chính của đoạn này là “sự giảng hoà”. Bởi sự chống nghịch, con người trở nên kẻ thù của Đức Chúa Trời và bước ra khỏi mối tương giao với Ngài. Nhờ công tác nơi thập tự giá, Đấng Christ đã khiến con người và Đức Chúa Trời hoà thuận lại. Đức Chúa Trời đã được giảng hoà và quay mặt tình yêu của Ngài hướng về thế gian hư mất. Ý nghĩa cơ bản của từ “giảng hoà” là “thay đổi hoàn toàn”. Nó đề cập đến một mối liên hệ đã được thay đổi giữa Đức Chúa Trời và thế gian hư mất.

Đức Chúa Trời không cần phải được làm hoà với con người, vì điều đó đã được Đấng Christ thực hiện trên thập tự giá. Chính con người tội lỗi phải được làm hoà với Đức Chúa Trời. Tôn giáo là những nỗ lực yếu ớt của con người để được làm hoà với Đức Chúa Trời, những nỗ lực chắc chắn thất bại. Con Người giúp chúng ta làm hoà với Đức Chúa Trời Cứu Chúa Giê-xu, và nơi Ngài hoà giải cho chúng ta là thập tự giá của Ngài.

Ý chính khác trong phân đoạn này là sự quy tội. Đây là một từ mượn của ngành ngân hàng nó đơn giản nghĩa là “kê vào tài khoản”. Khi bạn gửi tiền vào ngân hàng, máy tính (hoặc thư ký) đưa số tiền ấy vào tài khoản của bạn hoặc vào khoản tín dụng của bạn. Khi Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá, mọi tội lỗi của chúng ta được quy cho Ngài – đưa vào tài khoản của Ngài. Ngài bị Đức Chúa Trời đối xử như thể Ngài đã thật sự phạm mọi tội lỗi ấy.

Kết quả thế nào? Mọi tội lỗi ấy đã được trả hết và Đức Chúa Trời không còn kẻ chúng nghịch với chúng ta, vì chúng ta đã tin nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa mình. Nhưng còn hơn thế: Đức Chúa Trời đã đặt vào tài khoản của chúng ta sự công bình của Đấng Christ! “Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng (Christ) vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời” (II Co 5:21).

Sự giảng hoà đặt cơ sở trên sự quy tội: vì những đòi hỏi trong Thánh luật của Đức Chúa Trời đã được đáp ứng đầy đủ trên thập tự giá, nên Đức Chúa Trời có thể được làm hoà với tội nhân. Những ai tin nhận Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa mình sẽ không bao giờ bị quy tội cho mình lần nữa (Ro 4:18 Thi 32:1-2). Về lý lịch của họ, họ được dự phần sự công bình của Chúa Giê-xu Christ!

Có một minh họa dễ thương về chân lý này trong thư tín ngắn ngủi. Phao-lô viết cho bạn là Phi-lê-môn. Người đầy tớ của Phi-lê-môn là Ô-nê-sim đã ăn cắp của chủ rồi trốn đến Rô-ma. Vì những tội của mình người này lẽ ra đã bị đóng đinh. Nhưng trong sự định liệu của Đức Chúa Trời, Ô-nê-sim đã gặp Phao-lô và qui đạo. Phao-lô viết thư cho Phi-lê-môn để khích lệ bạn mình tha thứ cho Ô-nê-sim và tiếp nhận người ấy vào nhà. Phao-lô viết “Hãy nhận lấy người như chính mình tôi vậy. Nhược bằng người có làm hại anh hoặc mắc nợ anh điều chi,

hãy cứ kể cho tôi” (II Co 5:17-18). Phao-lô sẵn lòng thanh toán hoá đơn (sự quy tội) hầu cho Phi-lê-môn và Ô-nê-sim có thể được làm hoà.

Giáo lý kỳ diệu này về sự giảng hoà thôi thúc chúng ta hầu việc Đấng Christ ra sao? Chúng ta là những đại sứ mang theo một sứ điệp. Đức Chúa Trời đã giao cho chúng ta chức vụ giảng hoà (II Co 5:18) và đạo giảng hoà (II Co 5:19).

Trong đế chế La Mã, có 2 loại tỉnh: cái tỉnh thuộc hội đồng thượng nghị sĩ và các tỉnh thuộc hoàng đế. Các tỉnh thuộc hội đồng thượng nghị sĩ được hình thành từ những người dân sống hoà bình và không ở trong tình trạng tranh chiến với La Mã. Họ đã đầu hàng và phục tùng. Nhưng các tỉnh thuộc hoàng đế không ở trong tình trạng hoà bình: Họ rất nguy hiểm vì họ sẽ chống lại Rô-ma nếu có khả năng. Rô-ma cần phải cử các đại sứ đến các tỉnh thuộc hoàng đế để bảo đảm sự nổi loạn không khởi phát.

Vì Cơ Đốc nhân trong thế gian này là những đại sứ của Đấng Christ, điều này nghĩa là thế gian đang chống nghịch với Đức Chúa Trời. Thế gian này là một “tỉnh thuộc hoàng đế” đối với Đức Chúa Trời. Ngài đã phái các đại sứ của Ngài vào thế gian để tuyên bố hoà bình chứ không phải chiến tranh. “Anh em hãy làm hoà với Đức Chúa Trời”. Chúng ta đại diện Chúa Giê-xu (II Co 4:5 Gi 20:21). Nếu tội nhân khước từ chúng ta và sứ điệp của chúng ta, thì chính Chúa Giê-xu là Đấng thật sự bị khước từ. Thật là một đặc quyền lớn lao được làm các đại sứ trên trời đến với những tội nhân chống nghịch thuộc thế gian này!

Khi còn là một mục sư trẻ, tôi thường có chút ngại ngùng để thực hiện những cuộc thăm viếng và đối diện với nhiều người bằng những lời khẳng định về Đấng Christ. Và rồi tôi đã trở thành một người được ơn, một đại sứ của Vua trên muôn vua! Không có điều gì để ngại ngùng cả. Thật ra, những người được tôi thăm viếng có lẽ rất biết ơn vì một trong các đại sứ của Đấng Christ đã đến gặp họ.

Đức Chúa Trời đã không tuyên bố chiến tranh trên thế gian, Ngài đã tuyên bố hoà bình tại thập tự giá. Nhưng một ngày kia, Ngài sẽ tuyên bố chiến tranh, và lúc ấy sẽ quá trễ cho những ai đã khước từ Đấng Christ (II Te 1:3-10). Sa-tan đang tìm cách phá huỷ mọi thứ trong thế gian này, nhưng Đấng Christ và Hội Thánh Ngài tham gia trong chức vụ giảng hoà, sẽ hiệp mọi sự lại và quy về cho Đức Chúa Trời.

Chức vụ không dễ dàng. Nếu muốn thành công, chúng ta phải được thôi thúc bởi sự kính sợ Chúa, tình yêu thương của Đấng Christ và mệnh lệnh Ngài đã giao phó cho chúng ta. Được hầu việc Ngài quả là một đặc quyền!

6. TỪ TẤM LÒNG QUA TẤM LÒNG (II Co 6:1-7:16)

Hai chương này đem đến một kết luận chân thành về lời giải thích của Phao-lô cho chức vụ ông. Ông cho độc giả biết rằng, bất chấp mọi thử thách hoạn nạn, chức vụ của ông là một chức vụ đắc thắng (1:1-2:17), một chức vụ vinh hiển (3:1-18) và cho biết ông không bao giờ nghĩ đến chuyện bỏ cuộc. Kẻ thù đã cáo ông lợi dụng chức vụ để tư lợi, nhưng ông chứng minh chức vụ ông là thành thật (4:1-18) và được đặt cơ sở trên đức tin nơi Đức Chúa Trời (5:1-21). Mọi việc còn lại là thách thức tấm lòng của các tín hữu Cô-rinh-tô và bảo đảm với họ về tình yêu thương của ông, và ông đã làm điều này bằng cách bày tỏ cho họ 3 sự nài xin đầy lòng yêu thương.

1. Nài xin sự đánh giá đúng đắn (II Co 6:1-18)

“Những nguyên tắc của tâm lý học” của William James là một bản văn cổ điển và chắc hẳn là một công trình tiên phong trong lãnh vực ấy. Nhưng tác giả thừa nhận rằng có một “sự

thiếu sót rất lớn” trong cuốn sách này. Ông viết: “Nguyên tắc sâu sắc nhất về nhân bản là sự thèm muốn được đánh giá đúng đắn”, nhưng ông đã không đề cập nguyên tắc này trong sách mình.

Khi đọc IICô-rinh-tô, bạn có ấn tượng mạnh mẽ rằng Hội Thánh không thật sự đánh giá đúng đắn Phao-lô và công việc ông làm giữa họ. Lẽ ra họ phải bênh vực Phao-lô chứ không nên buộc ông tự bênh vực mình. Những tín hữu Cô-rinh-tô đã khoe khoang về những người theo Do Thái giáo là những kẻ xâm phạm Hội Thánh và những người theo Do Thái giáo này vẫn chưa làm được gì cho các tín hữu Cô-rinh-tô.

- *Phao-lô người rao giảng Phúc Âm* (IICô 6:1-2). Chính Phao-lô là người đã đến thành Cô-rinh-tô mang theo Tin Mừng về Phúc Âm và qua chức vụ của ông, Hội Thánh được thành lập. Ông đã làm trọn công việc của “đại sứ” như đã được mô tả trong IICô 5:18-21). Không phải những người Do Thái giáo đã chinh phục những người Cô-rinh-tô về cho Đấng Christ, đó chính là Phao-lô.

Nhưng thậm chí giờ đây Phao-lô không chắc mọi người trong Hội Thánh đã cho rằng đã được cứu có thật sự là con cái của Đức Chúa Trời hay không (13:5). Ông trích dẫn Es 49:8 như sự nài xin của ông để họ nhận ân điển Đức Chúa Trời. Bởi công tác giảng hoà của Đấng Christ trên thập tự giá (IICô 5:18-19), ngày nay thật sự là “ngày cứu rỗi”. Không có gì bảo đảm rằng bất cứ tội nhân nào đều sẽ có cơ may được cứu trong ngày mai. “Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va đang khi mình gặp được” (Es 55:6).

Có một mục sư muốn đối phó với một thiếu phụ lý luận rằng bà có nhiều thời gian để quyết định cho Chúa Giê-xu. Ông trao cho bà một tờ giấy và nói: “Bà có muốn ký một biên bản rằng bà sẵn sàng hoãn lại sự cứu rỗi trong một năm không?” Không, bà không làm vậy. Sáu tháng? Cũng không. Một tháng? Bà do dự, nhưng nói không. Rồi bà bắt đầu nhìn thấy sự ngu xuẩn trong lý lẽ của mình và bà đã tin nhận Đấng Christ không chậm trễ.

- *Phao-lô – một tấm gương* (IICô 6:3-10). Một trong những ngăn trở lớn nhất đối với sự phát triển của Phúc Âm là gương xấu của những người xưng là Cơ Đốc nhân. Những người không được cứu thích lợi dụng những điểm bất nhất của các thánh đồ – đặc biệt là các mục sư truyền đạo – làm có khước từ Chúa Giê-xu. Phao-lô cẩn thận không làm bất cứ điều gì tạo một chướng ngại gây vấp ngã trên đường đi của tội nhân hoặc thánh đồ (Ro 14:1-23). Ông không muốn chức vụ bị mất uy tín (bị chê bai) trong bất kỳ phương diện nào do đời sống của mình.

Phao-lô nhắc đọc giả của ông về những thử thách ông đã chịu vì họ (IICô 6:4-5). Ông là một con người chịu đựng (nhẫn nại) và đã không bỏ cuộc khi mọi sự khó khăn. “Hoạn nạn” là những thử thách dưới áp lực khi bạn bị những hoàn cảnh đè nặng. “Nhu cầu” là những gian khổ thường nhật của đời sống, và “đau buồn” chỉ về những từng trải dồn chúng ta đến đường cùng nơi dường như không lối thoát. Từ Hy Lạp nghĩa là “một nơi hẹp”.

Nhưng ngay cả những người không được cứu cũng trải qua những kinh nghiệm này, nên kể đó Phao-lô liệt kê một số thử thách ông đã chịu vì sự chống đối của con người: đòn vọt, lao tù, rối loạn (bạo loạn). Ông trải qua những thử thách này vì đã trung tín hầu việc Chúa. Rồi ông kể tên một vài sự hy sinh ông tình nguyện thực hiện vì có chức vụ: sự khó nhọc (công việc dẫn đến mệt mỏi), sự thức canh (những đêm không ngủ), sự kiêng ăn (bằng lòng chịu đói). Dĩ nhiên, Phao-lô không rao những điều này cách công khai. Lý do duy nhất ông đề cập chúng trong thư tín này là để bảo đảm với các tín hữu Cô-rinh-tô về tình yêu ông dành cho họ.

Ông nhắc họ thêm về những công cụ được ông sử dụng trong chức vụ (6:6-7). “Sự thanh sạch” nghĩa là “sự trinh bạch” (11:2). Phao-lô giữ mình trong sạch về mặt đạo đức. “Sự khoan nhẫn” chỉ về sự kiên nhẫn với những người khó tính, còn “lòng nhịn nhục” (6:4) chỉ về sự chịu đựng trong những nghịch cảnh. Phao-lô nhờ cậy quyền năng của Thánh Linh hầu có thể bày tỏ ra trái của Thánh Linh như lòng tốt và tình yêu thương thật. Ông sử dụng Lời Đức Chúa Trời để truyền đạt tri thức thuộc linh, và mặc áo giáp của Đức Chúa Trời (Eph 6:10) để bảo vệ mình khỏi những sự tấn công của ma quỷ.

Sau cùng, ông nhắc họ về lời chứng mà ông đã bày tỏ (II Co 6:8-10). Phao-lô liệt kê một chuỗi những nghịch lý, bởi ông biết không phải mọi người đều thật sự hiểu ông và chức vụ của ông. Những kẻ thù của Phao-lô đã kể xấu về ông như một kẻ lừa dối đáng hổ thẹn. Nhưng Đức Chúa Trời đã kể tốt về Phao-lô như một người danh giá, trung nghĩa. Phao-lô vừa nổi tiếng lẫn vừa vô danh.

Thật là một giá Phao-lô phải trả để giữ lòng trung tín trong chức vụ! Tuy nhiên các tín hữu Cô-rinh-tô thật sự đánh giá mọi điều Phao-lô làm cho họ một cách kém cỏi biết bao. Họ đem đến sự buồn rầu cho lòng ông, nhưng ông “luôn vui mừng” trong Chúa Giê-xu. Ông đã trở nên nghèo ngặt để họ có thể trở nên giàu có (ICo 1:5 II Co 8:9). Từ được dịch là “nghèo” nghĩa là “sự thiếu thốn hoàn toàn của một người ăn mày”.

Phải chăng Phao-lô sai lầm khi nài xin sự đánh giá đúng đắn của họ? Tôi không nghĩ vậy. Rất nhiều Hội Thánh có xu hướng xem nhẹ chức vụ đầy lòng hy sinh của các mục sư, truyền đạo và những người làm việc trung tín ở nhà thờ. Phao-lô không nài xin sự tán dương, nhưng ông nhắc nhở các bạn hữu tại Cô-rinh-tô rằng chức vụ của ông đối với họ đã khiến ông trả giá đắt.

Dĩ nhiên trong toàn bộ lời chứng cá nhân này, Phao-lô muốn bác bỏ những lời cáo đày ác tâm của nhóm người theo Do Thái giáo. Họ đã chịu khổ bao nhiêu cho người Cô-rinh-tô? Họ đã trả giá nào cho chức vụ mình? Giống như hầu hết những kẻ sùng bái cá nhân ngày nay, những giáo sư giả này đã đánh cắp những người qui đạo của kẻ khác họ không tìm cách tự mình chinh phục những kẻ hư mất. Có người đã nói rằng: “Nếu bạn muốn tìm thấy sự biết ơn, hãy tìm trong từ điển.” Chúng ta có đang bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã giảng dạy mình không?

2. Nài xin sự biệt riêng (II Co 6:11-18 7:1)

Mặc cho mọi nan đề và những sự đau lòng Hội Thánh gây cho mình, Phao-lô vẫn rất mực yêu thương các tín hữu Cô-rinh-tô. Ông đã nói với họ cách thành thật và yêu thương, giờ đây ông dịu dàng yêu cầu họ mở lòng đối với ông. Ông cảm thấy mình như một người cha có những đứa con đang tức đọa của mình tình yêu mà ông đáng được hưởng (ICo 4:15).

Tại sao họ từ chối bày tỏ tình yêu? Bởi họ có lòng chia rẽ. Các giáo sư giả đã lấy đi lòng họ, và giờ đây họ nguội lạnh đối với Phao-lô. Họ giống như người con gái đã hứa hôn, nhưng bị quyến dụ bởi một người cầu hôn không xứng đáng (II Co 11:1-3). Các tín hữu Cô-rinh-tô đang thoả hiệp với thế gian, nên Phao-lô nài xin họ biệt riêng cho Đức Chúa Trời, như cách một người vợ chung thủy được biệt riêng cho chồng nàng.

Đáng tiếc là giáo lý quan trọng về sự biệt riêng đã bị hiểu sai và bị lạm dụng trong những năm gần đây, vì đó là một chân lý thiết yếu. Một số Cơ Đốc nhân sốt sắng thật đã đòi sự biệt riêng thành sự cô lập, cho đến khi mỗi thông công của họ trở nên quá hẹp hòi đến nỗi họ không thể hợp ý với cả chính mình. Để phản ứng với thái cực này, những Cơ Đốc nhân khác đã phá đổ mọi bức tường và muốn giao hảo với bất cứ ai, không kể người ấy tin nơi điều gì hoặc sống thế nào. Nhưng chúng ta tán thành ước muốn rèn luyện tình yêu Cơ Đốc của họ,

chúng ta muốn nhắc họ rằng ngay cả tình yêu Cơ Đốc cũng phải vận dụng sự sáng suốt (Phi 1:9-11).

Phao-lô trình bày 3 luận chứng để cố thuyết phục các tín hữu này rằng họ phải tách mình khỏi điều đi ngược với ý muốn Đức Chúa Trời.

1. *Bản chất Cơ Đốc nhân* (IICo 6:14-16). Bản chất quyết định mối quan hệ. Vì con heo có bản chất của loài heo, nó gắn bó với những con heo khác trong hố bùn. Bởi con chiên có bản chất của chiên, nó nhai cỏ cùng bầy trong đồng cỏ. Cơ Đốc nhân có một bản chất của chiên, nó nhai cỏ cùng bầy trong đồng cỏ. Cơ Đốc nhân có một bản chất thiêng liêng (Phi 1:3-4) và vì vậy người ấy phải mong muốn chỉ gắn bó với điều gì đẹp ý Chúa.

Khái niệm về “ách không đồng đều” xuất phát từ Phu 22:10 “Chớ cày với một con bò thẳng chung với một con lừa”. Con bò là vật sạch đối với dân Do Thái, nhưng con lừa thì không (Phu 14:1-8) và lòng chúng chung một ách là điều sai trái. Hơn nữa, chúng mang hai bản chất đối lập và thậm chí sẽ không làm việc tốt với nhau. Thật độc ác nếu buộc chúng chung với nhau. Tương tự như vậy, thật sai lầm cho những Cơ Đốc nhân mang ách chung với những kẻ vô tín.

Hãy để ý những danh từ được Phao-lô sử dụng: sự thông công, sự liên lạc, sự tương hợp (hoà hợp), phần, sự đồng ý. Mỗi từ trong số này đều nói về sự có chung điều gì. Từ “tương hợp:” cho chúng ta nghĩa tiếng Anh là “sự hoà âm”, và nó nói về khúc nhạc hay vang lên khi các nhạc công đọc cùng một bản hoà âm và vâng theo một chỉ huy. Sẽ hỗn loạn biết bao nếu mỗi nhạc công chơi giai điệu riêng mình theo cách riêng!

Những ước muốn của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài được nhìn thấy trong những từ này. Ngài muốn chúng ta chia sẻ với nhau (sự thông công) và có chung (sự liên lạc) những phước hạnh của đời sống Cơ Đốc. Ngài muốn chúng ta hưởng sự hoà hợp và sự nhất trí khi sống và làm việc với nhau. Khi chúng ta cố gắng vừa bước đi với thế gian và vừa với Chúa cùng một lúc, chúng ta sẽ phá vỡ mối giao thông thuộc linh và gây ra sự bất hoà cùng sự chia rẽ.

Phao-lô nhìn thấy Cơ Đốc nhân và kẻ vô tín trong sự tương phản rõ rệt với nhau: sự công bình – sự không công bình, sự sáng – sự tối, Đấng Christ – Bê-li-am (Sa-tan), sự tin tưởng – sự không trung tín (sự vô tín), đền thờ Đức Chúa Trời – thần tượng. Làm sao bạn có thể hoà hợp những sự đối kháng này được? Chính bản chất của Cơ Đốc nhân đòi hỏi người ấy phải được biệt khỏi điều gì xấu xa. Khi một người được cứu kết hôn với một người chồng hoặc người vợ không được cứu, điều này gây ra một tình trạng tuyệt vọng và điều tương tự ứng dụng cho những sự hùn vốn trong kinh doanh và “sự giao thông” tôn giáo.

Đề ý từ “anh em” ở dạng số nhiều trong IICo 6:16. Ở đây Phao-lô ám chỉ Hội Thánh địa phương như một tổng thể chứ không phải chỉ là cá nhân tín hữu, như trong ICo 6:19-20 Hội Thánh địa phương là nơi ngự của Đức Chúa Trời vì các tín hữu là dân cư của Đức Chúa Trời (Exe 37:26-27 Le 26:12 Xu 25:8). Vì một Hội Thánh địa phương nào gây nguy hại cho lời chứng mình, giống như một đền thánh bị ô uế.

2. *Mệnh lệnh trong Kinh Thánh* (IICo 6:17). Phần quan trọng của lời trích dẫn này là từ Es 52:11 nhưng cũng có sự lặp lại ở Exe 20:34,41 Sự ám chỉ trong Ê-sai nói về dân tộc bị giam cầm này sẽ rời Ba-by-lôn trở về quê hương mình, nhưng những ứng dụng thuộc linh chỉ về sự biệt riêng của người thuộc về đức Chúa Trời ngày nay.

Đức Chúa Trời ra lệnh dân Ngài phải “ra khỏi” ám chỉ một hành động dứt khoát về phía họ. “Hãy phân rẽ” nói đến sự dẫn thân cho Đức Chúa Trời vì một đích đặc biệt. Sự phân rẽ này không chỉ là một hành động tiêu cực của sự thoát khỏi, nó cũng là một hành động tích

cực của sự dâng mình cho Đức Chúa Trời. Chúng ta phải phân cách khỏi tội lỗi và biệt riêng cho Đức Chúa Trời. “Đừng đá động đến đồ ô uế” là một lời cảnh cáo chống lại sự ô uế. Người Do Thái thời Cựu Ước bị ô uế nếu người ấy đụng đến xác chết hay một vết thương mưng mủ chảy ra. Dĩ nhiên, Cơ Đốc nhân ngày nay không bị nhiễm sự ô uế thuộc linh do sự đụng chạm, nhưng nguyên tắc này vẫn không thay đổi: chúng ta đừng kết giao với điều gì gây hại cho lời chứng của mình hoặc dẫn chúng ta đến sự bất tuân.

Mệnh lệnh của Đức Chúa Trời về sự biệt riêng được tìm thấy suốt Kinh Thánh. Ngài cảnh cáo Y-sơ-ra-ên đừng hoà nhập với những dân tộc ngoại đạo trong đất Ca-na-an (Dan 33:50-56). Tuy nhiên họ đã nhiều lần bất tuân lời Ngài và đã bị sửa phạt vì hành động đó. Các tiên tri nhiều lần nài xin dân sự từ bỏ các hình tượng tà thần và dâng mình trọn vẹn cho Chúa. Sau cùng, Đức Chúa Trời đã phải phó Y-sơ-ra-ên vào sự lưu đày của quân A-sy-ri và phó dân Giu-đa vào sự lưu đày của quân Ba-by-lôn. Chúa chúng ta đã chối từ “sự biệt riêng” giả dối của người Pha-ri-si, nhưng Ngài cảnh cáo các môn đệ đề phòng men (giáo lý sai trật) của người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê và Ngài cầu nguyện cho họ được giữ khỏi sự ô uế của thế gian (Mat 16:6,11 Gi 17:14-17).

Các sứ đồ cũng nhấn mạnh sự tinh sạch về giáo lý và về cá nhân trong các thư tín bởi đến các Hội Thánh. Cơ Đốc nhân ở trong thế gian, nhưng người ấy phải cẩn thận để không trở nên giống thế gian. Hội Thánh cũng phải phân cách khỏi những kẻ chối bỏ giáo lý được Đấng Christ và các sứ đồ truyền đạt (Ro 12:1-2 16:17-20 Co 3:1-2 ITi 6:10-11 Tit 2:14 IPhi 4:3-6 IGi 4:6). Ngay cả sách Khải huyền cũng có một sự nhấn mạnh về người thuộc về Đức Chúa Trời được phân cách khỏi điều gì sai trật và đi ngược với đời sống thánh khiết (Kh 2:14-16,20-24 18:4).

Trong ước muốn đối với sự tinh sạch về giáo lý và về cá nhân, chúng ta đừng trở nên quá tự kỷ trung tâm đến nỗi phớt lờ thế giới khôn khéo quanh ta. Chúa chúng ta “thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội” (He 7:26), và dù vậy Ngài là “bạn của người thu thuế và kẻ có tội” (Lu 7:26). Như một bác sĩ tài giỏi, chúng ta phải thực hiện “sự tiếp xúc mà không bị ô nhiễm”. Nếu không chúng ta sẽ cô lập mình khỏi những người cần đến chức vụ của chúng ta hơn hết.

3. *Lời hứa về ơn phước của Đức Chúa Trời* (II Co 6:17-7:1). Đức Chúa Trời đã trở nên Cha của chúng ta khi chúng ta tin nhận Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa mình, nhưng Ngài không thể là Cha đối với chúng ta nếu chúng ta không vâng lời Ngài và giao thông với Ngài. Ngài mong mỏi tiếp nhận chúng ta trong tình yêu và đối xử với chúng ta như những con trai con gái yêu quý của Ngài. Sự cứu rỗi nghĩa là chúng ta dự phần sự sống của Đức Chúa Cha, nhưng sự biệt riêng nghĩa là chúng ta hoàn toàn bước vào tình yêu của Đức Chúa Cha. Chúa Giê-xu đã hứa về “tình yêu sâu đậm” này trong (Gi 14:21-23).

Đức Chúa Trời ban phước cho những ai biệt mình khỏi tội lỗi và sống cho Chúa. Áp-ra-ham đã biệt mình khỏi U-rơ thuộc xứ Canh-đê và Đức Chúa Trời đã ban phước cho ông. Khi Áp-ra-ham thoả hiệp và đến xứ Ai Cập, Đức Chúa Trời đã phải sửa phạt ông (Sa 11:31-12:20). Trong thời gian dân Y-sơ-ra-ên được biệt khỏi các dân tộc tội lỗi ở Ca-na-an, Đức Chúa Trời đã ban phước cho họ. Nhưng khi họ bắt đầu hoà nhập với dân ngoại đạo, Đức Chúa Trời đã phải sửa phạt họ. Cả E-xơ-ra và Nê-hê-mi đã phải dạy dân sự lại ý nghĩa của sự biệt riêng (Exo 9:1-10:44 Ne 9:2 10:28 13:1-9,23-31).

II Co 7:1 Bởi những lời hứa nhân từ của Đức Chúa Trời, chúng ta có những trách nhiệm thuộc linh (II Co 7:1). Chúng ta phải làm sạch mình một lần đủ cả về điều gì làm ô uế chúng ta. Cầu xin Đức Chúa Trời làm sạch chúng ta thì chưa đủ chúng ta phải làm sạch đời sống mình và giữ bỏ mọi điều làm chúng ta dễ phạm tội. Không Cơ Đốc nhân nào có thể đặt ra luật

lệ cho Cơ Đốc nhân khác. Mỗi Cơ Đốc nhân biết những nan đề của tấm lòng và đời sống mình.

Cơ Đốc nhân rất thường đối phó với những triệu chứng chứ không phải những nguyên nhân gây ra. Chúng ta cứ xưng những tội lỗi giống nhau vì chúng ta đã không nắm bắt được cội rễ của sự rắc rối và “làm sạch mình”. Có lẽ có “sự dơ bẩn về xác thịt”, tội lỗi yêu thích nào đó đã “nuôi dưỡng” bản chất cũ (Ro 13:14). Hoặc đó có thể là “sự dơ bẩn về tâm linh”, một thái độ mang tính tội lỗi. Đứa con trai hoang đàng đã phạm những tội về thể xác, nhưng người anh cả “đạo đức” đã phạm những tội về tâm linh. Người anh thậm chí không thể hoà thuận được với cha mình (Lu 15:11-21).

Nhưng việc làm sạch bản thân chỉ là nửa phần trách nhiệm chúng ta còn phải “lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh” (II Co 7:1). Đây là tiến trình không thay đổi khi chúng ta tăng trưởng trong ân điển và sự thông biết (II Phi 3:18). Được quân bình là điều quan trọng. Những người Pha-ri-si rất tha thiết cất đi tội lỗi, nhưng họ đã xao lãng việc làm trọn sự nên thánh. Nhưng thật đại dột khi cố làm trọn sự nên thánh nếu có tội lỗi được nhận biết trong đời sống chúng ta.

Phao-lô đã nài xin sự đánh giá đúng đắn và sự biệt riêng. Ông đưa ra một sự nài xin sau cùng bằng nỗ lực mình để dành lại tình yêu thương và sự dấn thân của các tín hữu Cô-rinh-tô.

3. Nài xin sự giảng hoà (II Co 7:2-16)

“Hãy mở rộng lòng anh em cho chúng tôi” (II Co 6:13). “Hãy tiếp nhận chúng tôi (II Co 7:2). “Nếu 2 người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao?” (Am 3:3). Nếu các tín hữu Cô-rinh-tô chỉ cần làm sạch đời sống họ và mỗi thông công trong Hội Thánh của họ. Đức Chúa Trời sẽ tiếp nhận họ (II Co 6:17) và họ có thể lại dành được sự thông công với Phao-lô.

Sự nhấn mạnh trong phân đoạn này nói về cách Đức Chúa Trời đã yên ủi Phao-lô sau khi ông trải qua những thử thách lớn dường ấy tại A-si và Trô-ách (1:8-10 2:12-13). Thực tế có một sự yên ủi với 3 ý được ghi lại trong những câu này.

1. *Phao-lô yên ủi Hội Thánh* (II Co 7:2-4). Hội Thánh đã tiếp nhận Tít giờ đây họ phải tiếp nhận Phao-lô (II Co 7:13). Phao-lô nài xin họ tin tưởng ông, vì ông chưa hề làm điều gì có hại cho họ. Chắc chắn đây là cách dùng từ “đánh lừa” (lợi dụng 11:20). Họ muốn nói rằng “Phao-lô chiếm giữ tiền quyên góp cho việc truyền giáo này để ông ta có thể tự mình sử dụng tiền bạc!”

Vì sao làm cho người khác tin chắc về tình yêu của chúng ta lại là việc khó? Phao-lô đã có thể làm gì hơn để thuyết phục họ? Ông sẵn lòng chịu chết cho họ nếu cần, vì họ ở trong tấm lòng của ông (3:1 6:11-13). Ông khoe với người khác về họ (“hãnh diện về anh em”) nhưng họ đã chỉ trích ông.

Nhưng, bất chấp những nan đề này, Phao-lô đã có lý do chính đáng để yên ủi Hội Thánh vì sự viếng thăm của Tít đã thành công và giờ đây đã có cơ hội để “sửa chữa những hàng rào” và phục hồi mỗi thông công. Điều này dẫn đến sự yên ủi thứ hai.

2. *Tít yên ủi Phao-lô* (II Co 7:5-10). Sự yên ủi đầu tiên Phao-lô nhận được là việc Tít đến sau khi 2 người xa cách nhau. Không dễ gì liên lạc hay đi lại vào thời ấy, và Phao-lô đã cậy nơi sự định liệu của Đức Chúa Trời cho kế hoạch về sự viếng thăm của Tít đến thành Cô-rinh-tô có thể thực hiện được (thậm chí với phương tiện hiện đại của chúng ta về giao thông và vận chuyển, chúng ta vẫn cần nhờ cậy nơi sự định liệu của Đức Chúa Trời).

Nhưng Phao-lô đã được yên ủi bởi sự tường thuật về việc Tít được tiếp đón tại Cô-rinh-tô. Họ đã đọc “bức thư buồn rầu” của Phao-lô, ăn năn tội lỗi mình và kỷ luật những thuộc viên đã gây ra những nan đề này. Đáng tiếc là bản dịch King James dịch 2 từ khác nhau của tiếng Hy Lạp ra “ăn năn”, vì chúng mang ý nghĩa khác nhau. Từ “ăn năn” trong IICô 7:8 nghĩa là “ân hận” và “đã ăn năn” trong IICô 7:10 nghĩa là “hối tiếc”.

Phao-lô đã viết cho họ một bức thư nghiêm khắc, và rồi ân hận về điều đó. Nhưng bức thư đã đạt mục đích của nó và các tín hữu Cô-rinh-tô đã ăn năn điều này khiến Phao-lô vui mừng, sự ăn năn của họ không chỉ là một sự “hối hận” thoáng qua Đó là một sự buồn rầu thành kính và chân thật vì tội lỗi. “Vì sự buồn rầu theo ý Đức Chúa Trời sanh ra sự hối cải, sự hối cải dẫn đến sự cứu rỗi và chẳng để lại sự hối hận nhưng sự buồn rầu theo thế gian đem đến sự chết” (7:10). Sự khác nhau này được nhìn thấy trong Giu-đa và Phi-e-rơ. Giu-đa “tự ăn năn” (vô cùng hối hận) và đi để phạm tội tự sát trong khi đó Phi-e-rơ đã khóc lóc và ăn năn về sự sa ngã của mình (Mat 26:75-27:5).

Cơ Đốc nhân có cần ăn năn không? Chúa Giê-xu đã phán rằng chúng ta cần ăn năn (Lu 17:3-4) và Phao-lô đã đồng ý với Ngài (IICô 12:21). Bốn trong số 7 Hội Thánh thuộc xứ A-si được kể tên trong Kh 2:1-3:22 được kêu gọi phải ăn năn. Ăn năn đơn giản nghĩa là “đổi ý” và những Cơ Đốc nhân bất tuân cần ăn năn, không phải để được cứu, nhưng để phục hồi mối giao thông mật thiết của mình với Đức Chúa Trời.

3. *Các tín hữu Cô-rinh-tô yên ủi Tít* (IICô 7:11-16). Họ đã sẵn sàng làm mọi sự để thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời. Trước hết họ tiếp nhận Tít và làm cho ông tươi tỉnh bằng sự thông công của họ (IICô 7:13). Họ khiến lòng Tít vui mừng khi tỏ ra đúng với mọi điều Phao-lô đã khoe về họ. Họ tiếp nhận sứ điệp của Phao-lô qua Tít và hành động theo.

Ở (IICô 7:11), Phao-lô giải thích rõ cách xử lý của họ về vấn đề kỷ luật “Vây hãy xem sự buồn rầu theo ý Đức Chúa Trời sanh ra sự ân cần trong anh em là đường nào! Lại có sự bào chữa, buồn giận, răn sợ, sốt sắng, nôn nả, trách phạt là đường nào! Anh em đã tỏ ra cho ai nấy đều biết rằng mình vốn là thanh sạch trong việc đó”. Phao-lô được yên ủi khi Tít cho ông biết cách họ đã ăn năn, bày tỏ sự quan tâm và sốt sắng để làm những điều đúng đắn. Phao-lô đoán chắc với họ rằng mục đích thư tín của ông không chỉ để quở trách những người sai phạm và giúp đỡ những người sai phạm đó, nhưng còn để chứng tỏ tình yêu của ông đối với Hội Thánh. Phao-lô đã chịu khổ nhiều vì tình trạng này, nhưng sự chịu khổ của ông thật đáng giá, vì giờ đây nan đề đã được giải quyết.

Một trong những điều khó thực hiện nhất là tái lập một mối liên hệ đã bị đổ vỡ. Phao-lô cố gắng làm điều này trong IICô-rinh-tô và đặc biệt trong 6:1-7:16. Tiếc thay, ngày nay có nhiều mối liên hệ bị gãy đổ trong gia đình, Hội Thánh và chức vụ và chúng chỉ có thể được hàn gắn lại và củng cố khi con người đối diện với những vấn đề cách thành thật, giải quyết chúng theo tinh thần Kinh Thánh trong tình yêu thương, và tìm cách làm đẹp lòng Chúa.

Khi bạn và tôi tra xét đời sống mình, chúng ta phải xác định mình là một phần của sự giải đáp, chứ không phải một phần của nan đề. Chúng ta phải bày tỏ sự đánh giá đúng đắn, thực hành sự biệt riêng và cố vũ sự giảng hoà nếu Đức Chúa Trời muốn sử dụng chúng ta để phục hồi những mối liên hệ đã bị đổ vỡ.

7. ƠN BAN CHO-PHẦN T (IICô 8:1-24)

Một trong những chức vụ chính trong chuyến đi truyền giáo của Phao-lô là thu tiền quyền góp trợ giúp cho các Cơ Đốc nhân nghèo khó xứ Giu-đê. Phao-lô đã giúp theo cách này một lần trước đó (Cong 11:27-30) và ông vui sướng làm điều ấy lần nữa. Thật ý nghĩa khi chính

Phao-lô là người đã nhớ “phước lành đã bị quên lãng” của Chúa Giê-xu: “Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh” (Cong 20:35).

Nhưng Phao-lô đã có những phước hạnh khác trong trí ngoài sự giúp đỡ người nghèo về vật chất. Ông muốn khoản dâng hiến này củng cố tình đoàn kết của Hội Thánh khi các Hội Thánh người ngoại chia sẻ với các hội chúng Do Thái bên kia đại dương. Phao-lô nhìn thấy người ngoại như “những người mắc nợ” đối với người Do Thái (Ro 15:25-28), và sự quyên góp đặc biệt này là một cách trả món nợ đó.

Khoản dâng hiến này cũng là bằng cứ đối với các tín hữu Do Thái (trong đó có một số người vẫn sốt sắng với luật pháp) rằng Phao-lô không phải là kẻ thù nghịch của người Do Thái hay của Môi-se (Cong 20:17). Từ buổi đầu chức vụ, Phao-lô đã hứa nhớ đến kẻ nghèo (Ga 2:6-10), và ông đã lao động vất vả để giữ lời hứa ấy nhưng đồng thời ông hy vọng rằng lòng rộng rãi của người ngoại sẽ làm nín lặng tính đố kỵ của người Do Thái.

Tiếc thay, các tín hữu Cô-rinh-tô không muốn thực hiện phần mình. Giống như nhiều người, họ đã có những lời hứa, nhưng không giữ lời. Thật ra, cả một năm đã bị hoang phí (II Co 8:10). Nguyên nhân nào đã gây sự trì hoãn nghiêm trọng này? Mức độ thuộc linh thấp kém của Hội Thánh. Khi một Hội Thánh nào không thuộc linh, Hội Thánh đó không rộng rãi. Một yếu tố khác là sự xâm phạm của những người theo Do Thái giáo, những kẻ có thể đã ra sức bòn rút tiền bạc (11:7-12,20 12:14).

Phao-lô biết rằng làm cho các tín hữu Cô-rinh-tô chịu đựng phần sẽ là điều khó khăn, vì vậy ông nâng lên sự nài xin mình đến mức độ thuộc linh cao nhất có thể được: ông dạy họ rằng ban cho là một hành động của ân điển. Phao-lô sử dụng 9 từ khác nhau để chỉ về sự dâng hiến, nhưng một từ Phao-lô sử dụng nhiều nhất là “ân điển”. Ban cho thật sự là một chức vụ và sự thông công (8:4) để giúp đỡ người khác, nhưng động cơ phải là ân điển của Đức Chúa Trời trong lòng. Phao-lô biết sự quyên góp này là một “món nợ” dân ngoại đã mắc (Ro 15:27) và là quả từ đời sống Cơ Đốc của họ (Ro 15:28). Nhưng nó còn hơn thế nữa: đó là hành động của ân điển Đức Chúa Trời trong lòng người.

Thật là điều kỳ diệu khi Cơ Đốc nhân bước vào ơn ban cho, khi họ thật sự tin rằng ban cho có phước hơn nhận lãnh. Chúng ta có thể nói sao khi chúng ta đang thực hành “ơn ban cho” Phao-lô cho biết có một số chứng cứ hiển hiện khi sự ban cho của chúng ta được thúc bởi ân điển.

1. Khi chúng ta ban cho bất chấp mọi hoàn cảnh (II Co 8:1-2)

Những Hội Thánh của người Ma-xê-đoan mà Phao-lô đang dùng làm một tấm gương đã trải qua những khó khăn gay go, nhưng họ đã ban cho rời rộng. Họ không đơn giản đã vượt qua “hoạn nạn”, họ đã trải qua “thử thách lớn của sự hoạn nạn” (c.2). Họ đã ở trong “cơn rất nghèo khó” nghĩa là “sự thiếu thốn đến tận cùng”. Từ này mô tả một người ăn mày hoàn toàn không có gì và không có hy vọng kiếm được cái gì – hoàn cảnh khó khăn của họ có thể một phần do niềm tin Cơ Đốc của họ, vì họ có thể đã bị mất việc hoặc bị loại trừ khỏi những hội buôn bán, bởi họ từ chối không dính dáng với sự sùng bái thần tượng.

Nhưng hoàn cảnh của họ đã không ngăn trở họ ban cho. Thật ra, họ đã ban cho cách vui mừng và tự do! Không máy tính nào có thể phân tích được công thức lạ lùng này: hoạn nạn lớn và cơn rất nghèo khó cộng với ân điển là niềm vui dư dật và sự tự do phong phú! Nó nhắc chúng ta về nghịch lý trong chức vụ của Phao-lô: “như nghèo ngặt mà làm cho nhiều người được giàu có” (6:10). Nó cũng nhắc chúng ta về những của lễ rời rộng được dâng lên tại đền tạm (Xu 35:5-6) hoặc đền thờ (ISu 29:6-9).

Khi đã kinh nghiệm ân điển Đức Chúa Trời trong đời sống mình, bạn sẽ không dùng những hoàn cảnh khó khăn làm có để không ban cho. Về vấn đề đó hoàn cảnh có bao giờ khuyến khích sự ban cho không? Trong chức vụ mục sư đầu tiên của tôi, chúng tôi có một nhu cầu lớn về việc xây dựng một nhà thờ mới nhưng một số người chống đối chương trình xây cất do “hoàn cảnh kinh tế”. Rõ ràng là các nhà máy thép đang có kế hoạch đình công, các xí nghiệp sắp đóng cửa, ngành đường sắt cũng đang có những vấn đề... và đó dường như là một thời gian đầy mạo hiểm cho việc xây dựng. Nhưng đã có đủ những con người tin nơi “sự ban cho rời rộng” đến nỗi Hội Thánh đã dựng lên một nhà thờ mới – bất chấp những cuộc đình công, đóng cửa, giảm công nhân, và những vấn đề khác về tài chính. Sự ban rời rộng là sự ban cho bất chấp mọi hoàn cảnh.

2. Khi chúng ta ban cho cách nhiệt tình (II Co 8:3-4)

Người ta có thể ban cho rời rộng, nhưng khó có thể ban cho cách nhiệt tình. Một thuộc viên Hội Thánh nghèo khó nói rằng: “Mục sư nói tôi nên ban cho đến khi việc đó gây khó chịu nhưng đối với tôi thật khó chịu khi chỉ nghĩ đến việc ban cho!”

Các Hội Thánh của người Ma-xê-đoan đã không cần sự thúc giục hay sự nhắc nhở nào như Hội Thánh Cô-rinh-tô. Họ rất vui sướng dự phần trong sự quyên góp. Thật ra, họ đã “nài xin được có phần!” (c.4). Có bao nhiêu lần bạn đã nghe một Cơ Đốc nhân yêu cầu ai đó cho mình được dự phần dâng hiến? Sự ban cho của họ mang tính tự nguyện và tự phát. Sự ban cho này thuộc về ân điển, chứ không phải sự thúc ép. Họ ban cho vì muốn ban cho và vì họ đã kinh nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời. Ân điển không chỉ giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, nhưng còn giải thoát chúng ta khỏi cái tôi. Ân điển của Đức Chúa Trời sẽ mở tấm lòng và bàn tay bạn. Sự ban cho của bạn không phải là kết quả của sự tính toán lạnh lùng, nhưng của niềm hân hoan đầy nhiệt tâm.

3. Khi chúng ta ban cho như Chúa Giê-xu đã ban cho (II Co 8:5-9)

Chúa Giê-xu luôn là tấm gương nổi bật cho Cơ Đốc nhân noi theo, dù trong sự hậu việc, chịu khổ hoặc hy sinh. Giống như Chúa Giê-xu, các Cơ Đốc nhân Ma-xê-đoan đã dâng mình cho Đức Chúa Trời và người khác (c.5). Nếu dâng mình cho Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ ít có vấn đề dâng của cải mình cho Đức Chúa Trời. Nếu dâng mình cho Đức Chúa Trời, chúng ta cũng sẽ phó mình vì người khác. Không thể có tình trạng bạn yêu Đức Chúa Trời và làm ngơ trước những nhu cầu của người lân cận mình. Chúa Giê-xu đã phó chính mình Ngài vì chúng ta (Ga 1:4 2:20). Chúng ta há không nên dâng mình cho Ngài sao? Ngài đã chịu chết để chúng ta không thể sống cho chính bản thân, nhưng cho Ngài và cho tha nhân (II Co 5:15).

Giống như sự ban cho của Đấng Christ, sự ban cho của tín hữu Ma-xê-đoan đã được thôi thúc bởi tình yêu thương (8:7-8). Thật là một quả trách đối với các tín hữu Cô-rinh-tô những người đã được giàu có bởi những phước hạnh thuộc linh (I Co 1:4-5). Họ chỉ nghĩ đến những sự ban cho của Thánh Linh đến nỗi xao lãng những ân điển của Thánh Linh, kể cả ơn ban cho. Các Hội Thánh của người Ma-xê-đoan có một “sự dư dật trong cơn rất nghèo khó” (II Co 8:2), tuy nhiên họ cũng đầy hào phóng. Các tín hữu Cô-rinh-tô dư dật về ân tứ thuộc linh, nhưng họ đã lơ đãng trong việc giữ lời hứa mình và dự phần trong sự quyên góp.

Chúng ta đừng bao giờ lý luận rằng chức vụ về những ân tứ thuộc linh của chúng ta là một sự thay thế ơn ban cho. “Tôi dạy một lớp Trường Chúa Nhật, vì vậy tôi không phải ban cho”, không phải là một lời giải thích, đó là một có thoái thác. Cơ Đốc nhân nào nhớ rằng những ân tứ mình có là những sự ban cho sẽ được thôi thúc ban cho người khác và không “trón” phía sau chức vụ mình đối với Chúa. Tôi thường gặp các mục sư truyền đạo là những người lý luận rằng vì họ đã dành trọn thời gian của mình trong sự hậu việc Chúa, nên họ không bị

buộc phải ban cho. Phao-lô đã lý luận ngay điều ngược lại: vì bạn được Đức Chúa Trời ban nhiều ân tứ cách kỳ diệu, bạn phải mong muốn ban cho nhiều hơn nữa!

Phao-lô thận trọng để họ hiểu rằng ông không ra lệnh họ ban cho. Thật ra, ông muốn so sánh thái độ của tín hữu Ma-xê-đoan với thái độ của tín hữu Cô-rinh-tô. Ông nhận định rằng các tín hữu Ma-xê-đoan đang noi gương Chúa: họ nghèo khó, nhưng họ đã ban cho. Các tín hữu Cô-rinh-tô nói rằng họ yêu mến Phao-lô giờ đây ông yêu cầu họ chứng minh tình yêu ấy bằng cách dự phần vào sự dâng hiến. Ông ban cho là một bằng chứng của tình yêu – tình yêu đối với Đấng Christ, tình yêu đối với các tôi tớ Đức Chúa Trời những người đã chăm sóc chúng ta, và tình yêu đối với những ai có nhu cầu đặc biệt mà chúng ta có thể giúp đáp ứng.

Sau cùng, sự ban cho của họ mang tính hy sinh (c.9). Chúa Giê-xu giàu có trong những phương diện nào? Chắc chắn Ngài giàu có trong thân vị Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Trời hằng hữu. Ngài giàu có trong của cải và trong địa vị làm Vua muôn vua cùng Chúa muôn chúa. Ngài giàu có trong quyền năng vì Ngài có thể làm bất cứ điều gì. Tuy nhiên, dù sự thật Ngài đã có mọi của cải này – và hơn nữa - Ngài đã trở nên nghèo khó.

Thì của động từ này cho biết đó là sự thành nhục thể của Ngài, sự giáng sinh của Ngài tại Bết-lê-hem, điều được nói ở đây. Ngài đã hợp nhất chính Ngài với loài người và đã mặc cho chính Ngài một thân xác con người. Ngài đã lìa ngôi để trở nên một tôi tớ. Ngài đã từ bỏ mọi sở hữu của Ngài đến nỗi thậm chí không có một chỗ để gói đầu. Từng trải tột cùng về sự nghèo khó của Ngài là khi Ngài đã trở nên tội lỗi vì chúng ta trên thập tự giá. Âm phủ là sự nghèo khó đời đời, và trên thập tự giá Chúa Giê-xu đã trở nên nghèo nhất trong số người nghèo.

Vì sao Ngài đã làm điều đó? Hầu chúng ta có thể trở nên giàu! Điều này ý nói chúng ta đã nghèo trước khi gặp Chúa Giê-xu, và chúng ta đã hoàn toàn phá sản. Nhưng giờ đây khi chúng ta đã tin nhận Ngài, chúng ta dự phần trong mọi của cải Ngài! Chúng ta hiện là con cái Đức Chúa Trời, “kẻ kẻ tự Đức Chúa Trời và là kẻ đồng kẻ tự với Chúa Giê-xu” (Ro 8:17). Vì điều này là thật, làm sao chúng ta có thể tự chối không ban cho người khác? Ngài đã trở nên nghèo để khiến chúng ta giàu! Chúng ta há không thể noi gương Ngài như các Hội Thánh của người Ma-xê-đoan, những người đã dư dật sự hào phóng trong con rất nghèo khó sao?

4. Khi chúng ta ban cho cách sẵn lòng (II Co 8:10-12)

Có một khác biệt lớn giữa “hứa” và “thực hiện”. Một năm trước đó, tín hữu Cô-rinh-tô đã khoe khoang với Tít rằng họ sẽ dự phần trong sự quyên góp đặc biệt này (c.6), nhưng họ không giữ lời hứa. Hãy chú ý các câu 10-12. Phao-lô nhấn mạnh “sự sẵn lòng”. Ông ban cho phải đến từ một tấm lòng nhiệt thành nó không thể bị bắt buộc hay bị thúc ép.

Suốt những năm trong chức vụ, tôi từng chịu đựng nhiều sự yêu cầu dâng hiến. Tôi đã lắng nghe những câu chuyện mũi lòng về những nhu cầu không thể tin được. Tôi buộc phải cười vào những chuyện đùa cũ kỹ cho rằng việc chi tiền dễ dàng hơn đối với tôi. Tôi bị mắng nhiếc, làm nhục và gần như bị hù dọa, và tôi phải thú nhận rằng không có một cách tiếp cận nào trong những cách này khích động tôi ban cho hơn là tôi dự định ban cho. Thật ra, hơn một lần tôi đã ban cho ít hơn vì tôi quá phần nộ cách tiếp xúc trần tục. (Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ trở nên giống Mark Twain, người đã nói rằng ông quá chán ngấy sự yêu cầu dai dẳng đến nỗi chẳng những ông đã không ban cho những gì ông dự định, mà ông còn rút một tờ giấy bạc khỏi đĩa lạc quyên!).

Chúng ta phải cân trọng ở đây không nên nhầm lẫn “sẵn lòng” với “thực hiện”, vì cả 2 phải đi đôi với nhau. Nếu sự sẵn lòng là thành thật vì thuộc ý muốn Đức Chúa Trời, vậy phải có “một sự thực hiện nữa” (c.11 Phi 2:12-13). Phao-lô không nói rằng sự sẵn lòng là một sự

thay thế cho việc thực hiện, bởi vì nó không phải vậy. Nhưng nếu sự ban cho của chúng ta được thúc bởi ân điển, chúng ta sẽ ban cho cách sẵn lòng, và không vì lý do chúng ta bị ép buộc ban cho.

Đức Chúa Trời nhìn thấy “sự ban cho của tâm lòng” chứ không phải “sự ban cho của tay”. Nếu tâm lòng đã muốn ban cho nhiều hơn, nhưng không thể làm được như vậy, Đức Chúa Trời nhìn thấy tâm lòng và ghi nhận cách phù hợp. Nhưng nếu tay cho nhiều hơn tâm lòng muốn Đức Chúa Trời sẽ ghi những gì Ngài thấy trong lòng cho dù vật dâng hiến trong tay có to lớn thế nào chăng nữa.

Một người bạn của tôi sắp đi một chuyến kinh doanh, và vợ ông ta nhắc nhở ông trước khi đi nhà thờ rằng bà cần thêm tiền cho chi tiêu gia đình. Ngay trước giờ dâng hiến, ông giúi tiền vào tay bà và nghĩ rằng đó là tiền dâng trong tuần của họ, bà đã đặt tất cả vào đĩa dâng. Đó là số tiền chi phí cho cả tuần.

Bạn tôi nói: “Ồ, chúng tôi đã dâng nó cho Chúa và Ngài sẽ ghi vào sổ”.

Mục sư của họ hỏi “Ông định dâng bao nhiêu?” và bạn tôi đã cho biết số tiền. Mục sư nói: “Vậy đó là những gì Đức Chúa Trời đã ghi nhận, vì Ngài đã nhìn thấy ý định của lòng ông!”

Đức Chúa Trời không nhìn thấy phần dâng, nhưng nhìn thấy tỉ lệ dâng. Nếu chúng ta đã có thể dâng nhiều hơn và đã không thực hiện, Đức Chúa Trời chú ý điều ấy. Nếu chúng ta đã muốn dâng nhiều hơn, và không thể dâng được, Đức Chúa Trời cũng chú ý điều đó. Khi dâng hiến cách sẵn lòng, theo những gì mình có, chúng ta đang thực hành ơn ban cho.

5. Khi chúng ta ban cho bởi đức tin (IICo 8:13-24)

Phao-lô không cho rằng người giàu trở nên nghèo hầu người nghèo có thể trở nên giàu. Thật chẳng khôn ngoan gì cho một Cơ Đốc nhân phải mắc nợ để giải nợ cho một người khác, dĩ nhiên trừ khi người ấy có thể giải quyết trách nhiệm hoàn nợ. Phao-lô nhìn thấy một “sự bình đẳng” trong toàn bộ thủ tục này, người ngoại được người Do Thái làm giàu về thuộc linh, vì vậy người Do Thái phải được người ngoại làm giàu về vật chất (Ro 15:25-28). Hơn nữa, các Hội Thánh người ngoại thời đó đang hưởng một số của cải vật chất, trong khi các tín hữu tại xứ Giu-đê đang chịu khổ. Ngày nào đó hoàn cảnh ấy có thể đảo ngược. Có thể đến một thời điểm nào đó khi các tín hữu Do Thái sẽ giúp đỡ những người ngoại.

Ai thực hiện sự bình đẳng này? Đức Chúa Trời thực hiện. Phao-lô dùng phép lạ về ma-na từng ngày ở mức độ nào, họ đã luôn có mọi thứ họ cần. Những ai đã cố gắng tích trữ ma-na đều khám phá rằng không thể được, vì ma-na sẽ hư và có mùi (Xu 16:20). Bài học thật rõ ràng: hãy thu những gì bạn cần, hãy chia sẻ những gì bạn có thể, và đừng cố gắng tích trữ ơn phước Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời định liệu rằng bạn sẽ không ở trong sự thiếu thốn nếu bạn tin cậy và vâng lời Ngài.

Động cơ để chúng ta ban cho là ơn phước thuộc linh của Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta, nhưng thước đo để chúng ta ban cho là ơn phước thuộc thể của Đức Chúa Trời. Phao-lô làm rõ điều này khi ông viết cho tín hữu Cô-rinh-tô trong thư tín đầu tiên, “hãy để mỗi người trong anh em tự để dành, theo như Đức Chúa Trời đã cho mình” (ICo 16:2). Phao-lô đã không đặt ra bất cứ công thức toán học nào, vì ơn ban cho không bị hạn chế bởi phần mười (10%). Ân điển ban cho mang tính hệ thống, nhưng không mang tính luật pháp. Nó không được thoả mãn với số lượng tối thiểu cho dù lượng tối thiểu ấy có thể ra sao.

Các Cơ Đốc nhân đầu tiên (giống như nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay) đã tự nguyện chia sẻ những gì họ có, nhưng không ép buộc người khác tham gia. Toàn bộ chương trình này có tính tạm thời và sự kiện Phao-lô phát động một cuộc quyên góp đặc biệt để giảm bớt những nhu

cầu của họ là chứng cứ cho thấy chương trình này chưa bao giờ mang ý nghĩa nó sẽ được các thế hệ Cơ Đốc nhân sau này bắt chước theo.

Ân điển ban cho là một vấn đề của đức tin: chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời và tin rằng Ngài sẽ đáp ứng những nhu cầu của chúng ta khi chúng ta giúp đáp ứng nhu cầu kẻ khác. Như dân Do Thái thu ma-na từng ngày, vậy chúng ta phải nhờ cậy Đức Chúa Trời “ban cho chúng ta hôm nay bánh hằng ngày của mình” (Mat 6:11). Chúng ta không nên phí phạm hoặc hoang phí điều Đức Chúa Trời ban cho mình, cũng không nên tích trữ nó. Trong ý muốn Đức Chúa Trời, để dành là điều đúng (dân Do Thái đã để dành ma-na của ngày thứ sáu để ăn vào lễ Sa-bát, và ma-na đã không bị hư (Xu 16:22-26). Nhưng ngoài ý muốn Đức Chúa Trời, của cải mà chúng ta tích trữ sẽ làm hại chúng ta hơn là giúp ích chúng ta (Gia 5:1-6).

Mở đầu trong c.16, Phao-lô đột nhiên chuyển từ một nguyên tắc thuộc linh sâu sắc sang một gợi ý thực tiễn về cách cuộc quyên góp đặc biệt sẽ được tiến hành. Trong khi đúng là ơn ban cho nghĩa là sự ban cho bởi đức tin, thì cũng đúng là ơn ban cho không có nghĩa sự ban cho tình cờ. Cơ Đốc nhân nào chia sẻ với người khác phải biết chắc rằng điều mình ban cho được chuẩn bị cách thành thật và trung tín.

Những năm qua, tôi cố khích lệ con cái Đức Chúa Trời ủng hộ những chức vụ có thể đáng tin cậy. Hơn một lần, tôi đã khuyến cáo một thuộc viên Hội Thánh đừng dâng hiến cho một tổ chức không xứng đáng, chỉ để khám phá rằng mình đã ban cho bừa bãi. Thế rồi vài tháng sau ông ta đến gặp tôi và nói: “Tôi đã gửi đi một tấm séc cho tổ chức ấy, và bây giờ tôi khám phá rằng tổ chức ấy là giả mạo!” Tôi nhẹ nhàng đáp: “Tôi đã khuyên ông đừng cho gì cả!” Ông ấy lý luận: “Ồ, Chúa biết lòng tôi, dù tiền bạc đã bị phung phí, tôi đã được khen ngợi về sự ban cho ở trên trời.”

Ơn ban cho không phải là sự ban cho đại dột. Thậm chí trong một Hội Thánh địa phương, người quản lý tiền bạc phải có những phẩm chất nào đó. Phao-lô rất thận trọng cách quản lý tiền bạc được giao phó cho mình, bởi ông không muốn mang tiếng là một “kẻ cấp tôn giáo”. Các Hội Thánh góp phần vào sự quyên góp đã chọn ra những người đại diện để đi với Phao-lô hầu cho mọi sự được thực hiện cách thành thật, thoả đáng và có trật tự.

Tôi để ý thấy trong một lớp Trường Chúa Nhật của chúng ta tại một Hội Thánh tôi từng làm mục sư có một thanh niên nhận tiền dâng, đếm tiền, ghi chép và đem tiền đến văn phòng. Nói theo cách nhẹ nhàng tôi cho rằng anh ta đã đặt mình trong một thế nguy hiểm nếu có ai tố cáo anh về bất cứ điều gì, bởi anh không thể chứng minh rằng anh đã quản lý tiền bạc cách thành thật. Tôi nói: “Tôi tin anh, nhưng tôi không tin những người có thể đang dò xét anh và tìm điều gì đó để phê phán”. Thay vì làm theo ý kiến của tôi, anh ta nổi giận và rời khỏi Hội Thánh.

Nam giới và nữ giới trong mọi chức vụ Cơ Đốc – một Hội Thánh địa phương, một tổ chức truyền giáo, một buổi truyền giảng – phải có một phẩm chất sau nếu muốn quản lý tiền bạc của Đức Chúa Trời.

1. *Một sự khao khát được Chúa ban để hầu việc* (IICo 8:16-17). Phao-lô đã không “biệt phái” Tít thanh niên này có một khao khát trong lòng muốn giúp trong việc thu góp tiền dâng đặc biệt. Rất thường trong các Hội Thánh, các ông và các bà được cử vào ban tài chính, là những người không có khao khát thật để hầu việc Chúa theo cách này. Trên hết mọi sự, một người quản lý tiền bạc của Chúa phải có một tấm lòng đẹp ý Đức Chúa Trời.

2. *Một gánh nặng đối với những linh hồn hư mất* (IICo 8:18). Chúng ta không biết người anh em này là ai, nhưng chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì ông ta được lời chứng là một người rao giảng Phúc Âm, ít ra ông đã được các Hội Thánh biết đến như một người nặng gánh vì

những linh hồn. Hội Thánh địa phương đã cử “những uỷ ban đặt đê những người có ơn chinh phục linh hồn” vào ban truyền giảng Tin Lành hoặc ban truyền giáo nhưng một số người trong đó cũng phải vào ban tài chính hoặc ban quản trị. Tại sao? Đê giữ vững những ưu tiên. Tôi đã chứng kiến những ban ngành đồng ý bỏ ra một số tiền lớn cho những việc xây cất và trang bị, họ đã không chi tiền cho chức vụ chinh phục linh hồn.

Ngày kia có một mục sư nản lòng cần tìm lời khuyên của tôi. Ông nói: “Ban tài chính của tôi đang trở nên hoảng sợ. Hoàn cảnh kinh tế đã khiến họ quá chật chẽ, họ đã không chi khoản tiền nào – và chúng tôi có một số thặng dư lớn trong ngân hàng!” Tôi chưa bao giờ gặp ban tài chính của ông ta, nhưng tôi biết một điều về họ: họ cần một gánh nặng đối với những linh hồn hư mất.

3. *Một khao khát ngợi khen Đức Chúa Trời* (IICo 8:19) Những báo cáo tài chính thường ca ngợi Hội Thánh hay một nhóm lạc quyền đặc biệt, chớ không ngợi khen Đức Chúa Trời. Không có việc nào trong Hội Thánh như “những việc trần tục và những việc thiêng liêng”, “công việc và chức vụ”. Mọi việc chúng ta làm đều là “việc thiêng liêng” và là chức vụ cho Chúa. Khi điều lệ Hội Thánh cho rằng các chấp sự (hay trưởng lão) điều hành “những việc thuộc linh” của Hội Thánh, và ban trị sự điều hành “những việc vật chất và tài chính”, Hội Thánh đó đang tạo nên một sự phân biệt không theo tinh thần Kinh Thánh. Điều thuộc linh nhất mà một Hội Thánh có thể thực hiện là sử dụng tiền bạc của mình cách khôn ngoan cho chức vụ thuộc linh.

Chúng ta quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời bằng cách sử dụng điều Ngài ban cho chúng ta theo cách Ngài muốn nó được sử dụng. Nếu những người quản lý tài chính của Hội Thánh không nặng lòng đê quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời, họ sẽ chóng dùng ngân quỹ này theo những cách làm ô danh Chúa.

4. *Một tiếng tốt về sự ngay thẳng* (IICo 8:20-22) Phao-lô cho biết rõ ông đã tiếp đón những đại diện của các Hội Thánh cộng tác. Ông muốn tránh bất cứ sự trách móc nào. Đê nói “Ồ, Chúa thấy đều chúng ta đang làm” thì chưa đủ, chúng ta phải biết chắc con người có thể thấy điều chúng ta đang làm. Tôi thích cách J. B. Philips dịch c.21 “Tất nhiên chúng tôi muốn tránh hơi hướng nhẹ nhất của sự chỉ trích trong sự phân phối những món quà của họ, và muốn hoàn toàn thẳng thắn không chỉ trước mặt Đức Chúa Trời nhưng trong mắt con người nữa”.

Vê phần tôi, tôi sẽ không hỗ trợ cho một nhà truyền đạo hay một cộng sự Cơ Đốc trong phương diện nào đó đã không gắn bó với một ban có tiếng tốt hay một tổ chức có tiếng tốt. Tôi cũng sẽ không hỗ trợ một chức vụ nào không có sổ sách kiểm tra và báo cáo sẵn có cho những người dâng hiến. Tôi không nói rằng mọi cộng sự Cơ Đốc “tự do” đều vô trách nhiệm nhưng tôi sẽ tin tưởng nhiều hơn về chức vụ của họ nếu họ gắn bó với một ban hay một tổ chức giám sát việc hỗ trợ tài chính cho họ.

Hãy đê ý sự nhấn mạnh trong c.22 về “sự siêng năng”. Nếu có một phẩm chất cần thiết khi quản lý những việc tài chính, đó là sự siêng năng. Tôi có nghe về những thủ quỹ Hội Thánh là những người đã không cập nhật những ghi chép chính xác về khoản thu chi, và là những người nộp báo cáo hằng năm câu thả với viện có họ “quá bận rộn nên không thể vào sổ sách kịp”. Vậy thì lẽ ra họ không nên đảm nhận chức vụ này!

5. *Một tinh thần cộng tác* (IICo 8:23-24). Tít không chỉ có một tấm lòng vì chức vụ này (c.16) nhưng ông cũng biết cách làm một “thành viên giỏi của nhóm”. Phao-lô gọi ông là “cộng sự” của mình và là “bạn giúp đỡ”. Tít không giống như một thuộc viên của ban mà tôi đã nghe người ấy nói tại buổi nhóm đầu tiên: “Bao lâu tôi ở ban này, sẽ không có việc hoàn toàn nhất trí!”

Các thành viên ban tài chính không sở hữu tiền bạc nó thuộc về Đức Chúa Trời, ban tài chính này chỉ là một quản gia, quản lý tiền bạc cách thành thật và cẩn trọng cho sự hầu việc Chúa. Cũng hãy để ý rằng Phao-lô nhìn thấy uỷ ban này như những tội tớ đặc biệt của các Hội Thánh. Việc gây “quỹ cứu trợ” đặc biệt là một nỗ lực hợp tác của các Hội Thánh người ngoại, Phao-lô cùng những người đại diện chỉ là những “sứ giả” của các Hội Thánh. Từ Hy Lạp là “apostolos”, từ đó chúng ta có từ tiếng Anh “apostle (sứ đồ) – người được phái đi với một nhiệm vụ đặc biệt”. Những Cơ Đốc nhân tận tụy này cảm biết một bổn phận đối với các Hội Thánh để làm công việc của họ cách thành thật và hiệu quả.

Ơn ban cho là một mạo hiểm đầy thú vị! Khi bạn học biết cách ban cho “bởi ân điển, nhờ đức tin” (như cách bạn đã được cứu – Eph 2:8,9) bạn bắt đầu kinh nghiệm một sự tự do tuyệt vời khỏi những sự việc và hoàn cảnh. Thay vì để cho những sự việc chiếm hữu bạn, bạn bắt đầu kiểm soát chúng bạn phát triển một tập hợp mới của những giá trị và ưu tiên. Bạn không còn đo đạc đời sống hay những người khác trên cơ sở tiền bạc hoặc của cải. Nếu tiền bạc là sự thử nghiệm tuyệt nhất của thành công, vậy Chúa Giê-xu là một sự thất bại, vì Ngài đã làm Con Người nghèo khó!

Ơn ban cho làm giàu cho bạn khi bạn làm giàu cho người khác.

Ơn ban cho khiến bạn trở nên giống Chúa Giê-xu hơn

Bạn đã khám phá niềm vui mừng trong ơn ban cho chưa?

8. ƠN BAN CHO-PHẦN 2 (II Co 9:1-15)

Điều có vẻ lạ là Cơ Đốc nhân chúng ta cần những sự khích lệ để ban cho, khi Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta quá nhiều. Đức Chúa Trời đã làm giàu cho các tín hữu Cô-rinh-tô cách kỳ diệu, nhưng họ đã do dự chia sẻ những gì mình có với người khác. Họ đã không quen với ơn ban cho, nên Phao-lô phải giải thích điều đó với họ. Sau khi đã giải thích ơn ban cho với họ, Phao-lô cổ thúc giục họ dự phần trong sự dâng hiến đặc biệt ông làm điều này bằng cách chia sẻ 5 điều khích lệ liên quan đến ơn ban cho.

1. Sự ban cho của bạn sẽ giục lòng người khác (II Co 9:1-5)

Cơ Đốc nhân không nên cạnh tranh nhau trong sự hầu việc Đấng Christ thì họ phải “coi sóc nhau để khuyên giục về lòng yêu thương và việc tốt lành” (He 10:24). Khi nhìn thấy những điều Đức Chúa Trời đang thực hiện trong và qua đời sống những người khác, chúng ta phải nỗ lực để chính mình hầu việc Ngài tốt hơn. Có một ranh giới tinh tế giữa sự bắt chước thuộc thể và sự thi đua thuộc linh, chúng ta phải thận trọng về mặt này. Nhưng một Cơ Đốc nhân sốt sắng có thể là một phương tiện vực dậy một Hội Thánh và giục lòng nhiều người cầu nguyện, làm việc, chứng đạo và ban cho.

Điều thú vị là: Phao-lô đã dùng sự sốt sắng của các tín hữu Cô-rinh-tô để thách thức tín hữu Ma-xê-đoan nhưng giờ đây ông đang dùng tín hữu Ma-xê-đoan để thách thức tín hữu Cô-rinh-tô! Một năm trước đó, tín hữu Cô-rinh-tô đã sốt sắng khoe khoang rằng họ sẽ dự phần trong sự dâng hiến, nhưng rồi họ đã không làm gì cả. Các tín hữu Ma-xê-đoan đã tin hoàn toàn nơi lời hứa họ, và Phao-lô e rằng sự khoe mình của ông sẽ trở nên vô ích.

Phao-lô phái Tít và những anh em khác đến thành Cô-rinh-tô để giục lòng họ dự phần vào việc dâng hiến. Quan trọng hơn nhiều so với chính tiền bạc là lợi ích thuộc linh sẽ đến với Hội Thánh khi họ dự phần trong sự đáp ứng ân điển Đức Chúa Trời trong đời sống mình. Phao-lô đã viết thư cho Hội Thánh trước đó để cho họ biết cách đảm nhận những sự đóng góp (ICo 16:1-4), vì vậy không có cơ gì cho sự trễ nải của họ. Phao-lô muốn toàn bộ sự đóng góp

được sẵn sàng khi ông và “ủy ban tài chính” của ông đến nơi hầu cho không thể có bất cứ sự quyên góp nào ở phút cuối có thể trở nên áp đặt trên Hội Thánh.

Phao-lô muốn tránh điều gì? Sự bẽ bàng đối với bản thân ông và với Hội Thánh nếu việc dâng hiến chưa sẵn sàng. Vì xét cho cùng, có nhiều người đại diện của các Hội Thánh xứ Ma-xê-đoan trong ủy ban đặc biệt này (Cong 20:4). Phao-lô đã khoe với các tín hữu Ma-xê-đoan về Hội Thánh Cô-rinh-tô, và giờ đây ông sợ rằng sự khoe mình của ông có thể trở nên vô ích.

Rõ ràng, Phao-lô chẳng thấy điều gì sai trật hay không thuộc linh về việc yêu cầu người khác hứa ban cho. Ông đã không bảo họ “mức độ” họ phải hứa, nhưng ông mong họ giữ lời hứa. Khi một người ký hợp đồng gắn một điện thoại, người ấy hứa trả một số tiền nào đó hằng tháng. Nếu có thể chấp nhận được việc lập những ủy ban tài chính cho những việc như điện thoại, xe hơi, và thẻ tín dụng, chắc chắn phải chấp nhận được việc lập các ủy ban cho công việc của Chúa.

Hãy chú ý những từ được Phao-lô sử dụng khi ông viết về sự quyên góp. Đó là “sự giúp đỡ các thánh đồ”, một sự phục vụ các anh em tín hữu. Đó cũng là một “quà tặng hào phóng” (II Co 9:5) nghĩa là “một sự ban cho rời rộng”. Có lẽ Phao-lô ngụ ý rằng các tín hữu Cô-rinh-tô ban cho nhiều hơn họ đã dự định chẳng?

Tuy nhiên, Phao-lô đã thận trọng không áp đặt bất cứ sự thúc ép nào. Ông muốn sự ban cho của họ là “vấn đề về tính hào phóng (tính rời rộng) chứ không như vấn đề về sự tham lam (cái gì đó bị vắt cạn khỏi họ)”. Những sự nài xin dâng hiến với tính thúc ép cao không thuộc về ơn ban cho.

Sự khích lệ lớn nhất của chúng ta đối với việc ban cho là sự khích lệ đẹp lòng Chúa, nhưng không có gì sai trật trong việc thực hành cách ban cho làm giục lòng người khác ban cho. Điều này không có nghĩa là chúng ta quảng cáo việc chúng ta làm với tư cách cá nhân, vì kiểu thực hành đó sẽ vi phạm một trong những nguyên tắc cơ bản của sự ban cho: hãy dâng cho Chúa cách kín nhiệm (Mat 6:1-4). Tuy nhiên, Phao-lô đã muốn viết cho các Hội Thánh và không có gì sai trái đối với hội chúng để thông báo những gì họ đã hợp tác ban cho. Nếu động cơ của chúng ta là khoe khoang vậy chúng ta không thực hiện việc ban cho ân điển. Nhưng nếu nhằm mục đích giục lòng người khác ban cho, vậy ân điển Đức Chúa Trời có thể hành động qua chúng ta để giúp đỡ người khác.

2. Sự ban cho của bạn sẽ chúc phước cho bạn (II Co 9:6-11)

“Hãy cho, người sẽ cho mình” là lời hứa của Chúa chúng ta và lời hứa ấy vẫn giữ đúng (Lu 6:38). “Sự cho thêm” Ngài ban cho chúng ta không phải lúc nào cũng là tiền bạc hay vật chất, nhưng nó luôn đáng giá nhiều hơn chúng ta đã cho. Ban cho không phải là điều gì đó chúng ta làm, nhưng là điều gì đó bày tỏ thực chất chúng ta. Ban cho là cách sống của Cơ Đốc nhân hiểu biết ân điển Đức Chúa Trời. Thế gian không thể hiểu một nhận định như Ch 11:24 “Có người rải của mình ra, lại càng thêm nhiều lên cũng có người chắt lót quá bực, nhưng chỉ được sự thiếu thốn.” Trong ơn ban cho, động cơ của chúng ta không phải là “để kiếm được cái gì”, nhưng nhận phước hạnh của Đức Chúa Trời là một trong những phúc lợi phụ.

Nếu muốn sự ban cho của chúng ta đem lại phước hạnh và gây dựng chúng ta, chúng ta phải cẩn thận làm theo những nguyên tắc đã được Phao-lô giải thích trong phân đoạn này.

1. *Nguyên tắc về sự gia tăng: Chúng ta gặt theo lượng mình gieo* (II Co 9:6). Nguyên tắc này chẳng cần giải thích gì, vì chúng ta nhìn thấy nó hoạt động trong đời sống thường nhật. Người nông dân gieo ra nhiều giống sẽ có cơ hội cao hơn được một mùa thu hoạch lớn hơn.

Người đầu tư bỏ một khoản tiền lớn vào ngân hàng chắc chắn sẽ thu nhiều phần lợi nhuận hơn. Chúng ta càng đầu tư vào công việc của Chúa, “quả” sẽ càng nhiều trong tài khoản chúng ta (Phi 4:10-20)

Bất cứ khi nào chúng ta bị cám dỗ để quên nguyên tắc này, chúng ta cần nhắc nhở bản thân rằng Đức Chúa Trời đã không tiếc sự ban cho của Ngài. “Ngài đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy cho, thì Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao?” (Ro 8:32). Trong cả bản tính lẫn ân điển, Đức Chúa Trời là Đấng ban cho rộng rãi, và người tin kính phải noi theo mẫu mực thiêng liêng này.

2. *Nguyên tắc về ý định: Chúng ta gặt khi chúng ta gieo với những động cơ đúng* (II Co 9:7). Động cơ tuyệt đối không ảnh hưởng gì đến người nông dân! Nếu người ấy gieo ra giống tốt và được thời tiết tốt, người ấy sẽ gặt một mùa thu hoạch cho dù người ấy làm việc vì lợi nhuận, vì vui thích hay vì sự kiêu hãnh chẳng nữa. Việc người ấy sử dụng tiền mình kiếm được như thế nào chẳng tạo khác biệt gì, mùa thu hoạch có thể sẽ đến như nhau.

Nhưng với Cơ Đốc nhân thì không như vậy: động cơ trong sự ban cho (hay trong bất cứ hoạt động nào khác) vô cùng quan trọng. Sự ban cho của chúng ta phải đến từ tấm lòng, và động cơ trong lòng phải đẹp ý Đức Chúa Trời. Chúng ta đừng làm “những kẻ ban cho buồn bã” là những người ban cho cách miễn cưỡng, hay “những kẻ ban cho loạn trí” – ban cho vì phải ban cho (“vì sự cần thiết”) nhưng chúng ta phải làm “những người ban cho vui mừng” – vui vẻ ban cho những gì mình có vì đã kinh nghiệm ân điển Đức Chúa Trời. “Người nào có mắt từ thiện sẽ được phước” (Ch 22:9).

Nếu không thể ban cho cách vui mừng (từ Hy Lạp cho chúng ta từ tiếng Anh “hilarious”: vui nhộn), vậy chúng ta phải mở lòng mình ra trước Chúa và cầu xin Ngài ban cho ta ân điển Ngài. Chắc chắn Đức Chúa Trời có thể chúc phước một món quà được ban cho vì một tình thân trách nhiệm, nhưng Đức Chúa Trời không thể chúc phước người ban cho nếu lòng người ấy không thật. Ôn ban cho nghĩa là Đức Chúa Trời chúc phước người ban cho cũng như quà ban cho, và người ban cho là một ơn phước đối với những người khác.

3. *Nguyên tắc về sự tức thì: Chúng ta gặt thậm chí trong khi chúng ta đang gieo* (II Co 9:8-11). Người nông dân phải chờ đợi mùa thu hoạch của mình, nhưng Cơ Đốc nhân thực hành ơn ban cho đều khởi sự thu hoạch ngay lập tức. Chắc chắn, có những ích lợi từ xa của việc chúng ta ban cho, nhưng cũng có những phước hạnh tức thời.

Trước hết, chúng ta bắt đầu chia sẻ ơn dư dật của Đức Chúa Trời (c.8). “Đủ mọi thứ” trong câu này đáng gây ngạc nhiên: mọi ân điển luôn luôn, mọi sự đầy đủ, mọi việc lành. Điều này không có nghĩa Đức Chúa Trời làm cho mọi Cơ Đốc nhân giàu có về vật chất, nhưng có nghĩa là Cơ Đốc nhân nào thực hành ơn ban cho sẽ luôn có những gì người ấy cần lúc cần thiết. Hơn nữa, ân điển Đức Chúa Trời làm giàu người ấy về mặt đạo đức và thuộc linh hầu cho người ấy tăng trưởng trong phẩm cách Cơ Đốc nhân. Trong cách sống và việc làm, người ấy nhờ cậy hoàn toàn nơi sự chu cấp đầy đủ của Đức Chúa Trời.

Thật đáng lo ngại khi thấy có bao nhiêu Cơ Đốc nhân ngày nay đang nhờ cậy nơi những điều khác để được những nguồn thuộc linh. Các mục sư truyền đạo không thể thực hiện những bài giảng nếu họ không mượn chúng ở một cuốn sách hay băng cát-sét. Những người giúp việc nhà thờ lúng túng không biết làm gì với một vấn đề nếu họ không gọi điện thoại cho 2 hoặc 3 mục sư truyền đạo nổi tiếng để được lời khuyên. Quá nhiều thuộc viên Hội Thánh phải hỏi ý mục sư một lần mỗi tuần, nếu không, họ sẽ sa sút thuộc linh.

Từ “sự đầy đủ” nghĩa là “những nguồn thoả đáng bên trong” (Phi 4:11). Nhờ Chúa Giê-xu, chúng ta có sự đầy đủ mình cần để đáp ứng những đòi hỏi của cuộc sống. Là Cơ Đốc

nhân, chúng ta cần phải giúp đỡ và khích lệ lẫn nhau nhưng chúng ta không nên tùy thuộc vào nhau. Sự tùy thuộc của chúng ta phải dựa vào Chúa. Chỉ một mình Ngài có thể ban cho chúng ta “mạch nước” trong lòng, khiến chúng ta được đầy đủ để sống (Gi 4:14).

Không chỉ chia sẻ ơn Đức Chúa Trời, chúng ta còn chia sẻ sự công bình của Ngài (II Co 9:9). Phao-lô đã trích dẫn Thi 112:9 để chứng minh cho quan điểm ông. Thi Thiên này mô tả người công bình không hề sợ hãi bởi lòng người ấy chân thật và vâng phục Chúa. Phao-lô không cho rằng chúng ta đạt được sự công bình bằng cách ban cho, vì cách duy nhất để có sự công bình là bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu. Tuy nhiên, nếu tấm lòng chúng ta chân thật, sự ban cho của chúng ta sẽ được Đức Chúa Trời sử dụng để khiến tính cách chúng ta trở nên công bình. Ông ban cho gây dựng tính cách Cơ Đốc nhân.

Chúng ta gặt khi chúng ta gieo và chúng ta chia sẻ sự nhân lên của phép lạ từ Đức Chúa Trời về những gì chúng ta ban cho và thực hiện (II Co 9:10). Người nông dân phải quyết định lượng hạt giống người ấy sẽ giữ lại dùng làm thực phẩm, và lượng giống người ấy sẽ gieo trồng. Nếu vụ thu hoạch kém, có ít giống sẵn cho việc ăn và trồng. Nhưng Cơ Đốc nhân tin nơi ơn ban cho không bao giờ phải lo lắng về quyết định này: Đức Chúa Trời chu cấp mọi thứ người ấy cần. Luôn có “bánh” thuộc linh và thuộc thể để ăn cùng “hạt giống” thuộc linh và thuộc thể cho việc gieo trồng.

Ở đây Phao-lô đề cập đến Es 55:10-11, một phân đoạn sử dụng “hạt giống” và “bánh” để chỉ về Lời Đức Chúa Trời và mùa thu hoạch trong cánh đồng theo nghĩa đen. Không có điều gì như là “thế tục” và “thiên liêng” trong đời sống Cơ Đốc nhân. Việc dâng tiền bạc là một hành động cũng thuộc linh như việc hát một thánh ca hoặc phân phát một tài liệu Tin Lành. Tiền bạc là hạt giống. Nếu chúng ta dâng nó theo những nguyên tắc của ân điển, nó sẽ nhân lên vinh hiển Đức Chúa Trời và đáp ứng nhiều nhu cầu. Nếu chúng ta sử dụng tiền bạc theo những cách khác hơn Đức Chúa Trời mong muốn, mùa thu hoạch sẽ kém.

Sau cùng, khi gieo chúng ta được giàu có và làm giàu cho người khác (II Co 9:11). Người nông dân gặt hái những lợi ích về sức khỏe tức thời khi làm việc trong đồng ruộng mình, nhưng người ấy phải chờ đợi mùa thu hoạch. Cơ Đốc nhân nào được thúc giục bởi ân điển sẽ gặt những phước hạnh về sự giàu có của cá nhân trong đời sống và tính cách của riêng mình và sự giàu có này làm lợi cho người khác.

Là mục sư, tôi từng chứng kiến những Cơ Đốc nhân trẻ tuổi ứng dụng những nguyên tắc của ơn ban cho này và bắt đầu tăng trưởng. Thật là niềm vui mừng lớn lao được nhìn thấy họ tin cậy Đức Chúa Trời khi sự ban cho của họ được thôi thúc bởi ân điển. Đồng thời, tôi đã nhìn thấy những tín hữu khác cười những nguyên tắc này và họ dần dần làm nghèo chính mình. Một vài người trong số họ “phát đạt” về tài chính, nhưng thu nhập của họ là sự sa sút của họ: nó đã không làm giàu cho họ. Họ đã có phần thưởng, nhưng họ đã đánh mất những cơ hội làm giàu thuộc linh của mình.

Ơn ban cho nghĩa là chúng ta thật sự tin rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban cho vĩ đại, và chúng ta sử dụng nguồn chu cấp thuộc thể và thuộc linh của mình một cách phù hợp. Đơn giản là bạn không thể làm Đức Chúa Trời cạn kiệt!

3. Sự ban cho của bạn sẽ thoả đáp những nhu cầu (II Co 9:12)

Phao-lô đã giới thiệu một từ mới dùng cho sự dâng hiến: “sự hầu việc”. Nó có nghĩa là “sự hầu việc tế lễ”, vì vậy một lần nữa Phao-lô đã nâng sự dâng hiến lên mức độ cao nhất có thể được. Ông nhìn thấy sự quyên góp này như một “của lễ thiên liêng” được dâng cho Đức Chúa Trời, cách một thầy tế lễ dâng một của lễ đắt giá trên bàn thờ.

Cơ Đốc nhân không còn dâng cho Đức Chúa Trời những con vật làm của lễ hy sinh nữa vì công tác của Đấng Christ trên thập tự giá đã kết thúc hệ thống của người Lê-vi (He 10:1-14). Nhưng những món quà thuộc thể chúng ta dâng cho Chúa trở nên “những của lễ thuộc linh” nếu chúng được dâng trong danh Chúa Giê-xu (IPhi 2:5 He 13:15-16 Phi 4:10-20).

Nhưng sự nhấn mạnh trong IICo 9:12 vào sự kiện việc dâng hiến của họ sẽ đáp ứng nhưng nhu cầu của các thánh đồ xứ Giu-đê. “Vì việc phát tiền bố thí dường ấy chẳng những đáp ứng sự thiếu thốn của các thánh đồ, lại còn dư dật bởi nhiều sự tạ ơn Đức Chúa Trời” (c.12). Các tín hữu người ngoại có thể đã viện những lý do để không ban cho. “Việc họ đói kém và nghèo khổ không phải là lỗi chúng tôi!” có thể là một trong những cơ thoái thác. Hoặc “các Hội Thánh gần xứ Giu-đê hơn phải giúp đỡ họ”. Hay là “chúng tôi tin nơi sự ban cho, nhưng chúng tôi nghĩ chúng tôi nên chăm lo cho nội bộ chúng tôi trước”.

Khi một Cơ Đốc nhân bắt đầu nghĩ đến những cơ thoái thác việc ban cho, người ấy tự động rời khỏi phạm vi của ơn ban cho. Ân điển chẳng bao giờ tìm một lý do, nó chỉ tìm một cơ hội. Nếu có một nhu cầu được đáp ứng, Cơ Đốc nhân được ân điển chi phối sẽ làm những gì người ấy có thể để đáp ứng nhu cầu đó.

“Vây, đương lúc có dịp tiện, hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho anh em chúng ta trong đức tin” (Ga 6:10). Phao-lô khuyên những Cơ Đốc nhân giàu có rằng “họ làm điều lành, giàu việc phước đức, sẵn sàng đóng góp, vui lòng chia sẻ” (ITi 6:18). Đa số chúng ta không xem mình là “giàu có”, nhưng phần còn lại trên thế giới cho là như vậy.

Tuy nhiên, chúng ta không phải là những người nhận vinh hiển chính Chúa là Đấng đã được vinh hiển (Mat 5:16). Nhiều người sẽ dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời vì sự chia sẻ của chúng ta trong việc đáp ứng những nhu cầu của họ. Chúng ta không thể nghe lời cảm tạ ấy trên đất hôm nay, nhưng chúng ta sẽ nghe lời ấy trên trời khi Hội Thánh được nhóm hiệp với nhau.

Ở đây có thể hữu ích để chú ý cách Phao-lô sử dụng khái niệm về “sự dư dật” khi ông viết thư này. Ông mở đầu thư bằng sự hoạn nạn dư dật phù hợp với sự yên ủi dư dật (IICo 1:5). Ông cũng đề cập ơn dư dật (4:15) và niềm vui mừng cùng sự rộng rãi dư dật (8:12). Bởi ơn dư dật của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể luôn dư dật trong mọi việc lành (9:8). Vị sứ đồ này đã nhìn thấy đời sống Cơ Đốc nhân như một đời sống dư dật, vì Chúa Giê-xu có thể khiến chúng ta đầy đủ cho mọi hoàn cảnh.

Sự ban cho của chúng ta phải định liệu cho mọi sự cần thiết, đừng trợ cấp cho những thứ xa xỉ. Có những nhu cầu cần được đáp ứng và những nguồn cung cấp bị giới hạn của chúng ta không nên bị lãng phí. Sự thật là nhu cầu tự nó không phải là lý do duy nhất để ban cho, vì luôn có nhiều nhu cầu hơn là những điều mà bất cứ một Cơ Đốc nhân hay Hội Thánh có thể đáp ứng được. Nhưng nhu cầu là quan trọng. Một số nhu cầu lớn hơn những nhu cầu khác, và một số nhu cầu chiến lược hơn những nhu cầu khác. Chúng ta cần thông tin chính xác cũng như sự soi sáng thuộc linh khi tìm cách đáp ứng nhiều nhu cầu đang đè nặng trên chúng ta hôm nay.

4. Sự ban cho của bạn sẽ làm vinh hiển Đức Chúa Trời (IICo 9:13)

Chúa chúng ta đã phán “sự sáng các ngươi hãy soi trước mặt người ta như cây, đặng họ thấy những việc lành của các ngươi, và ngợi khen Cha các ngươi ở trên trời” (Mat 5:16). Đây là một trong những vẻ đẹp về sự ban cho của Hội Thánh: không cá nhân nào nhận lấy vinh hiển chỉ thuộc về Đức Chúa Trời.

Các tín hữu Do Thái biết ơn sẽ dâng lời cảm tạ về điều gì? Dĩ nhiên, họ sẽ ngợi khen Đức Chúa Trời vì tính rộng rãi của các Hội Thánh người ngoại trong việc đáp ứng nhu cầu thuộc thể và vật chất của họ. Nhưng họ cũng sẽ ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự đầu phục thuộc linh của tín hữu người ngoại, sự vâng lời của họ đối với Thánh Linh Đức Chúa Trời – Đấng đã ban cho họ sự khao khát để ban cho. Họ sẽ nói “Những người ngoại đó không chỉ rao giảng Phúc Âm, nhưng họ cũng thực hành nữa!”

Nhóm từ “cùng với mọi người” ở cuối câu này (II Co 9:13) rất ý nghĩa. Các tín hữu Do Thái sẽ dâng lời tạ ơn về việc những người khác cũng đang được các Hội Thánh người ngoại giúp đỡ. Mỗi nhóm nhỏ hội chúng đã được giúp đỡ sẽ tạ ơn về sự giúp đỡ ấy và vì sự giúp đỡ này đang được ban phát cho những người khác.

Thay vì nói “Tại sao chúng ta đã không nhận được nhiều hơn, họ sẽ ngợi khen Đức Chúa Trời về việc những người khác gặp túng thiếu cũng đang được giúp đỡ. Đó là cách ơn ban cho hành động.

Có thể ích lợi cho các Hội Thánh chúng ta khi ghi ra bảng kiểm kê để thấy có ai đang dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời vì sự vâng lời và tính rộng rãi của chúng ta hay không. Chẳng có mức độ nào của sự nhiệt tâm rao giảng Phúc Âm hay sinh hoạt thờ phượng có thể bù đắp cho những cơ hội đã bị đánh mất trong việc chăm sóc người khác và đáp ứng nhu cầu thực tế của họ. Phải có sự quân bình về việc rao Phúc Âm và đáp ứng những nhu cầu thực tế nếu muốn sự sáng của chúng ta chiếu ra rạng rỡ và đều đặn. Có thể nói rằng thật khó rao giảng Phúc Âm cho một người đói khát (xem Gia 2:15-16).

Tôi nhớ đã đọc về một Cơ Đốc nhân giàu có, mỗi ngày vào buổi nhóm cầu nguyện của gia đình, người ấy cầu nguyện cho những nhu cầu của các giáo sĩ được Hội Thánh người ấy chu cấp. Buổi sáng nọ, sau khi người ấy đã kết thúc buổi cầu nguyện của gia đình, đưa con trai nhỏ của người ấy nói: “Ba ơi, nếu con có tập chi phiếu, con có thể đáp ứng những lời cầu nguyện của ba!” Thật là một cậu bé sâu sắc!

5. Sự ban cho của bạn sẽ hiệp con cái Đức Chúa Trời lại (II Co 9:14-15)

Dĩ nhiên đây là một trong những mục đích chính đã có trong lòng Phao-lô khi ông thách thức những Hội Thánh người ngoại giúp đỡ cho các tín hữu Do Thái. Những người theo chủ nghĩa luật pháp cực đoan trong Hội Thánh đã cáo Phao-lô rằng ông chống đối Do Thái và chống cả luật pháp. Những Hội Thánh dân ngoại đã được dời đi khỏi “Hội Thánh mẹ” tại Giê-ru-sa-lem bởi khoảng cách và nền văn hoá. Phao-lô muốn ngăn chặn một sự chia rẽ trong Hội Thánh, và sự dâng hiến tiếp trợ này là một phần của chương trình phòng ngừa đó.

Trong những phương diện nào việc dâng hiến này sẽ gắn bó các hội chúng Do Thái và người ngoại mật thiết hơn? Trước hết, việc dâng hiến là một sự bày tỏ tình yêu thương. Các tín hữu người ngoại không bị ép buộc phải chia sẻ (dù Phao-lô đã thấy việc dâng hiến như một sự trả “nợ thuộc linh” (Ro 15:25-27), nhưng họ đã chia sẻ bởi ân điển Đức Chúa Trời. Lần lượt các tín hữu Do Thái sẽ cảm thấy mình gắn bó với anh em người ngoại của họ.

Mối dây liên kết thiêng liêng khác là sự cầu nguyện. “Và trong sự cầu nguyện của họ vì anh em, lòng họ sẽ trải ra cho anh em, bởi ân điển quá dồi của Đức Chúa Trời đã ban cho anh em” (II Co 9:14). Phải chăng các Hội Thánh người ngoại đang “mua” sự cầu thay của các Hội Thánh Do Thái? Chẳng hề như vậy! Phao-lô hình dung một sự bày tỏ tự giác về tình yêu thương, sự ngợi khen và sự cầu nguyện khi ông phân phát của dâng hiến trong xứ Giu-đê.

Tôi đã kinh nghiệm về việc thăm viếng nhiều khu vực truyền giáo và nghe các tín hữu ở đó nói: “Chúng tôi đang cầu nguyện cho các bạn”. Tôi nhớ đã chuyện trò với một Cơ Đốc

nhân tốt bụng ở Đông Âu, người ấy nói: “Chúng tôi đang cầu nguyện cho các bạn ở Hiệp chủng quốc Hoa-kỳ, vì ở một vài phương diện các bạn trải qua một thời kỳ khó khăn hơn so với chúng tôi để làm những Cơ Đốc nhân thuộc linh”. Khi tôi yêu cầu người ấy giải thích, người ấy cười và nói: “Các bạn có cuộc sống tương đối dễ chịu, và sự an nhàn là kẻ thù của đời sống thuộc linh. Ở Đông Âu, chúng tôi biết ai là kẻ thù của mình, và chúng tôi biết ai là bạn hữu mình. Nơi các bạn sống, thật dễ bị đánh lừa. Vâng chúng tôi đang cầu nguyện cho các bạn!”

Các Hội Thánh của người Do Thái lẫn người ngoại sẽ được kéo gần Chúa Giê-xu Christ hơn “Tạ ơn Đức Chúa Trời (ân điển) vì sự ban cho của Ngài không kể xiết (không thể mô tả nổi)” (c.15). Trong Chúa Giê-xu, mọi sự kỳ thị của con người đều bị xoá bỏ, và chúng ta không còn xem người khác là người Do Thái hay người ngoại, giàu hay nghèo, người ban cho hay người nhận lãnh. “Vì trong Đức Chúa Giê-xu, anh em thấy đều làm một” (Ga 3:28).

Thật đáng buồn khi sự ban cho của chúng ta trở nên một sự thay thế cho cách sống của mình. Một chức viên Hội Thánh có lần đã phàn nàn với tôi: “Tôi sẽ dâng bất cứ khoản tiền nào ông cần cho việc truyền giáo. Chỉ đừng bắt tôi lắng nghe một truyền giáo nào nói cả!” Khi một Cơ Đốc nhân thực hành ơn ban cho, tiền bạc người ấy không phải là một sự thay thế cho mối quan tâm hay sự hầu việc của người ấy. Người ấy trước hết dâng mình cho chúa (II Co 8:5) và sau đó ban cho những gì mình có. Của dâng của người ấy là một biểu tượng về sự đầu phục của tấm lòng mình, như đúng nghĩa của nó. Bạn không thể tách rời của dâng và người dâng khi sự ban cho của bạn được thôi thúc bởi ân điển Đức Chúa Trời.

Tôi đề nghị bạn đọc lại II Co 8:1-24 9:1-15 và hãy chú ý sự nhấn mạnh về ân điển Đức Chúa Trời. Nếu Hội Thánh và những chức vụ khác của chúng ta quay lại với ơn ban cho thì, sẽ có ít hơn yêu cầu dâng hiến với sự thúc ép cao, ít hơn những mảnh lối tuyên truyền để gây quỹ, và ít hơn những lời phàn nàn hơn từ phía con cái Đức Chúa Trời. Thay vào đó, sẽ có nhiều tiền sẵn sàng cho những chức vụ thật sự ngợi khen ân điển Đức Chúa Trời. Và tôi nghĩ rằng những người chưa được cứu trên thế giới sẽ giật mình chú ý!

Bạn và tôi đã được cứu vì Đức Chúa Trời đã tin nơi ơn ban cho.

Chúng ta tin nơi ơn ban cho ở mức độ ra sao?

9. NHỮNG HIỂU LẦM TRONG CHỨC VỤ (II Co 10:1-18)

Mỗi khi nhận một lá thư phê bình của một độc giả hay thánh giả đòi phát thanh, tôi thường lưu nó trong một hồ sơ đặc biệt cho đến khi tôi cả thấy mình thật sự sẵn sàng để trả lời thư. Trong vài trường hợp, tôi đã trả lời thư quá nhanh. Và tôi hối hận về điều đó. Bằng cách chờ đợi, tôi cho mình thời gian suy nghĩ và cầu nguyện, để “tìm hiểu ẩn ý” và để chuẩn bị một giải đáp đem lại ích lợi nhiều nhất và ít tai hại nhất.

Thánh Linh đã hướng dẫn Phao-lô sử dụng một cách tiếp cận khôn ngoan khi ông viết thư cho các tín hữu Cô-rinh-tô. Ông muốn viết cho một Hội Thánh bị chia rẽ (ICo 1:11) một Hội Thánh chống đối quyền hạn của ông, và là một Hội Thánh bị các giáo sư giả quyến dụ. Vì vậy, trước hết ông giải thích chức vụ mình hầu cho họ không còn nghi ngờ sự chân thật của ông. Sau đó ông khích lệ họ dự phần dâng hiến vì ông biết rằng thách thức này sẽ giúp họ tăng trưởng trong đời sống thuộc linh của họ. Ôn ban cho và ôn sống phải đi đôi với nhau.

Giờ đây, trong phân đoạn cuối của thư tín, Phao-lô thách thức những kẻ chống đối trong Hội Thánh – kể cả những giáo sư giả – và bênh vực chức sứ đồ của mình. Khi đọc các chương 10-13, bạn sẽ thấy Phao-lô ám chỉ trực tiếp những kẻ tố cáo ông (10:7,10-12 11:4,20-23 chẳng hạn) và đáp lại những lời buộc tội của họ. Ông không giấu sự thật rằng những người theo Do

Thái giáo trong Hội Thánh là những người hầu việc Sa-tan, kẻ muốn phá hoại công việc của Đức Chúa Trời (11:12-15).

Phao-lô đã sử dụng một từ 20 lần trong các chương 10-13, từ được dịch là “khoe mình” hay “hãnh diện”. Khi đọc các chương này trước, bạn có cảm tưởng Phao-lô đang khoe khoang về chính mình, nhưng trường hợp này không phải thế. Phao-lô đã khoe mình trong Đức Chúa Giê-xu” chứ không phải trong bản thân ông hay trong những thành tích của ông (Ro 5:11 Ga 6:14 Phi 3:3). Ông đã khoe với người khác về các tín hữu Cô-rinh-tô, nhưng dường như sự khoe mình của ông có thể vô ích (II Co 7:4,14 8:24).

Hãy nhớ rằng Phao-lô không bênh vực ông cách cá nhân ông muốn bênh vực chức vụ và quyền sứ đồ của mình. Ông không có liên quan đến “một cuộc tranh đua cá tính” với những người hầu việc khác. Kẻ thù của ông không ngại tố cáo ông cách giả dối, cũng không ngại đề cao bản thân họ (11:12). Chính thái độ trần tục của các tín hữu Cô-rinh-tô đã buộc Phao-lô phải bênh vực cho mình bằng cách nhắc họ nhớ lại đời sống và chức vụ ông. Phao-lô chưa bao giờ ngần ngại nào về Chúa Giê-xu, nhưng ông đã không nói về bản thân, trừ khi có một lý do chính đáng để làm vậy.

Sau cùng, khi Phao-lô thật sự khoe mình, ông đã giới hạn bản thân ở chức vụ Đức Chúa Trời giao phó cho ông (10:13) và rồi ông nhấn mạnh những hoạn nạn của ông không phải thành công của ông. Khi bức thư này được đọc trong hội chúng Cô-rinh-tô, hẳn nó đã đem sự xấu hổ cho tâm lòng của những ai chỉ trích Phao-lô – và chắc đã khiến những người theo Do Thái giáo có vẻ đại dột.

Bước đầu tiên của Phao-lô trong việc bênh vực chức vụ ông là sửa chữa những hiểu lầm hiện hữu trong tâm trí của nhiều người bằng cách đề cập đến việc làm của ông. Họ đã không hiểu 3 lãnh vực quan trọng trong chức vụ.

1. Cách tiến hành cuộc chiến thuộc linh (II Co 10:1-6)

1. *Sự buộc tội* (II Co 10:1-2) không khó tìm thấy. Những kẻ chống đối trong Hội Thánh (do những người Do Thái cầm đầu) đã nói rằng Phao-lô thật can đảm khi viết các thư tín từ xa, nhưng rất nhút nhát thậm chí yếu đuối khi ở cùng các tín hữu Cô-rinh-tô (c.9-11). Dĩ nhiên những người Do Thái giáo luôn độc đoán trong thái độ của họ – và dân chúng đã yêu mến họ (11:20). Thái độ sống “không nhất quán” của Phao-lô giống cách giải quyết “vâng và không” đối với việc thực hiện lời hứa (1:15-20).

Khi Phao-lô thành lập Hội Thánh tại Cô-rinh-tô, mục đích của ông nhằm tăng trưởng Đấng Christ chứ không phải chính ông (II Co 2:1-5). Cơ Đốc nhân thường tăng trưởng theo cách họ được sinh ra. Nếu được sinh ra trong một không khí của sự lãnh đạo độc đoán, họ tăng trưởng nhờ vào sự khôn ngoan và năng lực con người. Nếu được sinh ra trong một không khí của sự khiêm nhường và tình yêu thương, họ học cách nhờ cậy Chúa. Phao-lô muốn những người qui đạo của ông tin cậy Chúa, chứ không phải tội tớ vì vậy ông cố ý “giảm nhẹ” quyền hạn và khả năng của riêng mình.

Các tín hữu Cô-rinh-tô thiếu khôn ngoan biết bao, ngay cả khi Phao-lô đã dạy dỗ họ. Họ đã không nhận biết rằng linh lực thật ở trong “sự nhu mì và hiền lành” (II Co 10:1), không phải trong “cách cư xử kiêu căng hùng hổ”. Chính thái độ của Phao-lô trong những câu mở đầu này đã đánh bật đối phương ông. (Thật ra, cách ông sử dụng tên riêng của ông rất ý nghĩa vì Phao-lô nghĩa là “nhỏ”). Nếu Phao-lô là con người yếu đuối, vậy Chúa Giê-xu cũng thế vì Chúa Giê-xu đã bày tỏ sự nhu mì và hiền lành (Mat 11:29). Tuy nhiên, Chúa chúng ta cũng có thể nghiêm khắc và thậm chí giận dữ trong trường hợp cần thiết (Mat 15:1-2 23:13-33 Mac

11:15-17 Gi 2:13-16). Phao-lô đã cảnh cáo họ cách yêu thương “xin đừng buộc tôi đến và cho thấy tôi dạn dĩ thế nào”

2. *Sự trả lời* (II Co 10:3-6) bày tỏ mọi điều về trận chiến thuộc linh. Vì các tín hữu Cô-rinh-tô (do các giáo sư giả dẫn dụ) đã xét đoán chức vụ của Phao-lô bởi bề ngoài, họ hoàn toàn không trông thấy quyền năng hiện diện ở đó. Họ đánh giá sự việc “theo xác thịt” (c.2) chứ không theo Thánh Linh. Giống như một số “nhân vật tôn giáo vĩ đại” ngày nay, những người Do Thái gây ấn tượng cho dân chúng bằng những khả năng mạnh mẽ, năng lực hùng biện của họ và “những thư gửi gắm” từ các lãnh đạo Hội Thánh.

Phao-lô đã sử dụng một phương cách tiếp cận khác vì dù là con người như bất cứ người nào khác, ông đã không nhờ cậy nơi loài người nhưng nhờ cậy nơi những điều thiêng liêng, những vũ khí thuộc linh do Chúa cung cấp. Trận chiến của ông không theo xác thịt, vì ông không chiến đấu với thịt và huyết (Eph 6:10). Bạn không thể tham gia những trận chiến thuộc linh với những vũ khí thuộc thế.

Từ “chiến tranh” trong c.4 nghĩa là “chiến dịch”. Phao-lô không đơn giản lao vào một cuộc chạm trán nhỏ ở Cô-rinh-tô sự tấn công của kẻ thù ở đó là một phần trong một chiến dịch rộng lớn của Sa-tan. Các quyền của âm phủ vẫn tìm cách phá huỷ công việc của Đức Chúa Trời (Mat 16:18) và quan trọng là chúng ta đừng nhường đất cho kẻ thù, dù là một nhà thờ!

Có những bức tường cố thủ trong lòng người, và những bức tường này (giống như những bức tường thành Giê-ri-cô) phải bị phá đổ. “Những bức tường trí tuệ” này là gì? Là những lập luận đối lập với chân lý của lời Đức Chúa Trời. Sự kiêu ngạo của trí thông minh đã đề cao chính nó. Phao-lô không muốn công kích trí thông minh, nhưng công kích thuyết duy lý trí, thái độ kiêu căng khiến người ta nghĩ họ biết nhiều hơn thực tế (Ro 12:16). Phao-lô đã đối diện với “sự khôn ngoan của loài người” khi ông thành lập Hội Thánh (ICo 1:18) và sự khôn ngoan ấy đã lộ diện lần nữa với sự xuất hiện của những người theo Do Thái giáo.

Thái độ khiêm nhường của Phao-lô thật sự là một trong những vũ khí mạnh nhất của ông, vì sự kiêu ngạo hoành hành trong tay Sa-tan. Con Đức Chúa Trời nhu mì đã có quyền lực cao hơn nhiều so với Phi-lát (Gi 19:11), và Ngài đã chứng minh nó. Phao-lô đã sử dụng những vũ khí thuộc linh để đánh bại sự chống đối – sự cầu nguyện, Lời Đức Chúa Trời, tình yêu thương, quyền năng của Thánh Linh hành động trong đời sống ông. Ông không cậy nơi cá tính, khả năng con người hay thậm chí quyền hạn ông có với tư cách sứ đồ. Tuy nhiên, ông đã sẵn sàng kỷ luật những người phạm lỗi nếu cần, một khi hội chúng đã đầu phục Chúa.

Nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay không nhận biết rằng Hội Thánh có liên quan trong cuộc chiến, và những ai hiểu tính nghiêm trọng của trận chiến Cơ Đốc không phải lúc nào cũng biết cách tham gia chiến trận. Họ cố sử dụng những phương pháp loài người để đánh bại những thế lực của ma quỷ, và những phương pháp này không tránh khỏi thất bại. Khi Giô-suê và đội quân của ông diễn hành quanh thành Giê-ri-cô một tuần, những người chứng kiến cho rằng họ đã mất trí. Khi dân Do Thái tin cậy Đức Chúa Trời và vâng theo các luật lệ, họ đã phá sập những bức tường cao và đánh bại kẻ thù (Gios 6:1-20)

Khi làm mục sư ở Chicago, tôi đã gặp 3 người bạn mục sư hằng tuần, và chúng tôi hiệp nhau trong “cuộc chiến cầu nguyện”. Chúng tôi đã nắm giữ lời hứa của Đức Chúa Trời để xua tan tư tưởng sai lầm đang ngăn trở con người đầu phục Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã làm những việc lớn trong đời sống của nhiều người được chúng tôi cầu thay. Một khi những bức tường trong tâm trí đã bị phá đổ, cửa lòng có thể được mở ra.

2. Cách sử dụng quyền năng thuộc linh (II Co 10:7-11)

Một trong những bài học khó nhất các môn đệ Chúa đã phải học đó là: trong Vương quốc Đức Chúa Trời, địa vị và thế lực không phải là bằng chứng của quyền hạn. Chúa Giê-xu đã cảnh cáo các môn đệ Ngài đừng lấy sự lãnh đạo của dân ngoại làm kiểu mẫu cho sự lãnh đạo của mình vì dân ngoại đó thích “ra oai” với người khác và làm ra vẻ quan trọng (Mac 10:35-45). Mẫu mực chúng ta phải noi theo là mẫu mực của Chúa Giê-xu Đấng đã đến như một đầy tớ và đã chăm sóc cho người khác. Phao-lô đã noi theo mẫu mực ấy.

Nhưng các tín hữu Cô-rinh-tô đã không có ý thức thuộc linh đủ để nhận biết những gì Phao-lô đang làm. Họ so sánh sự nhu mì của ông với “sức mạnh về cá tính” của những người theo Do Thái giáo, và họ kết luận rằng Phao-lô chẳng có quyền hạn nào cả. Chắc chắn, ông đã viết những bức thư kỳ diệu nhưng hình dáng thuộc thể của ông yếu đuối, và lời nói ông “không gây ấn tượng”. Họ đã xét đoán bằng hình dáng bên ngoài chứ không thể hiện sự sáng suốt về thuộc linh.

Mấy người bạn và tôi có lần đã nghe một người giảng mà cả bài giảng của người ấy được soạn bởi “những lời huyênh hoang” thỉnh thoảng có trích dẫn từ Kinh Thánh (thường bị tách khỏi văn cảnh) và nhiều sự ám chỉ về những biến cố trên thế giới cùng “những dấu hiệu của các thời kỳ”. Khi chúng tôi rời buổi nhóm, một người bạn của tôi nói: “IVua 19:11 mô tả quá trình đó một cách trọn vẹn: Chúa không có trong trận gió”. Vậy mà mọi người quanh chúng tôi nói rằng đó là “bài giảng tuyệt vời nhất” họ từng được nghe. Tôi hết sức nghi ngờ rằng 10 phút sau họ có thể nhớ lại một điều cụ thể mà người giảng luận đã nói.

Phao-lô không chối rằng ông có quyền hạn, nhưng ông đã không thực hiện quyền hạn ấy bằng một thái độ thiếu thuộc linh. Mục đích cho quyền hạn của ông là để gây dựng họ, không phải để phá đổ họ và nó đòi hỏi kỹ năng cao hơn để gây dựng hơn là để phá đổ. Hơn nữa, cần có tình yêu thương để gây dựng (ICo 8:1) và các tín hữu hiểu tình yêu thương cùng sự nhu mì của Phao-lô như một dấu hiệu của sự yếu đuối.

Sự khác biệt giữa Phao-lô và những người theo Do Thái giáo chính là: Phao-lô đã sử dụng quyền hạn của ông để gây dựng Hội Thánh, trong khi những người theo Do Thái giáo sử dụng Hội Thánh để gây dựng quyền hạn của họ.

Trong nhiều năm của chức vụ mục sư và lưu hành, tôi chưa bao giờ khỏi ngạc nhiên về cách một số Hội Thánh đối xử với các mục sư của họ. Nếu một người bày tỏ tình yêu và sự khiêm nhường thật, họ chống đối quyền lãnh đạo của người ấy và làm tan nát lòng người ấy. Mục sư kế tiếp sẽ là một “nhà độc tài”, người “điều hành Hội Thánh” và ông ta đạt được ngay những gì mình muốn. Nhiều người yêu mến ông ta và khoe khoang về ông ta! Chúa chúng ta đã bị đối xử như vậy, nên có lẽ chúng ta không nên ngạc nhiên.

Những kẻ chống đối trong Hội Thánh đã cáo Phao-lô rằng ông không phải là một sứ đồ thật vì nêu là một sứ đồ thật, ông sẽ bày tỏ bằng cách sử dụng quyền hạn của mình. Mặt khác nếu Phao-lô đã “cư xử cách kiêu căng” có lẽ họ đã nhận biết Phao-lô cách đó. Dù Phao-lô cư xử cách nào, họ cũng tìm cách kết tội ông. Đây là điều luôn xảy ra khi các thuộc viên Hội Thánh không có ý thức thuộc linh, nhưng đánh giá chức vụ theo một quan điểm trần tục.

Nhưng sự buộc tội của họ đã đem lại kết quả ngược với điều họ mong đợi. Nếu Phao-lô không phải là một sứ đồ, vậy ông là một kẻ giả danh, thậm chí không phải là một Cơ Đốc nhân. Nhưng nếu thật như vậy, thì Hội Thánh tại Cô-rinh-tô không phải là một Hội Thánh thật. Phao-lô đã nói rõ rằng không ai có thể phân cách chức vụ ông với đời sống riêng của ông (II Co 1:12-14). Nếu ông là một kẻ lừa dối, vậy các tín hữu Cô-rinh-tô là những người bị lừa dối!

Phao-lô cũng định rõ không có sự mâu thuẫn nào giữa việc giảng dạy và viết thư của ông. Ông tỏ ra dạn dĩ qua các thư tín vì đó là điều cần thiết đúng lúc. Ông có lẽ đã vui mừng biết bao khi có thể viết thư bằng sự dịu dàng. Nhưng điều đó có lẽ sẽ không đạt được mục đích mong muốn. Và, thậm chí khi ông đã viết những bức thư “nặng nề và uy quyền”, ông vẫn viết từ một tấm lòng yêu thương. Ông muốn nói: “Anh em nên sẵn sàng cho cuộc viếng thăm sắp tới của tôi thì hơn, vì nếu cần, tôi sẽ chứng tỏ với anh em tôi có thể mạnh mẽ ra sao”.

Cách một Cơ Đốc nhân sử dụng quyền hạn là một chứng cứ về tính cách và sự trưởng thành thuộc linh của người ấy. Một người không trưởng thành “vênh váo” khi người ấy sử dụng quyền hạn mình, nhưng một người trưởng thành tăng trưởng” trong việc sử dụng quyền hạn, và những người khác cũng tăng trưởng với người ấy. Giống như bậc cha mẹ khôn ngoan, vị mục sư khôn ngoan này để hành động bằng quyền hạn đã định. Cần có năng lực nhiều hơn để chờ đợi hơn là để tấn công. Một người trưởng thành không sử dụng quyền hành để đòi hỏi sự tôn trọng, nhưng để kiểm chế sự tôn trọng. Những lãnh đạo trưởng thành chịu khổ khi họ chờ đợi để hành động, trong khi những lãnh đạo không trưởng thành hành động nông nổi và làm những người khác đau khổ.

Các giáo sư giả cậy nơi “những thư gửi gắm” để có quyền hạn nhưng Phao-lô đã có một nhiệm vụ thiêng liêng từ trời. Đời sống mà ông đã sống và công việc ông đã làm là “những uỷ nhiệm thư” đầy đủ, vì đó là chứng cứ bàn tay Đức Chúa Trời đã đặt trên đời sống ông. Phao-lô đã có thể can đảm viết “từ nay về sau, xin đừng để ai làm khó cho tôi, vì trong mình tôi có dấu vết của Đức Chúa Giê-xu” (Ga 6:17).

Khi vợ tôi và tôi thi hành chức vụ ở Anh quốc, chúng tôi đã cố gắng sắp xếp giờ giấc để có thể thăm Luân-đôn. Chúng tôi đặc biệt thích mua sắm ở cửa hiệu Selfridge và cửa hiệu Harrod, là 2 cửa hàng bách hoá đứng đầu Luân-đôn. H. Gordon Selfridge người đã gây dựng cửa hàng lớn mang tên mình, luôn tuyên bố rằng ông là một người thành công vì ông là một người lãnh đạo chứ không phải một “ông chủ”. Người lãnh đạo nói “Chúng ta hãy đi nào!” trong khi ông chủ nói “Đi!” Ông chủ biết cách công việc được thực hiện, người lãnh đạo cho biết cách công việc được thực hiện. Ông chủ truyền sự sợ hãi, người lãnh đạo truyền nhiệt tình dựa trên sự tôn trọng và thiện ý. Ông chủ qui trách nhiệm về sự thất bại, trong khi người lãnh đạo thật sửa chữa thất bại. Ông chủ cứ nói “tôi” còn người lãnh đạo nói “chúng ta”. Triết lý về quản lý của ông Selfridge chắc hẳn phù hợp với triết lý về sự lãnh đạo của Phao-lô.

3. Cách đánh giá chức vụ thuộc linh (II Co 10:12-18)

Tôi cho rằng có nhiều vấn đề phát sinh do những người “đánh giá chức vụ” hơn là do bất cứ hoạt động nào khác trong Hội Thánh. Nếu công việc của Hội Thánh là công việc của Đức Chúa Trời, và nếu công việc của Đức Chúa Trời là một phép lạ, chúng ta bắt đầu đánh giá một phép lạ ra sao? Trong sự xem xét riêng về 7 Hội Thánh được nêu tên ở sách Kh 2:8-11 3:14-22. Chúa Giê-xu đã đánh giá họ cách rất khác biệt với cách họ tự đánh giá mình. Với Hội Thánh nghĩ rằng mình rất nghèo nàn, Ngài lại cho là giàu có, còn Hội Thánh khoe rằng mình có nhiều của cải thì Ngài lại công bố là nghèo.

Một số người đánh giá chức vụ chỉ bởi sự thống kê. Trong khi đúng là Hội Thánh đầu tiên đã chú ý những con số (Cong 2:41 4:4) cũng đúng là việc gia nhập Hội Thánh thời đó là điều khó khăn (và nguy hiểm) hơn nhiều (Cong 5:13). Cách đây vài năm, một trong những giáo phái lớn của Mỹ có chủ đề “một triệu nữa trong năm 64, và mỗi người 1 phần 10!” Tôi đã nghe một trong những mục sư hàng đầu của họ bình luận “nếu chúng ta kiếm được một triệu nữa giống như một triệu trước, Đức Chúa Trời giúp chúng ta”. Số lượng không phải là sự đảm bảo của chất lượng.

1. *Sự đánh giá sai lầm* (II Co 10:12). Những người theo Do Thái giáo rất thạo việc đánh giá chức vụ họ, vì một tôn giáo của những hoạt động bên ngoài thật dễ đánh giá hơn một tôn giáo của sự biến đổi bên trong. Người sống theo luật pháp có thể đánh giá những điều người ấy làm và những điều người ấy không làm, nhưng Chúa là Đấng duy nhất có thể nhìn thấy sự tăng trưởng thuộc linh trong lòng một người tin nhận. Đôi khi những ai đang tăng trưởng nhiều nhất cảm thấy như mình kém cỏi hơn hết.

Trong một ý nghĩa nào đó, những người theo Do Thái giáo đã thuộc về một “nhóm người hay tâng bốc lẫn nhau”, đã lập những tiêu chuẩn riêng của mình và đánh giá mọi người theo những tiêu chuẩn ấy. Dĩ nhiên, những ai thuộc nhóm này đều thành công những ai ngoại cuộc đều thất bại. Phao-lô là một trong những ngoại cuộc, nên ông đã bị xem là thất bại. Tiếc thay, họ đã không đánh giá chính mình bởi Chúa Giê-xu (Eph 4:12-16). Nếu họ đã làm vậy, có lẽ nó đã tạo ra một sự khác biệt.

2. *Sự đánh giá đúng* (II Co 10:13-18). Phao-lô gợi ý 3 câu hỏi chúng ta có thể hỏi chính mình khi chúng ta tìm cách đánh giá chức vụ của chúng ta bởi ý muốn Đức Chúa Trời.

- Có phải tôi đang hiện diện nơi Đức Chúa Trời muốn? (c.13-14). Đức Chúa Trời đã “phân công một lãnh vực” trong đó Phao-lô phải làm việc: ông là sứ đồ cho dân ngoại (Cong 9:15 22:21 Eph 3:1-21). Ông cũng phải đến nơi không có sứ đồ nào khác từng thi hành chức vụ, ông phải là một “nhà truyền giáo tiên phong” cho dân ngoại.

Phao-lô đã sử dụng một chút “sự mỉa mai thánh” khi bênh vực mình. “Địa phận Đức Chúa Trời chỉ định cho tôi bao gồm cả anh em, những tín hữu Cô-rinh-tô” (II Co 10:13). Không phải những người Do Thái giáo đã đến thành Cô-rinh-tô mang theo Phúc Âm. Giống như một số hệ phái ngày nay, họ có mặt chỉ sau khi Hội Thánh đã được thiết lập (Ro 15:15-22).

Các Hội Thánh và những người thi hành chức vụ không tranh cạnh nhau họ thi đua với bản thân Đức Chúa Trời sẽ không đánh giá chúng ta trên cơ sở những ân tứ và cơ hội Ngài đã ban cho Charles Spurgeon hay Billy Sunday. Ngài sẽ đánh giá công việc của tôi bởi những gì Ngài đã giao phó cho tôi. Đức Chúa Trời đòi hỏi sự trung tín trên hết mọi sự khác (I Co 4:2).

Có điều gì đó gây kinh sợ về việc tham dự một hội đồng các mục sư hoặc một hội nghị giáo phái, bởi vì những người trong chương trình thường là những “người có vẻ nhiều khả năng thành công” với lý lịch tốt đẹp nhất. Những mục sư trẻ và những người già hơn trong những nơi chật chội thường về nhà mang cảm giác tội lỗi, vì công việc trung tín của họ dường như không sinh nhiều quả. Một số những người nản lòng này lúc bấy giờ cố thử mọi chương trình và việc xúc tiến, chỉ để gạt thêm sự thất vọng, và rồi họ tính đến chuyện từ bỏ chức vụ. Phải chi họ nhận biết rằng Đức Chúa Trời đánh giá chức vụ họ trên cơ sở địa phận Ngài đã đặt để họ, chớ không dựa trên những điều đang diễn biến ở thành phố nào khác, có lẽ điều đó sẽ khích lệ họ ở lại với công việc và giữ lòng trung tín.

- Có phải Đức Chúa Trời được vinh hiển bởi chức vụ của tôi? (II Co 10:15-17). Đây là sự chế giễu khác nhằm vào những người theo Do Thái giáo, những kẻ đã đánh cắp người qui đạo của người khác và tuyên bố họ thuộc về mình. Phao-lô không khoe khoang về công việc của người khác, cũng không xâm phạm địa phận của người khác. Bất cứ việc gì ông đã làm, Đức Chúa Trời làm qua ông, và chỉ một mình Đức Chúa Trời đáng được vinh hiển.

Tôi có lần lắng nghe một người thuyết trình về cách gây dựng một Trường Chúa Nhật lớn. Mọi điều trong bài thuyết trình đúng đắn và chắc chắn đã được thực hiện trong các giáo đoàn lớn ở Hiệp Chúng quốc Hoa-kỳ. Vấn đề duy nhất đó là con người chưa bao giờ tự mình gây dựng một Trường Chúa Nhật lớn! Ông này đã đi thăm nhiều giáo đoàn lớn, phỏng vấn các mục sư cùng những thuộc viên của ban tham mưu và phát triển bài thuyết trình của mình. Sau

khi ông ta kết thúc bài thuyết trình, người ta dồn về phía ông để đặt câu hỏi và xin chữ ký. Tôi tình cờ đứng gần một mục sư là người đã xây dựng một trong những nhà thờ đẹp nhất và một trong những nhà thờ lớn nhất ở Mỹ.

Tôi nói với ông: “Những người đó phải nói chuyện với ông. Ông đã làm việc ấy và ông biết nhiều về công việc Trường Chúa Nhật hơn ông ta!”

Bạn tôi nói với một nụ cười ý nhị: “Hãy để ông ta tự mãn. Chúng ta đều đang làm cùng một công việc, và tất cả những gì đáng quan tâm đó là Đức Chúa Trời được vinh hiển.”

Phao-lô đã thêm vào chút sự “mĩa mai thánh” khác khi ông cho các tín hữu Cô-rinh-tô biết rằng điều duy nhất giữ ông không đến “những vùng xa hơn” họ chính là sự thiếu đức tin của họ. Nếu họ vâng phục quyền lãnh đạo của ông và làm theo lời Chúa, họ đã có thể đến với những linh hồn hư mất khác nhưng họ đã tạo ra quá nhiều vấn đề cho ông, khiến ông phải sử dụng thời gian của việc truyền giảng Phúc Âm trong lãnh vực truyền giáo để giải quyết những vấn đề trong Hội Thánh. Ông muốn nói: “Lẽ ra tôi sẽ có những con số thống kê tốt hơn để báo cáo, nhưng anh em đã ngăn trở tôi.”

Phao-lô trích dẫn Gie 9:24 trong câu 17, một lời tuyên bố cũng được ông trích dẫn trong ICo 1:31. Các tín hữu Cô-rinh-tô có xu hướng tự hào về con người, đặc biệt giờ đây những người theo Do Thái giáo đã tiếp quản Hội Thánh. Khi các tín hữu Cô-rinh-tô nghe “những báo cáo” về điều các giáo sư này đã làm, và khi họ nhìn thấy những “thư gửi gắm” được những người này mang theo, Hội Thánh hoàn toàn bị họ mê hoặc. Như một kết quả, Phao-lô và chức vụ của ông có vẻ nhỏ bé và không thành công.

Nhưng trắc nghiệm sau cùng không phải là khi những báo cáo được công bố trong cuộc họp hàng năm. Sự trắc nghiệm sau cùng đến tại Toà Án của Đấng Christ, “bây giờ ai nấy sẽ lãnh sự ngợi khen của Đức Chúa Trời” (ICo 4:5). Nếu con người nhận vinh hiển, vậy Đức Chúa Trời không thể được vinh hiển”. Ta là Chúa: ấy là danh ta. Ta chẳng nhường sự vinh hiển ta cho một đấng nào khác” (Es 42:8).

Điều này không có ý rằng những người thi hành chức vụ nổi tiếng với những công việc tiến triển đang cướp sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta tăng trưởng và sinh “nhiều quả”, chúng ta đem vinh hiển cho Đức Chúa Cha (Gi 15:1-8). Nhưng chúng ta phải cẩn thận là chính “trái” sinh từ đời sống thuộc linh chứ không phải “những kết quả” xuất hiện khi chúng ta lôi kéo con người và tạo ra những con số thống kê.

- Chúa có thể khen ngợi công việc của tôi không? (ICo 10:18). Chúng ta có thể ngợi khen bản thân hoặc bị người khác lên án, và vẫn không xứng đáng được sự ngợi khen của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ung chịu công việc của chúng ta ra sao? Bằng cách trắc nghiệm nó. Từ “ung chịu” trong c.18 nghĩa là “ung chịu bằng cách trắc nghiệm”. Có một sự trắc nghiệm trong tương lai tại Toà Án của Đấng Christ (ICo 3:10), nhưng cũng có một trắc nghiệm hiện tại về công việc chúng ta làm. Đức Chúa Trời cho phép những khó khăn xảy đến với các Hội Thánh địa phương hầu cho công việc có thể được trắc nghiệm và được ung chịu.

Những năm qua, tôi đã chứng kiến các chức vụ được trắc nghiệm bởi những mất mát về tài chính, sự xâm lấn của giáo lý sai lạc, sự nổi lên của những lãnh đạo kiêu ngạo muốn “điều hành Hội Thánh”, và cơn thách thức về sự đổi thay. Mọi số Hội Thánh sa sút và hầu như đã chết, vì công việc không thuộc linh. Những chức vụ khác đã tiến triển vì những thử thách và trở nên thanh sạch hơn, mạnh mẽ hơn. Và qua mọi sự, Đức Chúa Trời được vinh hiển.

Chắc chắn những chức vụ của chúng ta phải được ghi lại và công bố những báo cáo, nhưng chúng ta đừng rơi vào “cái bẫy của sự thống kê” và nghĩ rằng những con số ấy là sự đo đạc duy nhất của chức vụ. Mỗi hoàn cảnh là độc nhất vô nhị, và không có chức vụ nào thật có thể

được đánh giá trên cơ sở của chức vụ khác. Điều quan trọng là chúng ta hiện diện nơi Đức Chúa Trời muốn, làm điều Đức Chúa Trời muốn ta làm để Ngài có thể được vinh hiển. Động cơ là một phần sự đo đạc của Đức Chúa Trời về công việc chúng ta cũng giống như sự tăng trưởng. Nếu tìm cách quy vinh hiển và làm đẹp lòng chỉ một mình Đức Chúa Trời, và nếu không sợ sự đánh giá của Ngài về tâm lòng và đời sống của mình, vậy chúng ta không cần phải sợ những đánh giá của con người hay những sự phê bình của họ.

“Nhưng ai khoe mình, hãy khoe mình trong Chúa” (c.17)

10. CHA BIẾT RÕ NHẤT (II Co 11:1-33)

Nếu là người thi hành chức vụ Cơ Đốc, bạn sẽ thuyết phục mọi người trong hội chúng của bạn thế nào để họ tin rằng bạn thật sự yêu thương họ.

Đây là vấn đề Phao-lô đã đối diện khi viết thư tín này. Nếu ông nhắc dân chúng về công việc ông đã làm giữa họ, họ chỉ sẽ trả lời: “Phao-lô đang khoe khoang!” Nếu ông không nói gì về chức vụ mình tại Cô-rinh-tô, những người Do Thái giáo sẽ nói: “Hãy xem đi, chúng tôi đã cho anh em biết Phao-lô chẳng hoàn thành việc gì cả!”

Vậy Phao-lô đã làm gì? Ông đã được Thánh Linh Đức Chúa Trời dẫn dắt để sử dụng một hình ảnh đẹp đẽ – một sự so sánh – chắc chắn đụng đến tâm lòng các tín hữu tại Cô-rinh-tô. Ông so mình với một “người cha thuộc linh” chăm sóc gia đình mình. Ông đã sử dụng hình ảnh này trước đó để nhắc các tín hữu Cô-rinh-tô rằng như một “người cha” ông đã sinh ra họ nhờ Phúc Âm và ông đã có thể kỷ luật họ nếu ông cảm thấy cần thiết (ICo 4:14-21). Họ là con cái thuộc linh yêu dấu của ông, và ông muốn điều tốt nhất cho họ.

Phao-lô đã cho họ 3 chứng cứ về tình yêu của người cha mà ông dành cho họ.

1. Sự ghen tuông của ông vì Hội Thánh (II Co 11:1-6,13-15)

Tình yêu thật chẳng bao giờ đổ kỵ, nhưng nó có quyền ghen tuông đối với những ai được yêu. Người chồng ghen với vợ mình, bực tức cách thích đáng và chống lại bất cứ sự kình địch nào đe dọa tình yêu của họ đối với nhau. Một người ái quốc thật có mọi quyền ghen với tự do mình và sẽ chiến đấu để bảo vệ nó. Tương tự như vậy, người cha (hay người mẹ) ghen với con cái mình và tìm cách bảo vệ chúng khỏi bất cứ điều gì sẽ làm hại chúng.

Bức tranh ở đây là bức tranh một người cha yêu thương có một đứa con gái đã hứa hôn. Ông đã thấy, việc giữ cho đứa con gái tinh sạch là đặc quyền và trách nhiệm của ông, hầu cho ông có thể trình diện con gái cho chồng cô với niềm vui mừng chứ không phải sự buồn rầu. Phao-lô nhìn thấy Hội Thánh địa phương như một cô dâu, đã hứa gả cho Chúa Giê-xu (Eph 5:22 Ro 7:4). Cuộc hôn nhân ấy sẽ không xảy ra cho đến khi Chúa Giê-xu đến rước cô dâu của Ngài (Kh 19:1-9). Trong khi đó, Hội Thánh – nghĩa là mỗi Cơ Đốc nhân – phải giữ mình tinh sạch khi sửa soạn gặp Người yêu dấu.

Khi ấy, hiểm họa là về sự không chung thủy đối với vị hôn thê của nàng. Người đàn bà đã hứa hôn mắc nợ tình yêu và sự trung thành với một người duy nhất – chồng hứa của nàng. Nếu chung chạ với người đàn ông khác, nàng phạm tội không chung thủy – Từ được dịch là “lòng thật thà” trong II Co 11:3 có nghĩa “tính chân thành, giản dị của sự tận tụy”. Một tâm lòng chia rẽ dẫn đến một đời sống ô uế và một mối liên hệ bị đổ vỡ”.

Hình ảnh về tình yêu và hôn nhân cùng nhu cầu cho sự trung thành thường được sử dụng trong Kinh Thánh. Tiên tri Giê-rê-mi nhìn thấy dân Giu-đa đánh mất tình yêu của họ đối với Đức Chúa Trời, và ông đã cảnh cáo họ: “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta còn nhớ về người, lòng nhân từ của người lúc đang thơ, tình yêu mến trong khi người mới kết bạn” (Gie 2:2).

Dân tộc Do Thái đã đánh mất “tình trắng mắt” của mình và phạm tội thờ lạy thần tượng. Chúa Giê-xu đã dùng hình ảnh tương tự khi Ngài cảnh cáo Hội Thánh tại Ê-phê-sô “Nhưng điều ta trách ngươi, là ngươi đã bỏ lòng kính mến ban đầu” (Kh 2:4).

Kẻ trốn đằng sau hiềm hoạ này là Sa-tan, được phác hoạ ở đây là con rắn. Sự ám chỉ này là ở Sa 3:1-21. Đáng chú ý là Phao-lô có nhiều điều để nói về kẻ thù của chúng ta, quỷ Sa-tan khi ông viết thư tín này cho các tín hữu Cô-rinh-tô. Ông cảnh cáo rằng Sa-tan có nhiều mưu chước tấn công các Cơ Đốc nhân. Nó có thể đề nghị lương tâm các Cơ Đốc nhân đã phạm tội (II Co 2:10-11), làm mù tâm trí những người vô tín (4:4) hoặc quyến dụ lòng Cơ Đốc nhân (11:3) và thậm chí vui đập thân thể những người thi hành chức vụ của Đức Chúa Trời (12:7).

Trọng điểm ở đây nói về tâm trí, vì Sa-tan là kẻ nói dối và tìm cách khiến chúng ta lắng nghe những lời dối trá của nó, suy nghĩ và rời tin theo. Đây là điều nó đã làm với Ê-va. Trước hết, nó chất vấn Lời Đức Chúa Trời (“À, Đức Chúa Trời há có phán...?”) sau đó nó phủ nhận Lời Đức Chúa Trời (“Hai ngươi chắc chắn sẽ không chết đâu!”) và rồi nó thay vào sự dối trá của chính nó (“Hai ngươi sẽ như các thần...”) (Sa 3:1,4-5).

Dĩ nhiên, Sa-tan thật xảo quyệt. Nó biết rằng Cơ Đốc nhân sẽ không chấp nhận ngay một lời nói dối, vì vậy kẻ thù này phải nhử mồi và khiến chúng ta dễ chấp nhận điều nó muốn đề nghị. Trên cơ bản, Sa-tan là kẻ bắt chước: nó sao chép điều Đức Chúa Trời làm và cố thuyết phục chúng ta tin rằng sự đề nghị của nó tốt đẹp hơn của Đức Chúa Trời. Nó làm điều này bằng cách nào? Bằng cách sử dụng những người thi hành chức vụ giả mạo làm bộ hầu việc Đức Chúa Trời, nhưng họ thật sự là tôi tớ của Sa-tan.

Sa-tan có một phúc âm giả mạo (Ga 1:6-12) có liên quan đến một đấng cứu rỗi khác và một thánh linh khác. Tiếc thay, các tín hữu Cô-rinh-tô đã “tiếp đón phúc âm mới” này, nó là một sự pha tạp của luật pháp với ân điển chứ không phải một Phúc Âm thật nào cả. Chỉ có một Phúc Âm duy nhất, và vì vậy chỉ có thể có một Đấng Christ duy nhất (ICo 15:1). Khi bạn tin nhận Đấng Christ, bạn nhận Thánh Linh Đức Chúa Trời trong lòng và chỉ có một Đức Thánh Linh duy nhất.

Những người rao giảng phúc âm giả này (và họ vẫn ở cùng chúng ta ngày nay) được mô tả trong II Co 11:13-15). Họ tuyên bố mình có quyền hạn thiêng liêng như những tôi tớ Đức Chúa Trời, nhưng quyền hạn của họ là giả. Họ tuyên bố những tôi tớ thật của Đức Chúa Trời là những kẻ mạo danh trong thời Phao-lô, họ nói điều này chỉ về ông. Thậm chí họ còn tuyên bố mình là “những sứ đồ siêu hạng”, đạt một trình độ cao hơn nhiều so với Phao-lô. Với tài hùng biện khôn khéo, họ đã khẳng định rằng Phao-lô không phải là một diễn giả rất tài năng (c.6 10:10). Bi thảm thay khi những Cơ Đốc nhân không kiên định bị chao đảo bởi “bài diễn thuyết hợp lý” của những người làm công cho Sa-tan, thay vì đứng vững trên những chân lý cơ bản của Phúc Âm do các mục sư và giáo sư trung tín đã dạy dỗ họ.

Phao-lô cảnh cáo “họ không phải là những sứ đồ siêu hạng gì cả! Họ là những sứ đồ dỏm! – sứ đồ giả!” Động cơ của họ không phải để quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời, nhưng để tự lợi bằng cách chiếm đoạt những người qui đạo. Những phương pháp của họ mang tính lừa dối (2:17 4:2). Ý niệm cơ bản ở đây là ý niệm về việc sử dụng mồi để bắt cá. Họ trình bày cho các thuộc viên Hội Thánh một đời sống Cơ Đốc “siêu hạng” hơn đời sống được mô tả trong Tân Ước, một đời sống mang tính pha tạp của luật pháp và ân điển không theo tinh thần Kinh Thánh.

Thay vì được Thánh Linh ban quyền phép, những kẻ thi hành chức vụ này được Sa-tan ban năng lực. Ba lần, Phao-lô sử dụng từ “thay đổi” để ám chỉ công việc của họ (11:13,14,15). Từ này tiếng Hy Lạp đơn giản nghĩa là “trá hình, giả dạng”. Những kẻ làm công cho Sa-tan,

giống như chính Sa-tan, không bao giờ xuất hiện trong tính chất thật của mình họ luôn mang đồ cải trang và ẩn phía sau một chiếc mặt nạ.

Khi tôi đang viết tập sách này, có nhiều “mục sư giả mạo” của Sa-tan xuất hiện trước cửa phòng tôi. Một trong số họ, một phụ nữ trẻ về quyền rũ cổ cho tôi biết cô đang làm việc vì hoà bình thế giới nhưng khi tôi đối chất với cô ta, cô thừa nhận rằng mình thuộc một giáo phái nào đó. Hai thanh niên ăn mặc bảnh bao tự giới thiệu “chúng tôi đây đại diện cho Chúa Giê-xu Christ”. Tôi nhanh chóng cho họ biết tôi biết họ đại diện cho nhóm nào và tôi đóng cửa lại. Thậm chí tôi đã không nói “tạm biệt”. Nếu bạn nghĩ rằng tôi bất lịch sự, hãy đọc IIGi 1:5-11 và hãy làm theo.

Phao-lô chứng minh tình yêu của ông đối với Hội Thánh bằng cách bảo vệ Hội Thánh khỏi những sự tấn công của các giáo sư giả vờ mà những thuộc viên Hội Thánh đã “tìm kiếm” những người theo Do Thái giáo và để họ bước vào. Những tín hữu Cô-rinh-tô đã “bỏ lòng kính mến ban đầu” của họ và không còn dâng cho Chúa Giê-xu sự tận tụy ngay thẳng nữa. Không chỉ đơn giản là họ đã quay lưng lại với Phao-lô, nhưng họ đã quay lưng với Đấng Christ, và điều đó nghiêm trọng hơn nhiều.

2. Lòng rộng rãi của Phao-lô đối với Hội Thánh (II Co 11:7-12)

Cha mẹ yêu thương chu cấp những nhu cầu của gia đình, và Phao-lô đã hy sinh để ông có thể chăm sóc cho Hội Thánh tại Cô-rinh-tô. Trong khi Phao-lô ở đó, ông đã lao động vất vả bằng đôi tay mình với tư cách một người may trại (Cong 18:1-3) và thậm chí đã nhận quà từ các Hội Thánh khác để ông có thể rao Phúc Âm ở Cô-rinh-tô. Nói cách khác, tín hữu Cô-rinh-tô không tốn kém gì cả để được lợi từ chức sứ đồ của con người vĩ đại này của Đức Chúa Trời.

Tín hữu Cô-rinh-tô có đánh giá đúng đắn những hy sinh mà Phao-lô đã làm vì họ? Không, đa số họ đã không đánh giá đúng. Thật ra, những người theo Do Thái giáo thậm chí đã sử dụng phương sách tài chính của Phao-lô làm “chứng cứ” rằng ông không phải là một sứ đồ thật. Xét cho cùng, nếu không phải là một sứ đồ thật, ông sẽ chấp nhận sự hỗ trợ về tài chính.

Phao-lô đã sẵn sàng giải thích phương sách của ông trong một bức thư trước (ICo 9:1-15). Ông đã nói rõ rằng ông là một sứ đồ thật vì ông đã nhìn thấy Đấng Christ phục sinh và đã được Ngài giao nhiệm vụ. Phao-lô đã có quyền để yêu cầu sự hỗ trợ về tài chính, cũng giống như các tông đồ trung tín của Đức Chúa Trời đang làm ngày nay, nhưng ông đã tự ý bỏ quyền ấy hầu cho không ai có thể tố cáo ông về việc lợi dụng Phúc Âm chỉ như một phương tiện để làm tiền. Ông đã bỏ đi “những quyền hạn về tài chính” của mình vì mục đích Phúc Âm và vì những tội nhân hư mất là những người có thể vấp ngã vì bất cứ điều gì gây cảm giác như “sự mua bán tôn giáo”.

Mặt khác, chính những người theo Do Thái giáo đã phạm tội “rao bán Phúc Âm” vì lợi ích cá nhân. Phao-lô đã giảng Phúc Âm cho họ cách miễn phí (II Co 11:7 theo nghĩa đen là “không phải trả tiền, không đòi gì cả”) nhưng những giáo sư giả đã rao một phúc âm giả hiệu và cướp bóc của Hội Thánh (c.20). Phao-lô sử dụng một chút mỉa mai trong (c.8) “Vâng, tôi từng là một “kẻ cướp bóc. Tôi đã cướp bóc” những Hội Thánh khác để tôi sẽ không phải cướp bóc “của anh em!” Và giờ đây những người theo Do Thái giáo đã thật sự cướp bóc của họ.

Một người cha yêu thương không đặt những gánh nặng của bản thân lên con cái mình. Thay vào đó, người ấy chịu hy sinh để con cái có thể hưởng những gì chúng cần. Dạy con cái sự khác biệt giữa những “giá cả” và “giá trị” thật là một điều khó. Con cái dường như không có ý niệm gì về việc lao động của cha mẹ để kiếm tiền chu cấp những thứ gia đình cần có ý nghĩa gì. Khi một trong những đứa cháu của tôi còn nhỏ, nó nghe cha mẹ bàn luận về việc

mua một số đồ gia dụng nhưng nó đã không thể hiểu lý do tại sao họ không đi mua ngay. Nó hỏi, chỉ vào tập chi phiếu của ba nó: “Tại sao ba không viết ngay một trong những tấm giấy đó?” Nó đã không hiểu rằng phải có tiền trong ngân hàng để xác nhận những gì bạn viết trên “những tấm giấy” đó.

Phao-lô đã không nêu lên vấn đề tiền bạc để khoe khoang về mình. Đúng hơn, ông sử dụng mọi phương tiện có thể được để làm nín lặng sự khoe khoang của những người theo Do Thái giáo. Phao-lô biết rằng không một người có thể cáo ông về sự tham lam hay ích kỷ (Cong 20:33-35 lời chứng của Phao-lô cho Hội Thánh Ê-phê-sô). Đôi tay ông tinh sạch. Ông muốn “cắt đứt” bất cứ cơ hội nào cho kẻ thù của ông.

Từ “phải chịu phí tổn” trong IICo 11:9 đáng xem xét đặc biệt (12:13-14). Theo tiếng Hy Lạp, từ này nghĩa đen là “trở nên tê liệt”. Từ này đến từ hình ảnh con lươn điện làm tê liệt nạn nhân của nó bằng một cú giạt điện. Phần thân thể bị tê liệt sẽ là một gánh nặng đối với nạn nhân. Phao-lô đã không dùng mảnh khoẻ xảo quyệt nào để đánh úp các tín hữu, tấn công hay cướp bóc họ. Trong sự rao giảng Phúc Âm và sự giải quyết tài chính của ông, ông tỏ ra công khai và thành thật.

Trong những chuyến đi của tôi, tôi đã chứng kiến những hoàn cảnh trong các Hội Thánh địa phương làm tan vỡ lòng tôi. Tôi đã thấy những hội chúng bày tỏ ít hoặc không bày tỏ sự đánh giá đúng đắn đối với các mục sư trung tín đã khổ nhọc một cách hy sinh để thấy Hội Thánh phát triển. Một vài người trong số những người này đã được trả lương quá thấp và đã làm việc quá sức, vậy mà các Hội Thánh dường như không có tình yêu thương nào dành cho họ. Tuy nhiên, những người kế tục họ đã được đối xử như những vị vua! Chắc chắn tại Toà Án của Đấng Christ, các sổ sách sẽ được cân bằng.

Có lần tôi nghe Tiến sĩ W. A. Criswell kể về cặp vợ chồng truyền giáo trung tín đã trở về nước Mỹ trên cùng chiếc tàu đưa Teddy Roosevelt trở về nhà từ một cuộc hành trình đường bộ ở Châu Phi. Nhiều phóng viên và các nhà nhiếp ảnh có mặt trên bến tàu, chờ gặp Roosevelt để phỏng vấn và chụp hình ông ta nhưng không ai có thể sẵn sàng tiếp đón các nhà truyền giáo trở về, những người đã hiến cuộc đời mình để hầu việc Đấng Christ tại Châu Phi.

Tôi hôm ấy, trong căn phòng giản dị của khách sạn cặp vợ chồng này hỏi tường về việc họ đến thành phố Nữ ược và người chồng có một chút cay đắng. Ông nói với vợ: “Thật chẳng công bằng. Ông Roosevelt trở về nhà từ một chuyến đi săn, và cả quốc gia đi ra đón ông ta. Chúng ta trở về nhà sau những năm phục vụ, và không ai có mặt để chào hỏi chúng ta cả.”

Nhưng vợ ông đã có câu trả lời đúng đắn: “Minh ạ, chúng ta vẫn chưa về nhà.”

Phao-lô đã trình bày 2 chứng cứ chứng minh tình yêu của ông đối với các tín hữu Cô-rinh-tô sự ghen tuông của ông vì Hội Thánh, bảo vệ họ khỏi “sự không trung tín về thuộc linh” và lòng rộng rãi của ông đối với Hội Thánh – từ chối nhận sự tiếp trợ của họ. Ông chia sẻ phần chứng cứ thứ 3.

3. Sự lo lắng của ông đối với Hội Thánh (IICo 11:16-33)

Chìa khoá cho phân đoạn dài này là c.28, có thể được diễn đạt: “Vâng, tôi đã trải qua nhiều thử thách, nhưng thử thách lớn nhất trong tất cả, gánh nặng nhất trong tất cả là sự quan tâm của tôi đối với các Hội Thánh!” Từ được dịch là “sự lo lắng” có nghĩa “áp lực, tâm trạng căng thẳng, băn khoăn”. Những từng trải khác có tính chất bên ngoài (từ bên ngoài) và xảy ra không thường xuyên, nhưng gánh nặng về những Hội Thánh có tính chất bên trong và không dứt.

Herry Ward Beecher đã nói “chúng ta không bao giờ biết tình yêu của cha mẹ đối với mình cho đến khi chúng ta đã trở thành cha mẹ và ông đã đúng. Khi đưa con trai lớn của chúng tôi còn nhỏ, nó đã đẩy một đồ chơi vào ổ điện và bị “hết xăng” qua bên kia phòng. Một ngày gần đây nó phát hiện đứa con nhỏ của nó đang chơi với ổ điện, và phản ứng dữ dội của người cha gần như làm hoảng sợ đứa nhỏ chưa tròn 1 tuổi. Nó nói với tôi qua điện thoại: “Bây giờ con biết ba và mẹ cảm giác ra sao khi con còn nhỏ. Làm cha mẹ có những nỗi lo sợ cũng như những niềm vui mừng.”

Trước khi liệt kê những loại thử thách khác nhau đã trải qua, Phao-lô cẩn thận giải thích lý do ông “khoe mình” trong phương diện này. Phao-lô chưa bao giờ có bất cứ vấn đề nào khi khoe mình về Đấng Christ và kể lại những sự chịu khổ của Ngài, nhưng ông luôn do dự khi nói về những từng trải đau đớn của riêng mình với tư cách một tông đồ của Đức Chúa Trời. Phao-lô và Giăng Báp-tít có lẽ đã đồng ý “Ngài (Đấng Christ) phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (Gi 3:30). “Nhưng ai hãnh diện, hãy để người ấy hãnh diện trong Chúa” (ICo 10:17).

Chính thái độ không trưởng thành và thiếu thuộc linh của các tín hữu Cô-rinh-tô đã buộc Phao-lô phải viết về chính ông và “hãnh diện” (khoe mình) trong những từng trải này. Ông đã bắt đầu phân đoạn này (11:1) bằng cách xin lỗi về sự khoe mình của ông, và ông nhắc lại cảm xúc này trong c.16. Trong c.17, Phao-lô không phủ nhận sự linh cảm trong những lời nói của ông đúng hơn bởi việc khoe mình ông đã thừa nhận rằng, ông thật không giống Chúa (10:1). Tuy nhiên, ông đã phải làm điều đó để chứng minh tình yêu của ông đối với các tín hữu Cô-rinh-tô và bảo vệ họ khỏi những ai dẫn họ đi lạc lối.

Trước hết, các giáo sư giả đã chẳng hổ thẹn để khoe khoang, và các tín hữu Cô-rinh-tô không ngại tiếp nhận sự khoe khoang của họ, Phao-lô dường như muốn nói: “Vì sự khoe khoang là “môt” trong mỗi thông công của anh em, vậy tôi sẽ khoe mình.” Có thể Phao-lô đã nhớ nguyên tắc của Ch 26:15 “Hãy đáp với kẻ ngu si tùy sự ngu dại nó, kéo nó khôn ngoan theo mắt nó chẳng.”

Hơn nữa, Phao-lô đã khoe mình để ông có thể giúp đỡ Hội Thánh trong khi các giáo sư giả đã khoe khoang để họ có thể giúp bản thân đối với những điều họ có thể đoạt của Hội Thánh. Động cơ của Phao-lô thanh khiết động cơ của họ đầy tư kỷ. Câu 20 liệt kê những phương diện khác nhau mà những người theo Do Thái giáo đã lợi dụng Hội Thánh:

- Sự trói buộc: Họ dạy một giáo lý về chủ nghĩa luật pháp trái ngược với Phúc Âm của ân điển.

- Ăn ngấu nghiến: Họ “nuốt” mọi thứ họ có thể dành được trong Hội Thánh họ lợi dụng đặc quyền nhận sự ủng hộ về tài chính.

- Bon rút của anh em: “lừa gạt anh em”, khiến anh em bị lừa. Hình ảnh này là hình ảnh một con chim bị mắc trong bẫy hoặc con cá bị mắc vào cần câu. “Họ gài bẫy anh em và bắt giữ anh em.”

- Đề cao: Họ đề cao bản thân, không phải Chúa Giê-xu họ thích được tôn trọng và được đối xử như những lãnh đạo vĩ đại.

- Sĩ vả anh em: Điều này có lẽ chỉ về những sự tấn công bằng lời nói hơn là sức mạnh của thân thể những người theo Do Thái giáo đã không ngần ngại “vả trên mặt họ” và làm họ bề bàng giữa mọi người.

Phao-lô kết thúc sự phơi trần này về những thái độ và hành động không thuộc linh của những người theo Do Thái giáo bằng cách đem vào một chút “mía mai đầy cảm hứng” hơn nữa: “Tôi lấy làm hổ thẹn thừa nhận rằng chúng tôi quá yếu đuối về điều đó!” (11:21) Những

tín hữu Cô-rinh-tô nghĩ rằng sự nhu mì của Phao-lô là sự yếu đuối, trong lúc đó thật sự là sức mạnh. Và họ cho rằng sự ngạo mạn của những người theo Do Thái giáo là sức mạnh. Lúc các thánh đồ này có thể trở nên khờ dại biết bao.

Khi nói về di sản Do Thái, các giáo sư giả ngang bằng với Phao-lô, nhưng khi nói về nhiệm vụ đối với Đấng Christ, chính Phao-lô là “sứ đồ siêu hạng” chứ không phải những người theo Do Thái giáo. Hãy suy ngẫm những gì Phao-lô đã chịu đựng vì sự nghiệp của Đấng Christ và sự quan tâm đối với các Hội Thánh.

- *Sự chịu khổ vì Đấng Christ*: (II Co 11:23-25a). Nếu Phao-lô đã không phải là một sứ đồ, có lẽ ông đã không trải qua những thử thách này. Ông đã nhận “những đòn vọt quá chừng” từ phía người ngoại lẫn người Do Thái. Ba lần người ngoại đánh ông bằng roi, và 5 lần ông bị người Do Thái quất 39 roi. Chỉ 1 lần đánh đòn được chép trong sách (Cong 16:22) cũng như một lần ném đá (14:19).

Từ lúc khởi đầu chức vụ, Phao-lô biết rằng ông sẽ chịu khổ vì có Chúa Giê-xu (Cong 9:15-16), và Đức Chúa Trời khẳng định lại điều này với ông khi chức vụ của ông được tiếp tục (Cong 20:23). Ông là người đã khiến người khác chịu khổ vì đức tin họ, chính ông phải chịu khổ vì đức tin mình.

- *Những hoạn nạn tự nhiên* (c.25b-27). Hầu hết bất cứ người đi lại nào thời đó cũng có thể trải qua một trong những hoạn nạn này, nhưng chúng ta không thể không tin rằng những hoạn nạn đó do kẻ thù gây ra để cố ngăn trở công việc Chúa. Cong 27:1-44 ghi lại 1 trong 3 nạn đắm tàu. Chúng ta không biết gì về 2 vụ đắm tàu còn lại. Chúng ta không biết Phao-lô đã mất bao nhiêu của cải quý giá riêng trong trường hợp này.

Vì luôn di chuyển, Phao-lô đã bị đặt vào những hiểm họa của việc đi lại. Những người theo Do Thái giáo đã thăm viếng những nơi an toàn, Phao-lô đã thực hiện những hành trình đến những nơi khó khăn. Nhưng Phao-lô không phải là khách du hành bình thường: Ông là một người đáng chú ý. Ông có kẻ thù giữa dân Do Thái và dân ngoại, và một số người có lẽ thích giết ông.

II Co 11:27 mô tả những hậu quả riêng của sự đi lại khó khăn này. Trong chức vụ lưu hành của mình tôi đã có tiện nghi của những chiếc xe hơi và máy bay, nhưng tôi phải thú nhận rằng chuyến đi làm tôi rã rời. Chuyến đi này đối với Phao-lô khó khăn hơn đường nào! Chắc chắn ông đầy rã rời và đau đớn. Ông thường phải nhịn ăn, nhịn uống, mất ngủ, và đôi khi thiếu quần áo để giữ ấm cho mình.

Trong khi bất cứ khách du hành nào khác có thể đã chịu đựng những điều này, Phao-lô đã chịu đựng những điều đó vì tình yêu của ông đối với Đấng Christ và Hội Thánh. Gánh nặng lớn nhất không phải ở xung quanh ông, nhưng ở trong ông: Sự quan tâm đến tất cả các Hội Thánh. Tại sao ông quan tâm nhiều như vậy? Vì ông đã đồng nhất hoá với các Cơ Đốc nhân (c.29). Bất cứ điều gì xảy ra cho “con cái ông” đều đụng đến tâm lòng ông và ông đã không thể bỏ họ.

Phao-lô đã đưa chuyện kể về những hoạn nạn của ông đến đỉnh điểm bằng cách kể về từng trải ê chề tại Đa-mách, khi ông – sứ đồ cao trọng – đã được đưa lên ra khỏi thành trong một cái giỏ dòn qua tường! (c.32-33). Có ai trong số những người theo Do Thái giáo từng kể một câu chuyện giống như vậy? Dĩ nhiên không! Cả khi Phao-lô tường thuật những hoạn nạn của mình, ông đã cẩn thận để Đấng Christ được vinh hiển, chứ không phải Phao-lô.

Chúng ta không thể đọc những câu này mà không khâm phục lòng can đảm và sự tận tụy của sứ đồ Phao-lô. Mỗi hoạn nạn đã để lại dấu vết trên đời sống ông, nhưng ông cứ ra đi, cứ

hầu việc Đấng Christ. “Nhưng không điều nào trong những điều này lay chuyển tôi, tôi cũng chẳng kể sự sống mình làm quý” (Cong 20:24).

Phao-lô chắc hẳn đã chứng minh tình yêu của ông đối với Hội Thánh.

Giờ đây Hội Thánh phải chứng minh tình yêu của họ đối với Phao-lô.

Nguyên chúng ta không bao giờ xem nhẹ những hy sinh mà người khác đã làm hầu cho chúng ta có thể vui hưởng những phước hạnh của Phúc Âm hôm nay.

11. MỘT NHÀ TRUYỀN ĐẠO TRONG BA-RA-ĐI (II Co 12:1-10)

Phân đoạn này là cao điểm sự bệnh vực của Phao-lô về chức sứ đồ của ông và tình yêu của ông đối với tín hữu thành Cô-rinh-tô. Ông kín đáo khi viết về những từng trải này của bản thân, nhưng không có cách nào khác để giải quyết vấn đề. Thật ra, để tránh đề cao bản thân, Phao-lô đã mô tả từng trải của ông trong ngôi thứ ba hơn là ngôi thứ nhất. Ông chia sẻ với độc giả của mình 3 kinh nghiệm từ Đức Chúa Trời.

1. Vinh hiển: Đức Chúa Trời ưu ái ông (II Co 12:1-6)

Những người Do Thái giáo nôn nóng nhận những vinh dự, và họ khoe khoang về những “thư gửi gắm” của họ (3:1). Nhưng Phao-lô không tìm kiếm vinh dự từ con người ông để Đức Chúa Trời ưu ái ông vì chỉ có điều đó là vinh dự thật sự có giá trị.

Trước tiên, Đức Chúa Trời ưu ái Phao-lô bằng cách cho ông những khái tượng và những sự mạc khải. Phao-lô đã nhìn thấy Đấng Christ vinh hiển vào chính ngày ông trở lại đạo (Cong 9:3 22:6). Ông nhìn thấy một khái tượng về A-na-nia đến giúp đỡ ông (9:2), và ông cũng có một khái tượng từ Đức Chúa Trời khi được gọi thi hành chức vụ đối với dân ngoại (22:17).

Suốt chức vụ, ông đã có những khái tượng từ Đức Chúa Trời để dẫn dắt và khích lệ ông. Chính bởi một khái tượng mà ông đã được kêu gọi đến xứ Ma-xê-đoan (16:9). Khi chức vụ trở nên khó khăn tại Cô-rinh-tô, Đức Chúa Trời đã yên ủi Phao-lô bằng một khái tượng (18:9-10). Sau khi bị bắt ở Giê-ru-sa-lem, Phao-lô một lần nữa, được yên ủi bằng một khái tượng từ Đức Chúa Trời (23:11). Một thiên sứ đã hiện ra cho ông giữa cơn bão và cho ông biết chắc rằng ông và những hành khách sẽ được cứu (27:23).

Cặp theo những khái tượng đặc biệt này có liên quan đến sự kêu gọi và chức vụ của ông, những sự mạc khải thuộc linh về chân lý trên trời cũng được thông tin cho Phao-lô (Eph 3:1-6). Đức Chúa Trời đã ban cho ông sự hiểu biết thâm sâu về kế hoạch của Đức Chúa Trời đối với thời đại hiện tại này. Chắc chắn Phao-lô đã hiểu những sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời cũng đã ưu đãi Phao-lô bằng cách đưa ông lên trời và rồi trả ông trở lại đất. Từng trải kỳ diệu này đã xảy ra 14 năm trước khi ông viết bức thư này, nghĩa là vào khoảng năm 43 SC. Đây là khoảng thời gian trong cuộc đời Phao-lô giữa sự kiện ông đi đến đất Tạt-sơ (Cong 9:30) và cuộc thăm viếng của ông từ Ba-na-ba (11:25-26). Không có sự ghi chép nào về những chi tiết của sự kiện này và suy đoán là điều vô ích đối với chúng ta.

Các thầy dạy đạo Do Thái quen nói về mình qua người thứ 3, và Phao-lô sử dụng cách tiếp cận đó khi ông bày tỏ kinh nghiệm này cho bạn hữu (và kẻ thù) ông tại Cô-rinh-tô. Từng trải này kỳ diệu đến nỗi Phao-lô không thật biết chắc Đức Chúa Trời có đưa ông lên trời trong thân thể, hay linh hồn ông có lia thể xác hay không. (Có một sự tương phản hoàn toàn giữa tình trạng “được dòng xuống” trong một cái giỏ và “được đem lên” đến tầng trời thứ 3!). Ở đây Phao-lô khẳng định sự thực hữu của thiên đàng và khả năng Đức Chúa Trời đem con người đến đó. Tầng trời thứ 3 chính là “Ba-ra-đi”, tầng trời trên các tầng trời nơi Đức Chúa Trời ngự trong vinh hiển. Nhờ khoa học hiện đại, con người ngày nay đã tham quan trời của

các tầng mây (chúng ta bay trên những đám mây) và tầng trời của các hành tinh (con người đã đi trên mặt trăng), nhưng con người không thể đến được thiên đàng của Đức Chúa Trời nếu không có sự giúp đỡ của Ngài.

Điều thú vị đó là Phao-lô đã giữ yên lặng về từng trải này trong 14 năm! Suốt những năm đó, ông đã bị đau đớn bởi ‘cái giằm xóc vào thịt’ và có lẽ người ta thắc mắc lý do ông bị sự khốn khổ nặng nề dường ấy. Những người theo Do Thái giáo có lẽ đã sử dụng quan điểm của những người an ủi Gióp và nói ‘sự khốn khổ này là hình phạt của Đức Chúa Trời’ (thật sự, đó là sự ban cho từ Đức Chúa Trời). Một số bạn hữu của Phao-lô có lẽ đã cố yên ủi ông bằng cách nói “Hỡi Phao-lô, hãy vui lên đi. Ngày kia anh sẽ ở trong thiên đàng!” Phao-lô có thể đã đáp lại: “Đó là lý do tôi có cái giằm này. Tôi đã đến thiên đàng rồi!”

Đức Chúa Trời ưu đãi Phao-lô bằng cách ban cho ông những khái tượng cùng những sự mạc khải, và bằng cách đem ông lên trời nhưng Ngài đã ưu đãi ông hơn nữa bằng cách cho phép ông nghe “những lời không thể nói ra” trong khi ông ở trong thiên đàng. Những điều này có thể đã được Đức Chúa Trời và các loài thọ tạo trên trời nói ra, nhưng những điều ấy không thể được con người nói

Phải chăng những người theo Do Thái giáo đã có thể liên hệ đến bất cứ từng trải nào giống như vậy? Ngay cả Môi-se, con người mật thiết với Đức Chúa Trời, đã gặp Chúa trên đỉnh núi nhưng Phao-lô đã gặp Chúa trong nơi Ba-ra-đi. Phao-lô đã thực hành kỷ luật thuộc linh cao trọng suốt 14 năm đó, vì ông đã không kể kinh nghiệm này cho ai. Không còn gì nghi ngờ rằng khái tượng này về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là một trong những quyền năng tôn tại trong đời sống và chức vụ của Phao-lô. Cho dù ông hiện diện nơi đâu – trong ngục tù, trong nơi sâu thẳm, trong những hành trình nguy hiểm – ông biết rằng Đức Chúa Trời ở cùng ông và mọi sự đều tốt đẹp.

Bạn và tôi sẽ không đến thiên đàng cho đến khi chúng ta qua đời hay đến khi Chúa chúng ta tái lâm. Nhưng chúng ta có một sự yên ủi kỳ diệu trong sự kiện mà chúng ta hôm nay được ngồi với Đấng Christ trong các nơi trên trời (Eph 2:6). Chúng ta có một địa vị thuộc quyền hạn và sự chiến thắng “trên hết mọi sự” (Eph 2:21-22). Trong khi chúng ta chưa nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời như Phao-lô đã thấy, chúng ta thật sự dự phần sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ngay bây giờ (Gi 17:22) và một ngày kia chúng ta sẽ bước vào thiên đàng và ngắm xem sự vinh hiển của Đấng Christ (c.24).

Một sự ưu đãi dường ấy có lẽ đã khiến đa số người rất kiêu ngạo. Thay vì giữ yên lặng 14 năm, họ sẽ lập tức kể cho thế gian biết và trở nên nổi tiếng. Nhưng Phao-lô đã không trở nên kiêu ngạo. Ông đơn giản kể sự thật – đó không phải là sự khoe khoang rỗng tuếch – và hãy chỉ để những sự thật nói cho chúng. Mỗi quan tâm lớn của ông là không ai cướp của Đức Chúa Trời sự vinh hiển và dành cho Phao-lô. Ông muốn người khác có sự đánh giá thành thật về bản thân ông và việc làm của ông (xem Ro 12:3).

Làm sao Phao-lô đã có thể có một từng trải cao trọng như thế mà vẫn khiêm nhường? Vì từng trải thứ 2 Đức Chúa Trời đã đem đến cho đời sống ông.

2. Phước lành: Đức Chúa Trời khiến ông khiêm nhường (II Co 12:7-8)

Chúa biết cách quân bình đời sống chúng ta. Nếu chúng ta chỉ có những hạnh phúc chúng ta có thể trở nên kiêu ngạo vì vậy Ngài cũng cho phép chúng ta có những gánh nặng. Từng trải cao trọng của Phao-lô nơi thiên đàng có thể làm hỏng chức vụ của ông trên đất nên trong ơn lành, Đức Chúa Trời đã cho phép Sa-tan hành hại Phao-lô để giữ ông khỏi trở nên kiêu ngạo.

Điều bí ẩn về sự chịu khổ của con người sẽ không được giải quyết hoàn toàn trong đời này. Đôi lúc chúng ta chịu khổ chỉ vì chúng ta là con người. Thân thể chúng ta thay đổi khi chúng ta trở nên già hơn và chúng ta dễ bị ảnh hưởng bởi những vấn đề bình thường của cuộc sống. Cùng một thể xác mà có thể đem đến cho chúng ta những vui thoả, cũng có thể đem cho chúng ta những đau đớn. Cùng những thành viên gia đình và bạn bè đã đem lại sự vui thoả cho chúng ta, cũng có thể khiến ta nát lòng. Đây là một phần trong “hài kịch của con người” và lối duy nhất để thoát ra là trở nên thấp kém hơn con người. Nhưng không ai muốn chọn con đường ấy.

Đôi lúc chúng ta chịu khổ do đại dột và bất tuân đối với Chúa. Sự chống nghịch của chính chúng ta có thể làm khổ chúng ta, hoặc Chúa có thể thấy thích hợp để sửa phạt chúng ta trong tình yêu của Ngài (He 12:3). Vua Đa-vít đã chịu khổ sở nhiều vì tội lỗi ông những hậu quả thật đau đớn và sự sửa phạt của Đức Chúa Trời cũng vậy (II Sa 12:1-22 Thi 51:1-19). Trong ân điển Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi chúng ta nhưng trong sự tể trị, Ngài phải để chúng ta gặt những gì mình gieo.

Hoạn nạn cũng là một công cụ được Đức Chúa Trời sử dụng để gây dựng phẩm chất tin kính (Ro 5:1-5). Chắc chắn Phao-lô là một con người giàu phẩm chất Cơ Đốc vì ông để Đức Chúa Trời uốn nắn và khiến ông ở trong những tình huống đau đớn của đời sống mình. Khi đi dọc theo bờ đại dương, bạn để ý thấy những viên đá sắc bén trong những vùng nước yên tĩnh, nhưng được mài nhẵn trong những nơi có các đợt sóng đánh vào chúng. Đức Chúa Trời có thể sử dụng “những con sóng và ba đào” của cuộc đời để đánh bóng chúng ta, nếu chúng ta sẽ đầu phục Ngài.

Cái giẫm xóc trong thịt của Phao-lô được ban cho ông để giữ ông khỏi phạm tội. Những tình huống thuộc linh đầy lý thú – như việc lên trên và trở xuống – có thể thổi phồng cái tôi của con người và sự kiêu ngạo dẫn đến nhiều cám dỗ phạm tội. Nếu lòng Phao-lô đầy dẫy sự kiêu ngạo, 14 năm sau đó có lẽ đã đầy thất bại thay vì thành công.

Chúng ta không biết cái giẫm xóc vào thịt của Phao-lô là gì. Từ được dịch là “cái giẫm” có nghĩa “cọc nhọn dùng để hành hạ hoặc đâm ai”. Đây là hoạn nạn nào đó về thể xác đem đến cho Phao-lô sự đau đớn và khốn khó. Một số nhà nghiên cứu Kinh Thánh nghĩ rằng Phao-lô đã bị bệnh về mắt (Ga 6:11), nhưng chúng ta không thể biết chắc. Thật là điều tốt khi chúng ta không biết, vì cho dù những hoạn nạn của chúng ta có thể ra sao, chúng ta có thể áp dụng những bài học Phao-lô đã học và tìm được sự yên ủi.

Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan làm khổ Phao-lô, giống như Ngài đã cho phép Sa-tan làm khổ Gióp (Gióp 1:1-2:13). Trong khi chúng ta không hiểu đầy đủ nguồn cội của điều ác trong vũ trụ này, hoặc tất cả những mục đích Đức Chúa Trời đã xếp đặt khi Ngài cho phép điều ác xảy đến, chúng ta thật sự biết rằng Đức Chúa Trời kiểm soát sự ác và có thể sử dụng nó ngay cả cho vinh hiển của chính Ngài. Sa-tan không thể hành động chống lại một Cơ Đốc nhân mà không có sự cho phép của Đức Chúa Trời. Mọi sự mà kẻ thù đã làm cho Gióp và Phao-lô đã được cho phép bởi ý muốn Đức Chúa Trời.

Sa-tan đã được phép hành hại Phao-lô. Từ này nghĩa là “đánh, đập bằng cú đấm tay”. Thì của động từ cho thấy rằng sự đau đớn này có thể thường xuyên hoặc tái đi tái lại. Khi bạn dừng lại đã nghĩ rằng Phao-lô có những bức thư để viết, những chuyến đi phải thực hiện, những bài giảng để rao giảng, những Hội Thánh cần thăm viếng, và những hiểm nguy phải đối diện khi ông thi hành chức vụ, bạn có thể hiểu rằng đây là một vấn đề nghiêm trọng. Không có gì ngạc nhiên khi ông đã cầu nguyện 3 lần (như Chúa ông đã làm trong vườn (Mac 14:32-41) để hoạn nạn có thể được cất khỏi ông (II Co 12:8).

Khi Đức Chúa Trời cho phép hoạn nạn xảy đến với đời sống chúng ta, có nhiều cách chúng ta có thể đối phó với nó. Một số người trở nên cay đắng và oán trách Đức Chúa Trời đã cướp của họ sự tự do cùng sự vui thoả. Những người khác thì “bỏ cuộc” và không nhận được bất cứ phước hạnh nào qua từng trải vì họ sẽ không đặt sự can đảm nào trong từng trải đó. Vẫn có những người khác can đảm và mang một bình phong dũng cảm, quyết định “chịu đựng đến cuối cùng”. Mặc dù đây là một đáp ứng can đảm nhưng nó thường làm họ cạn kiệt năng lực cần thiết cho đời sống hằng ngày và sau một thời gian, họ có thể gục ngã.

Có phải Phao-lô đã phạm tội khi ông cầu xin được giải thoát khỏi sự hành hại của Sa-tan? Tôi không nghĩ thế. Đó chắc chắn là một điều bình thường đối với một Cơ Đốc nhân cầu xin Đức Chúa Trời để được sự giải cứu khỏi bệnh tật và đau đớn. Đức Chúa Trời đã không bị buộc phải chữa lành mọi Cơ Đốc nhân mỗi khi người ấy cầu xin nhưng Ngài khích lệ chúng ta đem những gánh nặng và những nhu cầu đến cho Ngài. Phao-lô đã không biết “cái giằm xóc vào thịt” này có phải là sự thử nghiệm tạm thời của Đức Chúa Trời hay không, hay là một từng trải không dứt mà ông sẽ phải học để sống với nó.

Có những người muốn chúng ta tin rằng một Cơ Đốc nhân bị hoạn nạn là một sự sỉ nhục cho Đức Chúa Trời. Họ nói: “Nếu bạn vâng lời Chúa và nắm giữ mọi điều bạn có trong Đấng Christ, vậy bạn sẽ chẳng bao giờ bệnh hoạn.” Tôi chưa bao giờ thấy sự dạy dỗ đó trong Kinh Thánh – Đúng là Đức Chúa Trời đã hứa với dân Do Thái phước hạnh và sự bảo vệ đặc biệt dưới thời Cựu Ước (Phu 7:12), nhưng Ngài không bao giờ hứa với các tín hữu thời Tân Ước sự tự do khỏi bệnh tật hay hoạn nạn. Nếu Phao-lô đã có cơ hội đến gần “sự chữa lành tức thời” vì mối liên hệ của ông với Đấng Christ, vậy tại sao ông đã không sử dụng nó cho bản thân mình và cho người khác, như Ép-ba-phô-đích chẳng hạn? (Phi 2:25).

Thật là một sự tương phản giữa 2 từng trải của Phao-lô! Phao-lô đã đi từ thiên đàng đến sự đau đớn, từ vinh hiển đến hoạn nạn. Ông đã ném phước hạnh của Đức Chúa Trời trong thiên đàng và rồi cảm biết sự hành hại của Sa-tan trên đất. Ông đã đi từ trạng thái cực kỳ sung sướng đến sự đau khổ, tuy nhiên 2 từng trải này thích hợp với nhau. Một từng trải của ông về sự vinh hiển đã chuẩn bị cho ông sự từng trải dai dẳng về hoạn nạn, vì ông biết rằng Đức Chúa Trời có thể đáp ứng nhu cầu của ông. Phao-lô đã đi đến thiên đàng, nhưng sau đó ông biết rằng thiên đàng có thể đến với ông.

3. Ân điển: Đức Chúa Trời đã giúp đỡ ông (II Co 12:9-10)

Hai sứ điệp có liên quan trong từng trải đau đớn này. Cái giằm xóc vào thịt là sứ điệp của Sa-tan nhưng Đức Chúa Trời đã có một sứ điệp khác cho ông, sứ điệp về ân điển. Thì của động từ trong c.9 là quan trọng: “Và Ngài đã phán với tôi một lần đủ cả” Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô một sứ điệp luôn ở cùng ông. Những lời Phao-lô đã nghe trong khi ở thiên đàng, ông đã không được phép chia sẻ với chúng ta nhưng ông thật đã chia sẻ những lời Đức Chúa Trời ban cho ông trên đất – và những lời ấy thật là một sự yên ủi.

Đó là một sứ điệp về ân điển. Ân điển là gì? Đó là sự định liệu của Đức Chúa Trời cho mọi nhu cầu của chúng ta khi chúng ta cần. Có thể nói rằng Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài ban cho chúng ta những điều chúng ta không xứng đáng và trong sự thương xót Ngài không ban cho chúng ta những điều chúng ta đáng nhận. Có người nào đó đã làm một câu thơ chữ đầu về từ ‘ân điển’ (grace): God’s Riches Available at Christ’s Expense” (Của cải của Đức Chúa Trời có được do sự chi trả của Đấng Christ). “Và bởi sự đầy dẫy của Ngài mà chúng ta đều có nhận được và ơn càng thêm ơn”(Gi 1:16).

Đó là một sứ điệp về ân điển đầy đủ. Không bao giờ có sự thiếu hụt về ân điển. Đức Chúa Trời chu cấp đủ cho những chức vụ thuộc linh (II Co 3:4-6) và những nhu cầu vật chất của

chúng ta (9:8) cũng như những nhu cầu về thể chất của chúng ta (12:9). Nếu ân điển Đức Chúa Trời đủ để cứu chúng ta, chắc chắn nó đủ để giữ chúng ta và làm mạnh mẽ chúng ta trong giờ hoạn nạn của chúng ta.

Đó là một sứ điệp về ân điển ban năng lực. Đức Chúa Trời cho phép chúng ta trở nên yếu đuối để chúng ta có thể nhận năng lực của Ngài. Đây là một tiến trình liên tục: “Sức mạnh nào tự biết mình là mạnh thì thật là sự yếu đuối, nhưng sự yếu đuối nào biết chính nó là sự yếu đuối thì thật là sức mạnh.”

Trong đời sống Cơ Đốc, chúng ta nhận được nhiều phước hạnh qua sự biến đổi, chứ không phải sự thay thế. Khi Phao-lô cầu nguyện 3 lần để sự đau đớn của ông được cất đi, ông cầu xin Chúa một sự thay thế: “Xin hãy ban cho con sức khoẻ thay cho bệnh hoạn, sự giải cứu thay cho sự đau đớn và yếu đuối.” Đôi khi Đức Chúa Trời thật sự đáp ứng nhu cầu bằng sự thay thế nhưng lúc khác Ngài đáp ứng nhu cầu bằng sự biến đổi. Ngài không cất đi hoạn nạn, nhưng Ngài ban cho ta ân điển Ngài hầu cho hoạn nạn xảy đến có ích cho chúng ta chứ không nghịch lại chúng ta.

Khi Phao-lô cầu nguyện về vấn đề của ông, Đức Chúa Trời ban cho ông một nhận thức sâu sắc hơn trong việc ông đang làm. Phao-lô học biết rằng cái giẫm xóc vào thịt của ông là sự ban cho từ Đức Chúa Trời. Thật là một sự ban cho kỳ lạ! Chỉ có một việc để Phao-lô làm: tiếp nhận sự ban cho từ Đức Chúa Trời và để Đức Chúa Trời hoàn thành những mục đích của Ngài. Đức Chúa Trời muốn giữ Phao-lô khỏi tình trạng “được đề cao quá mức” và đây là cách Ngài hoàn thành điều đó.

Khi Phao-lô tiếp nhận hoạn nạn như sự ban cho của Đức Chúa Trời, điều này khiến ân điển Đức Chúa Trời có thể khởi sự hành động trong đời sống ông. Chính khi đó Đức Chúa Trời phán với Phao-lô và ban cho ông sự biết chắc về ân điển Ngài. Mỗi khi bạn trải qua hoạn nạn, hãy dành thêm thời gian trong lời Đức Chúa Trời và bạn có thể biết chắc Đức Chúa Trời sẽ phán với bạn – Ngài luôn có một sứ điệp đặc biệt cho con cái Ngài lúc họ bị hoạn nạn.

Đức Chúa Trời đã không ban cho Phao-lô sự giải thích nào thay vào đó, Ngài ban cho ông một lời hứa: “Ân điển ta đủ cho ngươi rồi”. Chúng ta không sống nhờ vào những lời giải thích chúng ta sống nhờ những lời hứa. Cảm xúc của chúng ta thay đổi, nhưng những lời hứa của Đức Chúa Trời chẳng bao giờ thay đổi. Những lời hứa tạo ra đức tin, và đức tin củng cố hy vọng.

Phao-lô đã nắm giữ lời hứa Đức Chúa Trời và sử dụng ân điển dành cho mình, điều này đã biến điều có vẻ là bi kịch trở nên đắc thắng. Đức Chúa Trời đã không thay đổi hoàn cảnh bằng cách cất đi sự hoạn nạn Ngài thay đổi nó bằng cách thêm vào một thành phần mới: ân điển. Đức Chúa Trời của chúng ta là “Đức Chúa Trời ban mọi ơn” (I Phi 5:10) và cái giẫm của Ngài là “cái giẫm của ân điển” (He 4:16). Lời của Đức Chúa Trời là “Lời của ân điển Ngài” (Cong 20:32) và lời hứa là “Ngài ban thêm ơn” (Gia 4:6). Cho dù chúng ta nhìn ơn ấy cách nào đi nữa, Đức Chúa Trời thoả đáng cho mọi nhu cầu chúng ta có.

Nhưng Đức Chúa Trời không ban cho chúng ta ân điển Ngài đơn giản để chúng ta có thể “chịu đựng” những hoạn nạn của mình. Ngay cả những người không quy đạo có thể bày tỏ sự chịu đựng lớn. Ân điển Đức Chúa Trời phải giúp chúng ta có thể vượt lên trên mọi hoàn cảnh cùng cảm xúc của mình và khiến những hoạn nạn của chúng ta làm lợi cho chúng ta trong việc hoàn thành những điều tốt tích cực. Đức Chúa Trời muốn gây dựng tính cách chúng ta để chúng ta càng giống Đấng Christ hơn. Ân điển của Đức Chúa Trời không những đã có thể giúp Phao-lô chấp nhận những hoạn nạn của ông, nhưng còn giúp ông hãnh diện trong những

hoạn nạn ấy. Hoạn nạn của ông không phải là một bạo chúa cai trị ông, nhưng là một tội tớ giúp việc cho ông.

Những lợi ích nào Phao-lô đã nhận được do sự chịu khổ của ông? Trước hết, ông đã kinh nghiệm quyền năng của Đấng Christ trong đời sống mình. Đức Chúa Trời đã biến đổi sự yếu đuối của Phao-lô ra sức mạnh. Từ được dịch là “nghỉ ngơi” có nghĩa “căng trọi lên”. Phao-lô nhìn thấy thân thể ông như một nhà trại mỏng manh (II Co 5:1), nhưng vinh hiển Đức Chúa Trời đã đến trong nhà trại ấy và biến đổi nó thành một đền tạm thánh.

Một điều khác xảy đến với Phao-lô: ông đã có thể hãnh diện về những yếu đuối của mình. Điều này không có nghĩa là ông thích sự đau đớn hơn sức khoẻ, nhưng đúng hơn là ông biết cách chuyển những yếu đuối của mình thành tài sản. Điều gì đã tạo nên sự khác biệt này? Ân điển của Đức Chúa Trời và vinh hiển của Đức Chúa Trời. Ông “vui sướng” trong những thử thách và nan đề này, không phải vì ông mất cân bằng về mặt tâm lý và vui hưởng sự đau đớn nhưng do ông muốn chịu khổ vì có Đấng Christ. Ông muốn ngợi khen Đức Chúa Trời bằng cách chấp nhận và đối phó những từng trải khốn khó của đời sống.

P. T. Forsyth đã viết “câu nguyện cho sự thay đổi của tình trạng đau đớn là điều lớn hơn sự cất bỏ nó” và điều này đúng. Phao-lô đã dành chiến thắng không phải bởi sự thay thế, nhưng bởi sự biến đổi. Ông đã khám phá sự đầy đủ của ân điển Đức Chúa Trời.

Từ kinh nghiệm của Phao-lô, chúng ta có thể học nhiều bài học thực tiễn:

1. Đối với Cơ Đốc nhân nhiệt thành, những điều thuộc linh quan trọng hơn nhiều so với những điều thuộc thể. Điều này không cho rằng chúng ta phớt lờ những điều thuộc thể, vì thân thể chúng ta là đền thờ của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Nhưng điều này có nghĩa là chúng ta cố gắng đừng làm cho thân thể mình thành một cứu cánh trong chính chúng. Chúng là những công cụ của Đức Chúa Trời để hoàn thành công việc Ngài trong thế gian này. Điều Đức Chúa Trời thực hiện trong việc phát triển tính cách Cơ Đốc của chúng ta có giá trị hơn nhiều so với sự chữa lành thuộc thể mà không có tính cách.

2. Đức Chúa Trời biết cách cân bằng gánh nặng và phước hạnh, hoạn nạn và vinh hiển. Đời sống là cái gì đó giống như một phương thuốc. Các thành phần đặc thù có thể gây tổn thương chúng ta, nhưng khi được hoà lẫn đúng mức, chúng giúp ích cho ta.

3. Không phải mọi bệnh tật đều do tội lỗi gây ra. Lý luận của những người an ủi Gióp cho rằng Gióp đã phạm tội, và đó là lý do ông bị hoạn nạn. Nhưng lý luận của họ đã sai trong trường hợp của Gióp, cũng như trong trường hợp của Phao-lô. Có những lúc Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan làm khổ chúng ta hầu cho Đức Chúa Trời có thể hoàn thành mục đích lớn trong đời sống chúng ta.

4. Có một thứ tệ hại hơn bệnh tật, đó là tội lỗi và tội lỗi tệ hại nhất trong mọi tội lỗi là sự kiêu ngạo. Người mạnh khoẻ nào chống lại Đức Chúa Trời thì ở trong hình dạng tệ hại hơn người bị hoạn nạn đang đầu phục Đức Chúa Trời và vui hưởng ân điển Ngài. Chính là một nghịch lý – một bằng chứng về quyền tể trị của Đức Chúa Trời – rằng Đức Chúa Trời đã sử dụng Sa-tan, kẻ kiêu ngạo nhất trong mọi loài, để giúp giữ cho Phao-lô khiêm nhường.

5. Hoạn nạn thuộc thể không hẳn phải là một trở ngại đối với sự hầu việc Cơ Đốc hữu hiệu. Các thánh đồ ngày nay rất có khuynh hướng buông thả mình và dùng mọi đau bệnh hay đau khổ nhỏ làm cớ để vắng mặt khỏi Hội Thánh hoặc từ chối nhận những cơ hội hầu việc. Phao-lô đã không để cho cái giẫm xóc vào thịt của ông trở nên một chướng ngại vật. Thật ra, ông để Đức Chúa Trời biến đổi cái giẫm đó trở thành một bàn đạp.

6. Chúng ta có thể luôn yên nghỉ nơi lời Đức Chúa Trời. Ngài luôn có một sứ điệp về sự yên ủi cho chúng ta trong giờ thử thách và hoạn nạn.

Madame Guyon nhà thần bí nổi tiếng người Pháp có lần đã viết cho một người bạn bị hoạn nạn: “Ồ giá mà bạn biết quyền năng nào có trong một nỗi đau buồn được chấp nhận!”

Phao-lô đã biết về quyền năng ấy, vì ông tin cậy ý muốn Đức Chúa Trời và nhờ vào ân điển của Đức Chúa Trời.

Chính quyền năng đó có thể là của bạn hôm nay.

12. BA PHƯƠNG CÁCH ĐỂ SẴN SÀNG (II Co 12:11-13:13)

Khi Phao-lô kết thúc thư, tình yêu lớn của ông đối với các tín hữu Cô-rinh-tô buộc ông thực hiện một sự nài xin sau cùng. Ông đã không muốn chuyến viếng thăm thứ ba của ông đến Hội Thánh của họ là một kinh nghiệm đau buồn thêm cho họ và cho ông. Ông đã mở lòng mình cho họ, giải thích chức vụ của ông, đáp lại những lời tố cáo ông, và thúc giục họ đầu phục lời Đức Chúa Trời cùng vâng theo Chúa. Ông đã có thể nói hay làm gì nữa?

Trong phân đoạn cuối của thư tín, Phao-lô sử dụng 3 phương cách trong sự cố gắng của mình để thúc giục các tín hữu Cô-rinh-tô về sự vâng lời và dự đầu phục.

1. Ông làm họ xấu hổ (II Co 12:11-21)

(II Co 12:11-13). Khi chúng ta còn nhỏ, có bao lần chúng ta nghe câu “thật xấu hổ cho con!” từ một phụ huynh hay một người láng giềng? Thật là một điều tốt khi người ta có thể xấu hổ về những hành động và thái độ xấu xa của mình. Bằng chứng của một tấm lòng cứng cỏi và một lương tâm chai lì là khi một người phạm lỗi không còn cảm thấy xấu hổ. “Họ há lấy làm xấu hổ khi phạm tội gồm ghiếc ư? Không, họ chẳng xấu hổ chút nào, cũng chẳng thẹn đỏ mặt nữa” (Gie 6:15).

Trước tiên, Phao-lô làm các tín hữu Cô-rinh-tô xấu hổ vì họ không có sự khen ngợi (II Co 12:11-13). Lẽ ra họ phải khoe về ông thay vì buộc ông phải khoe mình. Ngược lại, các tín hữu Cô-rinh-tô đã khoe về “các sứ đồ siêu hạng”, những người theo Do Thái giáo đã chiếm tình cảm họ và hiện đang điều hành Hội Thánh họ.

Có phải Phao-lô thấp kém hơn những người này? Không đời nào! Các tín hữu Cô-rinh-tô đã chứng kiến Phao-lô qua hành động, thật ra, họ đã nợ chính những linh hồn của mình đối với ông. Ông đã thực hiện giữa vòng họ những dấu lạ chứng minh chức sứ đồ của ông (He 2:1-4). Ông đã kiên trì trong chức vụ mình tại Cô-rinh-tô bất chấp sự bắt bớ bên ngoài cùng những nan đề bên trong. Ông chẳng làm hao tổn gì cho Hội Thánh. Phao-lô đã sử dụng mìa mai tinh tế của ông một lần nữa khi ông viết “Trừ ra việc tôi chưa bao giờ làm gánh nặng cho anh em, làm sao anh em thấp kém hơn các Hội Thánh khác? Hãy tha thứ cho tôi sự sai lầm này!” (II Co 12:13).

(II Co 12:14-21). Một trong những hiểm họa của đời sống Cơ Đốc là hiểm họa trở nên quen với những phước lành của chúng ta. Một mục sư tin kính hay một giáo viên Trường Chúa nhật có thể làm nhiều điều cho chúng ta đến nỗi chúng ta bắt đầu xem nhẹ chức vụ này. (Công bằng mà nói, tôi phải thừa nhận rằng các mục sư đôi khi phạm lỗi xem nhẹ các thuộc viên Hội Thánh). Thái độ này khiến Phao-lô làm họ xấu hổ vì họ thiếu sự đánh giá đúng đắn (c.14-18).

Bất chấp những khó khăn vướng víu, Phao-lô đã trung tín viếng thăm các tín hữu Cô-rinh-tô, và giờ đây ông sắp thực hiện chuyến viếng thăm thứ ba (13:1). Thay vì biết ơn, các tín hữu Cô-rinh-tô đã chỉ trích Phao-lô về sự thay đổi kế hoạch của ông. Phao-lô đã không nhận sự

trợ giúp nào từ Hội Thánh, nhưng đúng hơn ông đã ban cho Hội Thánh một cách hy sinh vậy mà họ không muốn bày tỏ sự đánh giá đúng đắn của mình bằng cách chia sẻ với người khác. Dường như Phao-lô càng yêu họ, họ càng yêu mến Phao-lô ít hơn! Tại sao? Vì họ đã không có một tình yêu thật thà đối với Đấng Christ (11:3). Phao-lô đã vui lòng “sử dụng và chi tiêu” để giúp đỡ Hội Thánh.

Những người theo Do Thái giáo đã sử dụng những cách xảo quyệt để vơ vét Hội Thánh (4:2) nhưng Phao-lô công khai và không có sự lừa đảo. “Thủ thuật” duy nhất Phao-lô đã áp dụng trên họ là sự chối từ nhận sự trợ giúp về tài chính. Trong việc này, ông đã làm họ ngượng giận để họ không bao giờ có thể cáo ông về việc chỉ quan tâm đến tiền bạc. Không ai trong số những cộng sự mà Phao-lô đã phải đến với họ vơ vét của họ bất cứ cách nào hoặc lợi dụng họ.

Thật là điều bi thảm khi con cái không đánh giá đúng đắn những điều cha mẹ làm cho mình. Cũng là một bi kịch con cái Đức Chúa Trời không đánh giá đúng đắn những điều “cha mẹ thuộc linh” của họ làm cho họ. Điều gì là nguyên nhân của sự thiếu đánh giá đúng đắn này? Phao-lô đề cập đến điều đó trong phân đoạn kế tiếp: thiếu sự thánh hoá (c.19-21). Đã có những tội lỗi gớm ghiếc trong Hội Thánh, nên Phao-lô muốn họ xử đoán và cất bỏ trước khi ông đến thăm viếng. Nếu không, cuộc viếng thăm của ông chỉ sẽ là kinh nghiệm đau buồn khác.

Một số thuộc viên Hội Thánh có lẽ đã nói: “Nếu Phao-lô thăm viếng chúng ta lần nữa, ông ấy chỉ sẽ gây ra thêm những vấn đề!” Phao-lô đã nói rõ rằng ước muốn của ông là giải quyết những vấn đề và củng cố Hội Thánh. Tội lỗi trong Hội Thánh phải được đối diện cách thành thật và giải quyết cách dạn dĩ. “Giấu nếm chúng” là làm cho những vấn đề trở nên tệ hại hơn. Tội lỗi trong Hội Thánh như ung nhọt trong cơ thể con người: nó phải bị cắt bỏ.

Hãy xem xét những tội lỗi Hội Thánh phạm phải, những tội lỗi đáng phải được xưng ra và cất bỏ. Họ phạm tội cãi cọ (tranh luận) vì đố kỵ nhau. Họ có những cơn bùng nổ bất chợt về sự giận dữ (nóng giận). Họ ủng hộ những quan hệ thể xác và những mưu mô trong Hội Thánh (bất hoà), kéo theo những sự nói hành và lời bàn tán xa gần. Mọi điều này sinh ra do sự kiêu ngạo cùng cảm giác cường điệu về sự quan trọng (kiêu ngạo) và dẫn đến sự lộn xộn trong Hội Thánh (hỗn loạn) ICo 12:10. Nếu bạn so sánh phân liệt kê những tội lỗi này với ICo 13:1-13 bạn sẽ thấy rằng có sự thiếu vắng tình yêu thương trong hội chúng.

Cặp theo những “tội lỗi về tâm linh” này (7:1), còn có những tội trọng về xác thịt – ngoại tình và gian dâm (trác táng). Phao-lô đã đề cập những tội này trong ICo 5:1-6:20 nhưng một số kẻ phạm tội vẫn cứ bất tuân. Họ đã để cho đời sống cũ điều khiển trở lại (ICo 6:9-11), thay vì nhường chỗ cho đời sống mới.

Phao-lô đã không nôn nóng dự tính trước chuyến viếng thăm thứ 3. Ông sợ rằng ông sẽ không thấy Hội Thánh như ông muốn. Nhưng ông hứa với họ rằng cho dù ông sẽ bị sỉ nhục và đau lòng (từ này nghĩa là “thương tiếc những người đã chết”), ông vẫn sử dụng quyền hạn của mình để giải quyết êm đẹp mọi sự. Tình yêu của ông dành cho họ quá lớn đến nỗi ông không thể làm ngơ những vấn đề này và để chúng làm suy yếu Hội Thánh.

Các tín hữu Cô-rinh-tô lẽ ra phải xấu hổ, nhưng họ đã không xấu hổ. Để biết chắc mình sẽ làm cho sứ điệp được hiểu rõ, Phao-lô sử dụng phương pháp thứ hai.

2. Ông cảnh cáo họ (IICo 13:1-8)

Ở đây có 2 lời cảnh cáo.

“Hãy sửa soạn chính mình anh em” (IICo 13:1-4). Để đối phó với tội lỗi trong một Hội Thánh địa phương, chúng ta phải có những sự thật chớ không phải những lời đòn đại. Phao-

lô trích dẫn Phu 19:15 và chúng ta cũng tìm thấy những tương đồng trong Dan 35:30 Mat 18:16 cũng như ITi 5:19. Sự hiện diện của các nhân chứng sẽ giúp bảo đảm sự thật về một vấn đề, đặc biệt khi các thuộc viên Hội Thánh có mâu thuẫn với nhau như thế.

Nếu mọi thuộc viên Hội Thánh làm theo những chỉ dẫn được Chúa Giê-xu trình bày trong Mat 18:15-20 họ sẽ tự giải quyết được hầu hết những vấn đề của họ. Tôi đã chứng kiến những bất đồng nhỏ trong một Hội Thánh phát triển thành những vấn đề lớn và phức tạp chỉ vì các tín hữu đã không vâng theo những sự hướng dẫn của Chúa chúng ta. Mục sư và Hội chúng không nên dính líu vào một vấn đề cho đến khi những cá nhân có liên quan thành thật tìm kiếm một giải pháp.

Những người theo Do Thái giáo trong Hội Thánh đã cáo Phao-lô là một con người yếu đuối (IICo 10:7-11). Cách tiếp cận chức vụ của họ nặng nề và độc đoán, trong khi cách tiếp cận của Phao-lô nhẹ nhàng và khiêm nhường (1:24). Giờ đây Phao-lô cho họ biết chắc ông sẽ tỏ với họ ông có thể mạnh mẽ ra sao – nếu đó là điều cần để giải quyết những vấn đề. “Tôi sẽ chẳng dung thứ!” là lời cảnh cáo của ông, và ông đã sử dụng một từ nghĩa là “tha cho trong trận chiến”. Tóm lại, Phao-lô đang tuyên chiến với bất cứ ai chống lại quyền của Lời Đức Chúa Trời.

Những thù địch của Phao-lô đã nói “hãy để Phao-lô chứng minh ông ấy là một sứ đồ thật!” Lời đáp của Phao-lô “giống như Chúa Giê-xu, tôi mạnh mẽ khi tôi dường như yếu đuối”. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã bày tỏ sự yếu đuối, nhưng thập tự giá vẫn là “quyền năng của Đức Chúa Trời (ICo 1:18). Phao-lô đã giải thích phương cách của ông về cuộc chiến thuộc linh (IICo 10:1-6) và báo trước cho độc giả của ông đừng nhìn xem bề mặt của những sự việc, nhưng nhìn sâu hơn.

Theo những tiêu chuẩn của thế gian, cả Chúa Giê-xu và Phao-lô đều yếu đuối, nhưng theo tiêu chuẩn của Chúa, cả 2 đều mạnh mẽ. Chính người giúp việc khôn ngoan và trưởng thành biết khi nào để “yếu đuối” và khi nào để “mạnh mẽ” khi người ấy đối phó với những vấn đề kỹ cương trong Hội Thánh địa phương.

Một người bạn của tôi là mục sư, hiện ở thiên đàng, đã có một thái độ dịu dàng khi chia sẻ trên toà giảng và một cách tiếp cận tương tự trong chức vụ riêng của ông. Sau khi nghe ông giảng, một người đến dự đã nói: “Tôi cứ chờ ông ấy bắt đầu giảng!” Bà đã quen nghe một diễn giả lớn tiếng phát ra nhiều sức nóng hơn là ánh sáng. Nhưng bạn tôi đã gây dựng một Hội Thánh mạnh mẽ vì ông biết những tiêu chuẩn thật cho chức vụ. Ông biết cách “yếu đuối trong Đấng Christ” và cũng biết cách “mạnh mẽ”.

Ngày nay người ta đánh giá chức vụ ra sao? Bởi tài hùng biện mạnh mẽ hay nội dung Kinh Thánh? Bởi cá tính Cơ Đốc hay những điều mà tin tức báo chí nói? Quá nhiều Cơ Đốc nhân chạy theo những tiêu chuẩn thế gian khi họ đánh giá các chức vụ, và họ cần phải chú ý đến những tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời.

“Anh hãy tự xét mình!” (IICo 13:5-8). Phân đoạn này là một ứng dụng của từ “bằng có” mà Phao-lô sử dụng ở IICo 13:3. Phao-lô viết “Anh em đã dò xét tôi, nhưng tại sao anh em không để thời gian tự xét mình?” Tôi đề ý trong chức vụ tôi rằng những ai nhanh nhẩu xét đoán và lên án người khác thì chính họ thường phạm những tội lỗi tệ hại hơn. Thật ra, một cách để làm cho mình trông có vẻ tốt hơn là lên án người khác.

Trước hết, Phao-lô cho các tín hữu Cô-rinh-tô biết rằng họ phải xét lòng mình để biết họ có thật sự được tái sinh và là những thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời hay không. Bạn có yêu anh em mình chẳng? (IGi 3:14). Bạn có thực hành sự công bình? (IGi 2:29 3:9). Bạn đã thắng hơn thế gian để sống một đời sống biệt riêng đầy tin kính chưa? (IGi 5:4). Đây chỉ là

một vài thử nghiệm chúng ta có thể áp dụng vào đời sống mình để biết chắc chúng ta là con cái Đức Chúa Trời.

Ở một trong những Hội Thánh tôi đã làm mục sư, chúng tôi có một thanh niên là trung tâm của mọi vấn đề trong ban thanh niên. Cậu là một nhạc sĩ có tài và là một thuộc viên của Hội Thánh, tuy nhiên cậu là một nan đề. Vào một mùa hè nọ khi cậu đi trại hè của Hội Thánh, những người điều hành ban thanh niên cùng các cộng sự Hội Thánh và tôi nhất trí nhau cầu nguyện cho cậu mỗi ngày. Trong một buổi nhóm, cậu đứng dậy và tuyên bố rằng cậu đã được cứu tuần lễ ấy. Cho đến thời điểm này việc cho rằng mình là Cơ Đốc nhân của cậu là giả dối. Cậu đã trải qua một sự thay đổi gây ấn tượng mạnh mẽ trong đời sống cậu, và hôm nay cậu đang hầu việc Chúa cách trung tín.

Chẳng nghi ngờ khi có nhiều vấn đề trong Hội Thánh tại Cô-rinh-tô gây ra do những người đã xưng mình được cứu, nhưng chẳng bao giờ ăn năn và tin nhận Chúa Giê-xu. Ngày nay các Hội Thánh của chúng ta đầy dẫy những con người như thế. Phao-lô gọi những người đó là “kẻ đáng bị bỏ” nghĩa là “giả mạo, không đáng tin cậy sau một cuộc thử nghiệm”. Phao-lô sử dụng từ này lần nữa trong (II Co 13:6-7) nhấn mạnh sự kiện đó là thật quan trọng cho một người biết chắc rằng mình được cứu và sẽ đến thiên đàng (IGi 5:11-13).

Trong II Co 13:7, Phao-lô cho biết rõ ông không muốn các tín hữu Cô-rinh-tô thất bại trong cuộc thử nghiệm chỉ để chứng minh rằng ông đúng. Ông cũng không muốn họ sống những đời sống tin kính chỉ để ông có thể khoe về họ. Ông không ngại bị khinh ghét và chỉ trích vì cố họ, bao lâu họ vâng lời Chúa. Ông không quan tâm về danh vọng riêng, vì Chúa biết lòng ông, nhưng ông quan tâm về tính cách Cơ Đốc của họ.

Điều quan trọng là chân lý của Phúc Âm và Lời Đức Chúa Trời (II Co 13:8). Ở đây Phao-lô đã không tuyên bố rằng tấn công chân lý hay ngăn trở chân lý là không thể được, vì những điều này đang diễn ra vào thời ấy tại Hội Thánh Cô-rinh-tô. Ông khẳng định rằng ông với các cộng sự của ông muốn chân lý được thắng hơn đạt đến họ có thể quyết định thúc đẩy chân lý, chớ không cản trở chân lý. Cuối cùng, chân lý của Đức Chúa Trời sẽ thắng hơn, vậy tại sao cố gắng chống lại nó? “Chẳng có sự khôn ngoan nào, sự thông minh nào, hay là mưu kế nào, mà chống địch Đức Giê-hô-va được” (Ch 21:30).

3. Ông khích lệ họ (II Co 13:9-13)

Trước tiên, Phao-lô đã yên ủi các tín hữu Cô-rinh-tô bằng những lời cầu nguyện riêng của ông thay cho họ (I Co 13:9). Từ được dịch là “ao ước” trong Bản dịch King James mang ý nghĩa của “cầu nguyện”. Phao-lô đã cầu nguyện để họ được nên trọn vẹn, không có nghĩa là sự trọn vẹn hoàn toàn vô tội, nhưng là “sự trưởng thành về thuộc linh”. Từ này là một phần trong một nhóm từ tiếng Hy Lạp nghĩa là “được sửa chữa, được trang bị”, là một thuật ngữ y học, nó có nghĩa là “sửa lại một cái xương bị gãy, chỉnh lại một phần thân thể bị biến dạng”. Nó cũng có nghĩa “trang bị một con tàu cho một chuyến hành trình” và “trang bị cho một quân đội để chiến đấu”. Trong Mat 4:24 từ này được dịch là “vá lưới”.

Một trong những chức vụ của Chúa phục sinh của chúng ta là chức vụ hoàn thiện dân Ngài (He 13:20-21). Ngài dùng Lời Đức Chúa Trời (ITi 3:16-17) trong mỗi thông công của Hội Thánh địa phương (Eph 4:11-16) để trang bị cho dân Ngài đời sống và sự hầu việc. Ngài cũng sử dụng hoạn nạn làm một công cụ trang bị cho chúng ta (IPhi 5:10). Khi các Cơ Đốc nhân cầu thay cho nhau và giúp đỡ nhau cách riêng tư (Ga 6:1) ở đây “sửa lại” là cùng một từ “làm nên trọn vẹn” này, thì Chúa được tôn cao sẽ dạy dỗ Hội Thánh Ngài và khiến họ trở nên xứng hợp cho chức vụ.

Sự tăng trưởng và chức vụ Cơ Đốc được quân bình không hề trong tình trạng cô lập. Có người nào đó đã nói rằng việc trưởng dưỡng một Cơ Đốc nhân không khác gì việc nuôi dưỡng một con bé. Cơ Đốc nhân thuộc về nhau và cần đến nhau. Một đứa trẻ phải lớn lên trong một gia đình yêu thương nếu muốn có được quân bình và bình thường. Sự nhấn mạnh ngày nay về “Cơ Đốc nhân cá nhân” như là một phần cách biệt khỏi hội chúng địa phương, là sai trật và rất nguy hiểm. Chúng ta là những con chiên và chúng ta phải nhóm bầy với nhau. Chúng ta là những chi thể của cùng một thân, và chúng ta phải chăm sóc nhau.

Trong IICo 13:10 Phao-lô đã cho các tín hữu Cô-rinh-tô sự yên ủi thứ hai – Lời Đức Chúa Trời. Phao-lô viết thư này để đáp ứng những nhu cầu tức thời của một hội chúng địa phương, nhưng chúng ta ngày nay được lợi ích từ thư tín ấy vì nó là một phần của Lời Đức Chúa Trời đã được hà hơi. Bức thư mang một thẩm quyền giống như sự hiện diện của chính vị sứ đồ này. Ước muốn lớn lao của Phao-lô là sự vâng phục của hội chúng đối với thư tín này giải quyết được những vấn đề của họ, hầu cho ông sẽ không phải thực hiện quyền hạn khi thăm viếng họ.

Đôi lúc người dạy đạo phải phá đổ trước khi người ấy có thể gây dựng (Gie 1:7-10). Người nông dân phải nhổ cỏ dại trước khi người ấy có thể trồng những hạt giống và được vụ mùa tốt. Phao-lô đã phải đánh đổ tư tưởng sai lầm trong tâm trí các tín hữu Cô-rinh-tô (IICo10:4-6) trước khi ông có thể gây dựng chân lý trong lòng và trí họ. Thái độ tiêu cực của các tín hữu Cô-rinh-tô khiến Phao-lô cần thiết phải trừ khử, nhưng ước muốn lớn của ông là gây dựng.

Trong chức vụ của riêng tôi, tôi đã thực hiện xong 2 chương trình xây dựng và 2 chương trình tu sửa mặc cho mọi đòi hỏi của chúng, chương trình xây dựng đối với tôi dễ hơn nhiều. Xây dựng một kiến trúc mới trên đất chưa được cải tạo còn đơn giản hơn và ít tốn kém hơn phá đổ những bức tường và cố gắng tu sửa một toà nhà cũ. Tương tự như vậy, nhận một tín hữu mới và dạy đạo cho người ấy dễ hơn nhiều so với cố gắng thay đổi tư tưởng sai lầm của một thánh đồ kỳ cựu. Những quan niệm sai lầm có thể “chống lại” chân lý một thời gian dài, cho đến khi Thánh Linh Đức Chúa Trời phá huỷ những bức tường trong tâm trí.

Phao-lô đã khích lệ các thánh đồ trau dồi ân điển, tình yêu thương và sự bình an (IICo 13:11-12), Từ được dịch là “chào” nghĩa là “ân điển”, một dạng chào hỏi thông thường thời bấy giờ. Nó cũng có thể được dịch là “sự vui mừng”. Mệnh lệnh “hãy nên trọn lành” có liên quan đến lời cầu nguyện của Phao-lô trong IICo 13:9 và mang ý nghĩa “Hãy trưởng thành, hãy được phục hồi và thích hợp cho đời sống”. “Hãy ở trong sự an ủi tốt đẹp” nghĩa là “hãy can đảm”. Mặc cho mọi tội lỗi và những vấn đề của họ, họ có mọi quyền để được khích lệ.

“Hãy sống trong sự bình an” là một lời khuyên cần thiết, vì đã có những sự phân rẽ và bất hoà trong Hội Thánh (12:20). Nếu họ thực hành tình yêu thương và tìm cách hiệp một ý, những tranh chiến sẽ chấm dứt và họ sẽ vui hưởng sự bình an trong mỗi thông công của họ. Hiệp một ý không có nghĩa là chúng ta đều đồng ý mọi việc, nhưng là chúng ta đồng ý không bất hoà về những vấn đề không cần thiết.

Đức Chúa Trời của chúng ta là “Đức Chúa Trời của sự yêu thương và sự bình an” (13:11). Thế gian bên ngoài có thể nhận biết qua cách chúng ta sống và cách chúng ta điều hành công việc Hội Thánh không? “Hãy xem cách họ yêu thương nhau!” là điều thế gian hư mất đã nói về Hội Thánh đầu tiên, nhưng kể từ khi Hội Thánh nhận được lời khen ấy cho đến nay đã là một thời gian dài.

Từ thời xưa, cái hôn đã từng là một dạng chào hỏi và là một cử chỉ của tình yêu cùng mỗi thông công. Tuy nhiên, nó đã thường được trao đổi giữa các thuộc viên cùng phái. Hội Thánh đầu tiên đã dùng cái hôn của sự bình an và cái hôn của tình yêu thương như những chứng có

của tình cảm và mối quan tâm của họ đối với nhau. Đó là một “cái hôn thánh”, được thánh hoá bởi sự tận tụy đối với Chúa Giê-xu Christ. Hôn các tín hữu mới sau khi họ chịu phép báp-tem và được tiếp đón vào trong mối thông công không phải là điều lạ đối với các thuộc viên của Hội Thánh ban đầu.

Mối thông công hằng ngày của dân sự Đức Chúa Trời là quan trọng đối với Hội Thánh. Chúng ta phải chào hỏi nhau ở những nơi khác cũng như mối thông công của hội chúng, và chúng ta phải bày tỏ sự quan tâm lẫn nhau. Để đưa ra lời khuyên trong IICo 13:12, Phao-lô chắc chắn đã đánh mạnh vào một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất trong Hội Thánh: sự chia rẽ và sự thiếu sót của họ về mối quan tâm lẫn nhau.

Lời chúc phước cuối cùng trong IICo 13:13 là một trong những chúc phước được yêu thích nhất trong Hội Thánh. Nó nhấn mạnh Ba Ngôi Đức Chúa Trời (Mat 28:19) và những phước hạnh chúng ta có thể nhận được vì chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời. Ân điển của Chúa Giê-xu nhắc chúng ta về sự giáng sinh của Ngài, khi Ngài trở nên nghèo để khiến chúng ta được giàu có (Gi 3:16). Sự giao thông của Thánh Linh nhắc chúng ta về lễ Ngũ tuần, khi Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự đến và thiết lập Hội Thánh (Cong 2:1-47)

Nhưng tín hữu Cô-rinh-tô lúc đó và mọi tín hữu bây giờ rất cần những phước hạnh của ân điển, tình yêu và sự giao thông. Những người theo Do Thái giáo lúc ấy, và những hệ phái ngày nay nhấn mạnh luật pháp thay vì ân điển, tính độc nhất thay vì tình yêu thương, và sự độc lập hơn là sự giao thông (mối thông công). Sự tranh cạnh trong Hội Thánh Cô-rinh-tô, dẫn đến những chia rẽ, lẽ ra sẽ được giải quyết nếu dân sự chỉ sống bởi ân điển và tình yêu của Đức Chúa Trời.

Hội Thánh là một phép lạ, và Hội Thánh có thể được duy trì bởi chức vụ mẫu nhiệm của Đức Chúa Trời. Không một số lượng nào về kỹ năng, tài năng hay những chương trình của con người có thể làm cho Hội Thánh đạt được điều đáng phải có. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện điều đó. Nếu mỗi Cơ Đốc nhân nhờ cậy nơi ân điển Đức Chúa Trời, bước đi trong tình yêu của Đức Chúa Trời và dự phần trong mối thông công của Thánh Linh, không bước đi trong xác thịt, vậy người ấy sẽ là một phần của lời giải đáp chứ không phải một phần của vấn đề. Người ấy sẽ sống trong sự chúc phước này – và là một sự chúc phước cho những người khác.

Hãy cầu xin Đức Chúa Trời khiến bạn trở nên mẫu Cơ Đốc nhân đó.

Hãy can đảm – và rồi hãy khích lệ người khác.